GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM 1-12-2011 Phật lịch 2555

Số 142

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

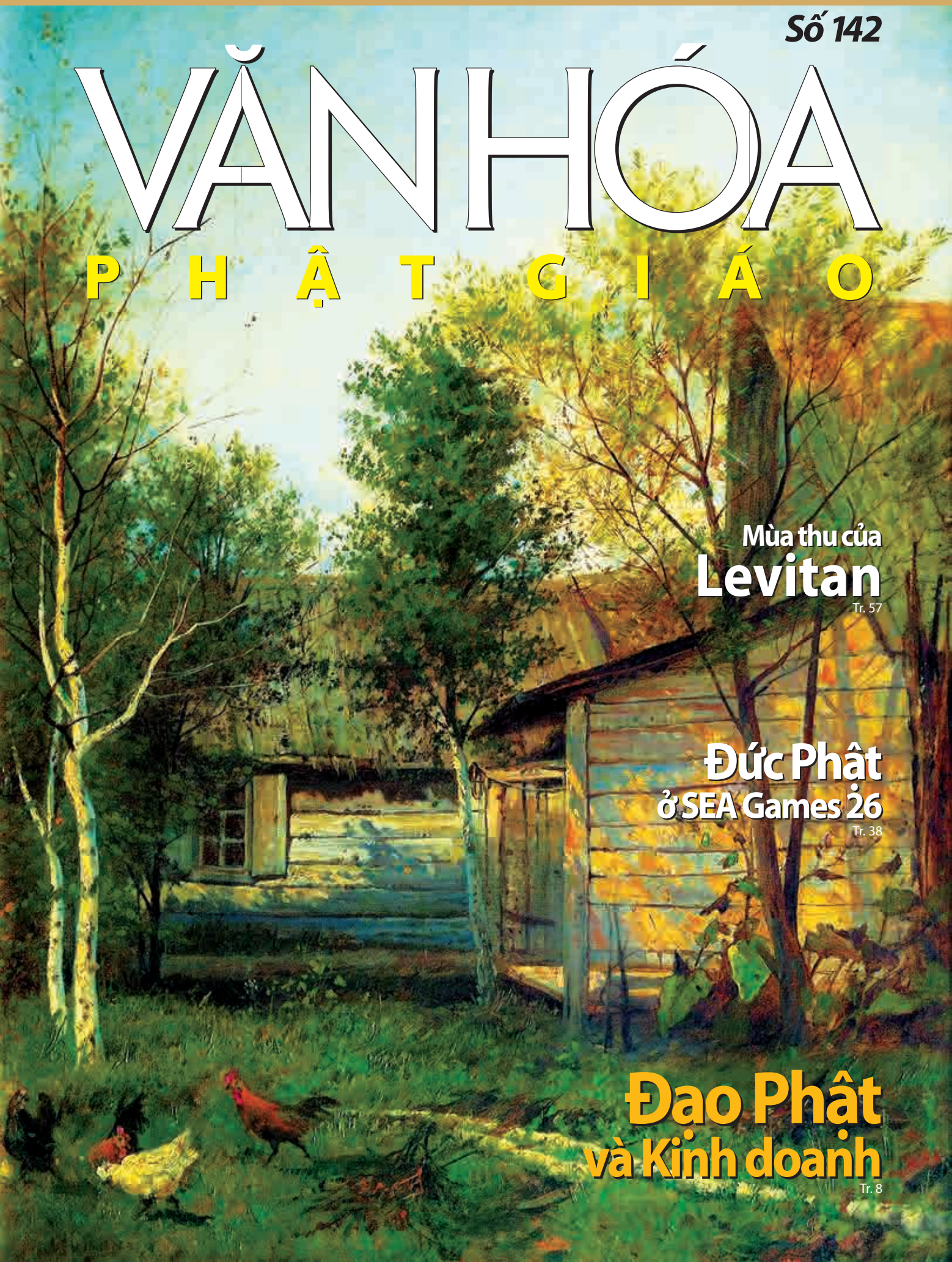

Mùa thu của Levitan

Tr. 57

Đức Phật ở SEA Games 26

Tr. 38

Đạo Phật và Kinh doanh

Tr. 8

HOA SEN GROUP

Mái che ân tình - Sen vàng 10 năm

Chúc Mừng Năm Mới

SEN HỒNG HƯ KHÔNG

(Ca khúc được sáng tác độc quyền cho Tập đoàn Hoa Sen)

♩ = 100

Nhạc và lời :Trần Tiến

Đoá hoa sen hồng sen hồng mà hư
không. Ơ hơ Lấy chi che
người. che người mà bão giông. Ơ hơ
Một đời tha nhân chi sơ bản thiện từng ngày đêm thao thức
Phật Bà Quan Âm Thổ nhân phổ độ hiện về pháp đạo quang
Tìm về bến Giác hồng Đời người như mây khói
Sắc sắc không không đêm giông mịt mùng, Dưới mái tôn nghe như kinh nguyện
cầu, những lời nhiệm mầu, những giọt đàn mưa rơi rơi.
Hãy nghe tiếng đàn, tiếng đàn mà mưa
đêm Ơ hơ Mái che ân tình, ân tình mà Hoa
Sen. Ơ hơ Đời người như mây khói
D.S. al Fine
Tìm về bến Giác hồng Nam mô A di đà Phật

Xuân
NHÂM THÌN
2012

(Để nghe ca khúc, xin vui lòng cập nhật tại www.hoasengroup.vn)

Sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen

TÔN HOA SEN ỐNG NHỰA HOA SEN ỐNG THÉP HOA SEN

HOA SEN GROUP: Số 9 ĐL Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, TX.Dĩ An, Bình Dương * Tel: 0650 3790 955 * Fax: 0650 3791 792
Văn phòng đại diện: 94 - 96 Nguyễn Du, Quận 1, Tp.HCM * Tel: (08) 3910 6910 * Fax: (08) 3910 6913
www.hoasengroup.vn

Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BỒNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DĐ: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DĐ: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Từ phong trào "Chiếm phố Wall", nghĩ về công bình xã hội (Nguyên Cẩn) 3
Sương mai 7
Đạo Phật và kinh doanh (Như Hải – Bạch Hoa) 8
Ngọt bùi cho con (Cao Huy Hóa) 11
Nhiệm vụ người thầy (Bertrand Russell, Khánh Uyên dịch) 14
Văn bia tháp Viên Minh (Đồng Dưỡng) 18
Cảm ơn đau khổ (Viên Thắng) 21
Lộ trình chứng đắc chân lý (Thanh Liên) 22
Quán tánh Không theo *Trung Quán luận* (Nguyễn Thế Đăng) 24
Sự thật về vô thường (Piyadassi Thera, Thích Thiện Chánh dịch) 27
Ghi chép lõm bõm - Thấp thoáng lời kinh 2 (Đỗ Hồng Ngọc) 31
Thế nào cho phải đạo (Hoàng Tá Thích) 34
Những suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc đời (Cyril Siriroj, Minh Nguyên dịch) 36
Đức Phật ở SEA Games 26 (Tường Linh) 38
Ngôi chùa ở thế đất đầu rồng (Phạm Thanh Tùng) 40
Viết cho một cô gái, là chị (Mẫu Đơn) 43
Khoảng lặng của trái tim… (Hoa Sầu Đông) 45
Mưa thị trấn (Người Sông Thu) 48
Nhớ sớm mùa đông (Đoàn Đại Trí) 50
Thơ 52
Ngày xưa chưa xa (truyện ngắn của Nguyễn Trọng Hoạt) 54
Thiên nhiên xanh (Trần Hữu Lục) 56
Mùa thu của Levitan (Hoàng Hạ) 57
Lời cảm ơn cuộc sống 59
Món chay: Bí ngô nấu canh với đậu phụng và bột báng (Hoàng Anh – Phú Xuân) 60

Bìa 1:* Ngày nắng, *tranh sơn dầu (1876) của Isaac Levitan.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tiếp tục tôn vinh các hoạt động giáo dục trong dư âm của ngày 20-11, Văn Hóa Phật Giáo *số 142 đăng tải thêm một số bài viết liên quan đến ngày Nhà giáo đã được gửi đến từ trước. Giáo dục là một trong những vấn đề thường xuyên được* VHPG *quan tâm. Chúng tôi luôn trân trọng ý kiến đóng góp của mọi người về vấn đề giáo dục và nhà giáo; sẵn sàng đăng tải mọi ý kiến, mọi cảm nhận, thể hiện sự suy nghĩ sâu sắc về chủ đề này khi nhận được vào bất kỳ thời điểm nào trong năm. Kính xin quý vị tích cực đóng góp chất xám cho vấn đề này.*

Sau khi phát hành số báo này, chỉ còn chưa đầy hai tháng nữa là Tết Nguyên đán năm Nhâm Thìn. Do vậy VHPG *Xuân Nhâm Thìn sẽ được phát hành vào ngày đầu năm dương lịch 2012. Ngay từ bây giờ, chúng tôi kính mong quý vị cộng tác viên gửi bài đóng góp cho tờ báo Xuân của chúng ta thêm phong phú. Bài viết cho báo Xuân xin quý vị gửi về tòa soạn trước ngày 15-12-2011.*

Phát hành số báo Xuân Nhâm Thìn xong, chúng tôi sẽ nỗ lực chuẩn bị cho số báo kỷ niệm VHPG *tròn bảy tuổi (1 tháng Hai 2005 – 1 tháng Hai 2012). Bảy năm tuy chẳng là bao trong một đời người, nhưng với một tờ báo in trong thời buổi này lại là một thời gian đáng kể. Trong khoảng hai ngàn rưỡi ngày đó cũng đã có rất nhiều chuyện vui buồn, mà với Tạp chí* Văn Hóa Phật Giáo *chúng tôi thì mọi niềm vui nỗi buồn đều liên quan đến độc giả. Để thực hiện số báo kỷ niệm bảy năm hoạt động của* VHPG, *chúng tôi kính mong quý độc giả sớm gửi về tòa soạn những cảm nhận của quý vị đối với tạp chí. Chúng tôi sẽ chọn đăng những cảm nhận độc đáo được gửi đến tòa soạn trước ngày 10-1-2012, những điều chúng tôi luôn trân quý và xem đó là tình cảm của độc giả đối với người làm báo; nhất là những lời phê bình giúp chúng tôi phục vụ độc giả được tốt hơn.*

Xin kính chúc quý độc giả đạt được sự an bình tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo

Từ phong trào "Chiếm phố Wall", nghĩ về công bình xã hội

NGUYÊN CẨN

Phố Wall dậy sóng

Bản tin của Hãng thông tấn *AP* phát đi ngày 9 tháng 11 năm 2011 cho biết những người biểu tình trong phong trào Chiếm phố Wall (Occupy Wall Street hay OWS) đã rời Công viên Zuccotti xuống phà Manhattan sang New Jersey, bắt đầu thực hiện cuộc đi bộ suốt 240 dặm đường dự kiến kéo dài hai tuần lễ xuất phát từ New York, qua một loạt các bang của Mỹ gồm Pennsylvania, Delaware và Maryland sao cho kịp tiến vào Washington đúng ngày 23 tháng 11, hạn chót để Quốc hội Hoa Kỳ biểu quyết có cho phép gia hạn các biện pháp cắt giảm thuế có từ thời Tổng thống Bush hay không, các biện pháp mà những người biểu tình cho rằng chỉ mang lại lợi ích cho giới nhà giàu.

Phong trào "Chiếm phố Wall" khởi phát ngày 17-9-2011 tại Công viên Zuccotti nằm trong khu tài chánh Wall Street ở thành phố New York không chỉ nhanh chóng lan rộng ra hầu hết các thành phố lớn ở Mỹ mà còn phát triển đến rất nhiều nước trên thế giới.

Về mặt hiện tượng, phong trào Chiếm phố Wall có vẻ được gợi hứng bởi các phong trào chống đối trước đó, từ cuộc phản kháng dân sự ở Tunisie và Ai Cập hồi tháng Giêng đến những cuộc biểu tình đòi hỏi việc làm và an sinh xã hội ở Tây Ban Nha hồi tháng Năm; về bản chất, nó nhằm chống lại các kế hoạch toàn cầu hóa đang song hành với chủ nghĩa tiêu thụ, trong khi chính toàn cầu hóa và công nghệ hiện đại đã cho phép các phong trào xã hội vượt qua biên giới quốc gia với một tốc độ chóng mặt.

Nói về phong trào Chiếm phố Wall, nhà kinh tế đoạt giải Nobel năm 2001 Joseph Stiglitz cho rằng các chính phủ đã hết thời "ngậm miệng ăn tiền, mũ ni che tai"

trước quần chúng đang vật vã khốn khổ hàng ngày vì miếng cơm manh áo, vì thiếu sự công bằng trong xã hội. Tình trạng chính trị quốc tế cho thấy người ta đang hoạt động trong một khuôn khổ phù hợp với quy định của các chính phủ, nhưng khuôn khổ này không phản ảnh lợi ích chung của nhân dân mà chỉ phục vụ lợi ích của thiểu số 1%. Các chính phủ như thế không còn "của dân, do dân và vì dân" như tôn chỉ ban đầu.

Những cuộc biểu tình đang lan rộng khắp mọi nơi trên thế giới. Tình trạng đó khiến người ta cảm thấy cả một "hệ thống" đang sụp đổ, và dường như ngay cả nền dân chủ được xác lập bấy lâu với bao nhiêu niềm tin về tính chất khách quan, tôn trọng nhân quyền, vị dân sinh, cùng với một tiến trình xây dựng thông qua bầu cử đang có những lỗ hổng, những sai lầm, được biểu hiện bởi những bất công mà từ lâu trong giai đoạn phát triển, người ta đã mơ hồ không nhận thức. Có một điểm chung giữa những phong trào, được OWS (Phong trào Chiếm phố Wall) thể hiện thông qua một biểu ngữ đơn giản: "Chúng ta là 99%". Nó mô tả sự bất bình đẳng tại nước Mỹ: 1% dân số đang nắm giữ 40% tài sản và chiếm hơn 20% thu nhập. Người ta không phủ nhận tầm quan trọng của 1% ấy vì họ cũng có những đóng góp rất lớn về mặt phát triển kinh tế, nhưng sự bất bình đẳng giữa người giàu kẻ nghèo lại được thể chế hóa và bảo vệ thông qua chính sách thuế và hệ thống ngân hàng, khiến những tầng lớp nhân dân trở thành "nạn nhân" phải tự xoay xở, bươn chải trong cuộc sống ngày một khó khăn. Theo Joseph E. Stiglitz thì đó là, "một hệ thống thuế giúp tỉ phú như Warren Buffet phải trả một khoản thuế (tính theo % của thu nhập) thấp hơn cả thư ký của ông ta, hay giới đầu cơ, những kẻ gây ra suy thoái cho nền kinh tế, lại chỉ phải trả mức thuế thấp hơn những người đang làm việc để tự tạo ra thu nhập, khiến xu hướng bất bình đẳng ngày càng gia tăng".

Nhìn rộng hơn, những người biểu tình đang mơ đến một nền dân chủ đích thực mà ở đó mọi người cùng có tiếng nói như nhau, góp phần quyết định vào những chính sách xã hội, kinh tế. Mâu thuẫn này thực ra trong lòng xã hội nào cũng có, và chỉ bùng phát khi kinh tế suy thoái, đời sống bộc lộ nhiều khó khăn. Thí dụ như tại Mỹ, nước giàu nhất thế giới tính theo GDP, tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở trên 9% mặc cho nhiều nỗ lực hỗ trợ từ phía Quốc hội. Theo số liệu thống kê do Bộ Lao động Mỹ công bố ngày 6/11, nước Mỹ đã mất 190.000 việc làm trong tháng 10, nâng tổng số lao động thất nghiệp ở nước này lên con số 15,89 triệu người. Trước đó, trong tháng 9, tỷ lệ thất nghiệp của nước này đứng ở mức 9,8%.

Có thể thấy rằng đây là cuộc chiến giàu – nghèo, một cuộc khủng hoảng "thâm hụt dân chủ" mà các lý thuyết kinh tế "kinh điển" cũng đã từng hình dung và đưa ra nhiều phương án xử lý, nhưng kết quả như thế nào vẫn là một dấu hỏi phía trước vì tình hình giờ đây đã khác xưa. Chính quyền của Tổng thống Obama dù vận dụng mọi lý luận theo học thuyết Keynes và neo-Keynesianism cũng chưa thể giải quyết hết những mâu thuẫn nội sinh vì đất nước ấy đã như một người bệnh nặng, cơ thể suy kiệt, không hấp thụ nổi nhiều loại thuốc kháng sinh, đã không công hiệu lại dễ gây biến chứng.

Chủ nghĩa xã hội vẫn là một lý tưởng?

Trước tình hình ấy, đã có người trong chúng ta nêu lại, khơi gợi lại, rao giảng về tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Trên báo *Người Lao Động* số ra ngày 7-11-2011, người ta đọc được bài viết "Thời cơ của chủ nghĩa xã hội" mà tác giả là Nguyễn Quỳnh Phụ thuộc Trường Sĩ quan Lục quân 2 như sau:

"Những cuộc khủng hoảng kinh tế trong các thập kỷ qua cho thấy chủ nghĩa tư bản đang khủng hoảng nghiêm trọng cả về kinh tế lẫn niềm tin. Việc cả châu Âu phải đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế đang

lan rộng cho thấy chủ nghĩa tư bản bối rối như thế nào trước những diễn biến phức tạp của một cuộc suy thoái kinh tế lần thứ hai. Mỹ đang phải đối phó với sự khủng hoảng kinh tế trên diện rộng cũng cho thấy chủ nghĩa tư bản, về bản chất, vẫn có những mâu thuẫn cực kỳ gay gắt, dù nó đang tìm cách thích nghi với thời đại.

Đó chính là thời cơ của chủ nghĩa xã hội trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: "Không phải từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn. Đổi mới không phải xa rời mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Chúng ta đang đi về hướng đó và thẳng tiến".

Có thật là chúng ta đang sống trong một xã hội xã hội chủ nghĩa chăng?

Trước hết, cần khẳng định quan điểm về mô hình phát triển kinh tế ở nước ta đã được xác định qua các kỳ đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam là "phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần,vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Có nhà kinh tế đã băn khoăn về cụm từ "định hướng XHCN". Phải chăng nó nhấn mạnh đến vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước là hết sức quan trọng, đảm bảo tính hiệu quả của thị trường và để đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phần sau chúng ta sẽ bàn đến lý do nền kinh tế Việt Nam cần phải tái cấu trúc, hay xã hội Việt Nam cũng cần như thế.

Chúng ta đã thấy bóng dáng CNXH trên đất nước mình chưa khi còn đến 40% dân số chưa có bảo hiểm y tế, hàng trăm ngàn học sinh bỏ học mỗi năm vì… nghèo(!). Chưa kể đến tình trạng phúc lợi xã hội xếp vào loại thấp nhất nhì thế giới với những dịch vụ không đạt chuẩn. Xếp hạng HDI (Human Development Index) của Việt Nam năm 2011 không thay đổi so với năm 2010 trong khi của Campuchia, Lào, Indonesia, Philippines, và Malaysia đã tăng lên.

Bà Setsuko Yamazaki, Giám đốc UNDP nhận xét, những tiến bộ mà Việt Nam đã đạt được trong từng chỉ số thành phần của HDI cho thấy tiến bộ chung về phát triển con người chủ yếu do tăng trưởng kinh tế. Bà cảnh báo rằng, những tiến bộ về phát triển xã hội, bao gồm cả y tế và giáo dục diễn ra chậm hơn và đóng góp ít hơn cho HDI của Việt Nam.

Theo bà Ingrid Fitzgerald, Giám đốc Nhân sự của Tổ chức phi Chính phủ Viện trợ và Phát triển Quốc tế IRD, trong năm 2011, chất lượng giáo dục của Việt Nam thấp hơn so với các nước khác trong khu vực. Tính trung bình ở Đông Á và Thái Bình Dương, số năm đi học kỳ vọng là 11,7 và số năm đi học trung bình là 7,2 năm. Con số trên ở Thái Lan là 12,3 và 6,6 ở Philippines là 11,9 và 8,9 trong khi ở Việt Nam là 10,4 và 5,5.

Bà nói, "Việt Nam sẽ rất khó cạnh tranh hiệu quả trong một thị trường ngày càng toàn cầu hóa cao và khó tránh khỏi bẫy thu nhập trung bình, nếu không thể cải thiện các kết quả giáo dục và trình độ kỹ năng một cách bền vững".

Báo cáo năm 2011 lần đầu tiên đưa ra chỉ số đói nghèo đa chiều cho Việt Nam. Chỉ số đói nghèo đa chiều đo lường các hình thức thiếu thốn khác nhau về y tế, giáo dục và mức sống. Theo báo cáo này thì tỉ lệ nghèo phi tiền tệ ở Việt Nam (những hộ thiếu thốn cả y tế, giáo dục và mức sống) ở mức 23,3%, cao hơn nhiều so với tỉ lệ đói nghèo quốc gia là 14,5%.

Hố ngăn cách giàu nghèo Việt Nam đang ngày một nới rộng ra và người ta đã tính sơ bộ (thống kê 2007) 20% những người giàu nhất Việt Nam chiếm 45% tài sản quốc gia. Con số này chắc đã chênh lệch nhiều hơn hiện nay. Như vậy, hình ảnh thực của CNXH cho đến bây giờ vẫn chỉ nằm trong bộ óc sáng tạo, tư duy thiên tài và giàu tưởng tượng của K. Marx. Họa chăng ở những nước Bắc Âu, phần nào người ta đã tiệm cận hình ảnh một xã hội phúc lợi công bình. Trong khi những nước Đông Âu và thậm chí cả Liên Xô trước đây xây dựng theo học thuyết ấy thì đã phải thay đổi đường lối sau sự sụp đổ của cả một hệ thống kinh tế chính trị phi thực tiễn, phủ nhận cạnh tranh, dẫn đến kinh tế phi thị trường và không bền vững.

Chúng ta cũng nên nhớ rằng chủ nghĩa tư bản chỉ là học thuyết kinh tế còn việc biểu tình thuộc quyền tự do chính trị. Không phải biểu tình "Chiếm lấy phố Wall" là người ta muốn làm cách mạng mà thực chất là người ta chỉ muốn "cải cách", muốn sửa chữa sai lầm của hệ thống kinh tế ấy. Đừng vội nghĩ đó là thời cơ của hai hay ba dòng thác cách mạng gì đó mà sẽ là lầm to!

Công bình xã hội vẫn là một thách thức với Việt Nam trong tái cấu trúc?

Cũng nhớ lại hồi cuối tháng 9 năm nay, Tiến sĩ Lê Đăng Doanh đã thẳng thắn chỉ ra "không nghi ngờ gì nữa, tình hình kinh tế – xã hội nước ta đang ở trong tình trạng xấu nhất từ năm 1991 đến nay" và ông đề nghị Việt Nam cần phải đổi mới lần hai. Ông cho rằng với cuộc đổi mới lần đầu tiên, Việt Nam đã tự do hóa được các năng lực tiềm tàng của người dân, sản xuất ra được của cải và có vốn đầu tư. Điều đó đã đem lại cho Việt Nam những bước phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, đến giờ thì những động lực đó không còn đủ nữa mà cụ thể ở đây là nhiều hoạt động đầu tư của chính phủ không có hiệu quả dẫn đến việc khối doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) trở thành một lực cản. Chúng ta hãy nhìn lại hiệu quả của khối DNNN khi chỉ số ICOR (tỷ lệ lãi trên vốn đầu tư) đến 8USD mới sinh ra 1USD; trong khi ở doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) chỉ số ấy là 3.5 hoặc 4 USD tạo ra 1 USD. Tình trạng nợ nần, đầu tư bừa

bãi ngoài ngành của các tổng công ty như Vinashin, hay EVN… hoặc tình hình công nợ của những nhà máy xi măng khiến ngân sách oằn mình trả nợ, hay chính xác hơn, những người đóng thuế phải trả nợ thay. Mà những khoản thất thoát ấy có thể xây bao nhiêu cầu, xây bao nhiêu trường, trạm xá, nhà thương…?

Một vấn đề mập mờ bấy lâu là công – tư không rạch ròi. Có những dự án công nhưng làm lợi cho những nhà đầu tư tư nhân như việc giao rừng, giao đất. Bao nhiêu sân golf cho một tỉnh nông nghiệp là đủ? Ông Nguyễn Đình Quyền, một trong những người chấp bút cho dự án Luật Đất đai nói, "Trong khi nhà làm cầu cảng, sân golf xin cấp hàng ngàn hecta đất thì có ngay nhưng quy hoạch đất cho xây dựng trụ sở cơ quan, nhà trẻ thì không có (!)… Chính lợi ích nhóm đã điều chỉnh cả quy hoạch" (báo *Pháp Luật Đời Sống* ngày 9-11). Dân không có đất canh tác nhưng bờ xôi ruộng mật hóa thành khu công nghiệp, khu du lịch sinh thái… dù có nhiều khu đến cả chục năm sau vẫn còn vắng vẻ.

Điều có vẻ nghịch lý ấy có nghĩa rằng công và tư phải được rạch ròi. Nhưng tiếc thay, trào lưu tư nhân hóa các nguồn tài nguyên quốc gia đang là một thực tế. Và thủy điện được xây dựng bất chấp quy trình, quy hoạch, xả lũ gây nên những thiên tai "nhân tạo" như ở miền Trung vừa qua! Điều đáng nói là quá trình tư nhân hóa ấy diễn ra không minh bạch, không được nhân dân tham gia kiểm soát, lợi ích thu được không công khai vì lợi chung.

Có người đã cho rằng khuyến khích đầu tư tư nhân, khi biến bờ biển thành của tư, chính quyền chỉ có thể làm được điều thận trọng ấy thông qua quy hoạch công khai, tổ chức đấu thầu công khai và tăng cường giám sát của nhân dân. Nếu không, bờ biển mai đây sẽ bị băm nát thành resorts, không còn chỗ cho dân nghèo hưởng niềm vui trên đất nước mình.

Theo Tiến sĩ Trần Đình Thiên, Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam, sau nhiều năm đạt được thành tích tăng trưởng được coi là khá ngoạn mục, trong những năm gần đây, nền kinh tế nước ta đang đối mặt với yêu cầu gay gắt phải được "chỉnh sửa căn bản" để thoát khỏi tình trạng nghiêm trọng, thậm chí rơi vào tình trạng "đình trệ - lạm phát cao". Vẫn theo ông Trần Đình Thiên, để thay đổi mô hình tăng trưởng hiện tại, trước hết phải nhận diện chính xác thực chất và hậu quả của nó. Động cơ tăng trưởng trong mô hình hiện tại là chủ nghĩa thành tích và các lợi ích cục bộ, ngắn hạn. Các trụ cột của mô hình tăng trưởng là khai thác và xuất khẩu tài nguyên thô; đầu tư vốn dễ dãi; khai thác lao động rẻ, phẩm chất kém, và đặc biệt là duy trì khu vực doanh nghiệp nhà nước mà hiệu quả cần phải đặt nhiều dấu hỏi. Nền kinh tế Việt Nam đang mất cân đối nghiêm trọng. Sự mất cân đối này bắt nguồn từ mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, dựa quá nhiều vào vốn đầu tư, trong khi hiệu quả lại thấp. Vì thế, càng tăng trưởng, tình trạng mất cân đối càng nghiêm trọng. Ông đưa ra kết luận, sự đầu tư dàn trải đó đang tạo ra một "nền kinh tế méo mó khủng khiếp".

Cội nguồn của bất công

Ở đây, có lẽ chúng ta cần nhắc lại lời Phật dạy được cô đọng trong kinh *Bát Đại Nhân Giác*. Nguyên văn phiên âm tiếng Hán Việt của điều giác ngộ thứ nhất có một đoạn chính như sau: "… Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy, tứ đại khổ không, ngũ ấm vô ngã, sinh diệt biến dị, hư ngụy vô chủ. Tâm thị ác nguyên, hình vi tội tẩu…", nghĩa là "… mọi sự trên thế gian chẳng có gì tồn tại mãi, mọi cõi nước cũng như các chế độ chính trị xã hội ở các nơi đó đều mong manh, các yếu tố đất nước lửa gió tạo nên sắc tướng thực chất là trống không và chỉ mang lại khổ não, các tập hợp sắc thọ tưởng hành thức tạo thành một chúng sinh hoàn toàn không có một bản ngã chắc thực, tất cả những điều đó luôn sinh diệt biến đổi không ngừng, chỉ là những điều giả dối, không có chủ thể. Trong đó, tâm con người là gốc của mọi điều ác và thân con người là nơi tội lỗi tập trung…".

Bằng tuệ giác, Đức Phật chỉ rõ mọi sự đều biến chuyển không ngừng, từ sát-na trước đến sát-na sau đã đổi khác, chẳng có gì bền vững muôn đời trước luật vô thường. Tuy nhiên, phần lớn con người không nghĩ thế, họ cho rằng của cải và quyền lực sẽ củng cố cái ngã của họ. Vì thế mà tâm nhiễm tham dục gây bao điều ác. Bao nhiêu cuộc chính biến, cách mạng từ thời phong kiến đến tư bản và bao nhiêu cuộc chiến tranh trên thế giới này đều xuất phát từ tham vọng củng cố quyền lực, tích lũy, vơ vét tài sản của những người lãnh đạo. Những sự kiện tương tự cũng không ít trong lịch sử đương đại. Khi đã có mầm tội ác trong tâm, thì thân chính là nơi tội ác tích tập. Kẻ có tham vọng sẵn sàng không từ bỏ một thủ đoạn nào, kể cả những biện pháp phi nhân, miễn sao cho đạt mục đích, không quan tâm đến điều an nguy của nhân dân, sự tồn vong của đất nước, phản bội những người đã ủng hộ, đã bầu cho họ với hy vọng được sống an vui trong một chế độ nhân bản với những phúc lợi tương xứng. Họ không biết rằng với luật nhân quả, mình gieo nhân nào thì sẽ gặt quả nấy. Nếu các lãnh tụ trên thế giới đều nhận biết lẽ vô thường, luật nhân quả, từ những bài học lịch sử ngàn xưa đến nay, chúng ta tin rằng họ sẽ có những quyết sách sáng suốt và công bằng hơn, cuộc sống này sẽ tốt đẹp hơn.

Đã đến lúc phải nghĩ về phong trào "Chiếm lấy phố Wall" bằng cái nhìn khác, khách quan hơn, có liên hệ hoàn cảnh của chính chúng ta để thấy rằng phố Wall tuy xa nhưng lại rất gần, ngay trong tâm tưởng quần chúng. Nếu những bất công xã hội không được đánh giá nghiêm túc và hố ngăn cách giàu nghèo không được lấp dần đi thì không có gì bảo đảm rằng lịch sử không lặp lại. Những cuộc cách mạng thường khởi đầu như thế! ■

Có hai loại người có trí. Thế nào là hai? Người phạm tội thấy mình phạm tội, và người chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình.

Kinh Tăng Chi Bộ, Tập I, Chương 1

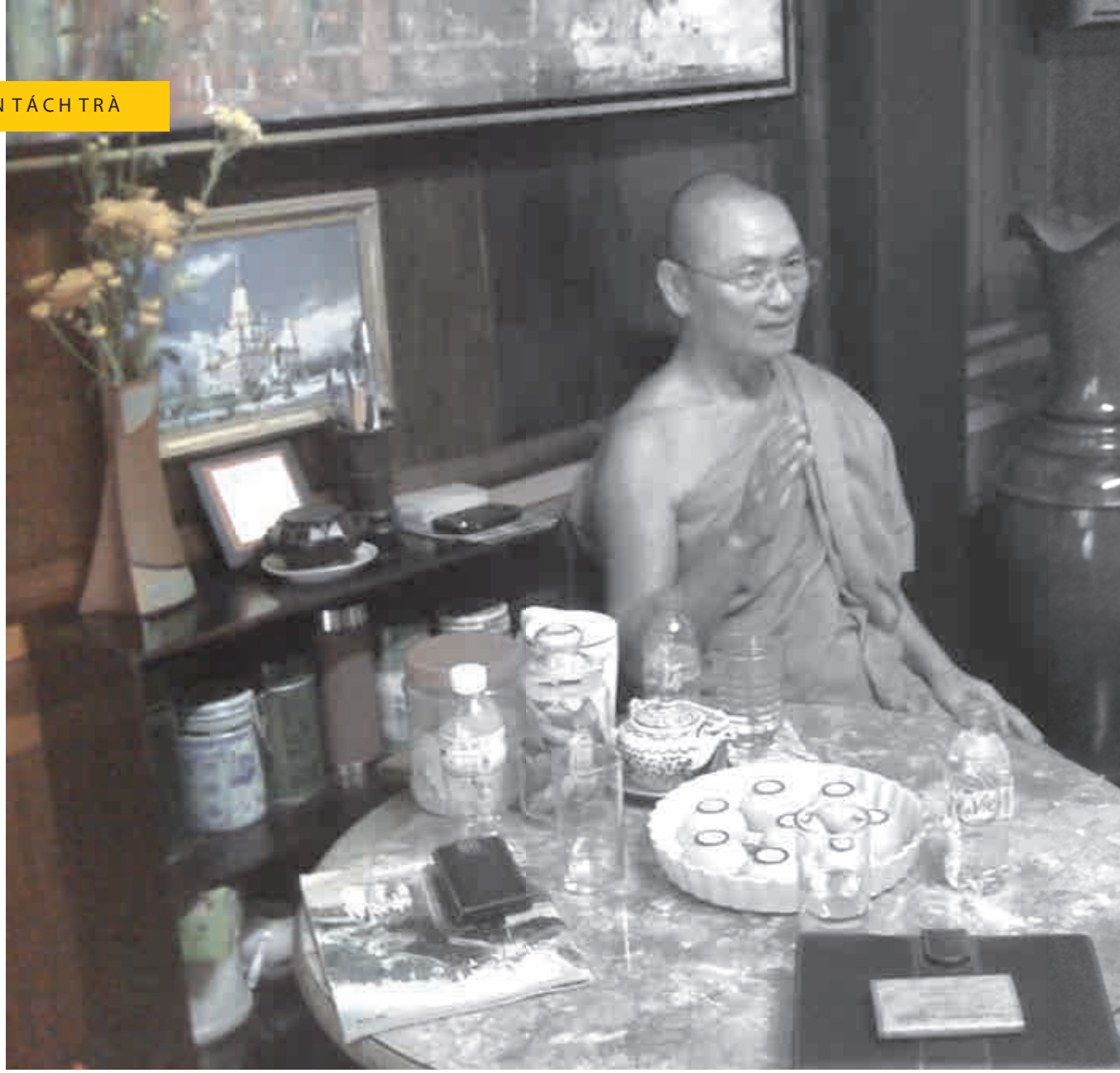

Đạo Phật và Kinh doanh

(Phỏng vấn Hòa thượng Thích Viên Minh, chùa Bửu Long, quận 9)

NHƯ HẢI - BẠCH HOA

Như Hải (NH): Thưa thầy, có mối liên hệ nào giữa đạo Phật và kinh doanh hay không ạ?

Hòa thượng Thích Viên Minh (HT.TVM): Cần phải biết doanh nhân tìm đến đạo Phật nhằm mục đích gì? Có thể có doanh nhân làm ăn thất bại, nên tìm đến đạo Phật để tìm cách làm ăn thành công hơn. Thật ra, Phật giáo không loại trừ điều này, vì là nhu cầu sinh hoạt của loài người (kinh doanh *tạo* lợi nhuận). *Nếu một người thông suốt được phương diện đạo đức của Phật giáo, họ sẽ làm tốt những sinh hoạt trong đời thường, bất kỳ sinh hoạt nào, không nhất thiết là kinh doanh.*

Người xưa nói 'phi thương bất phú' là không kinh doanh thì không thể giàu được, như vậy phải chăng mục đích của kinh doanh là chỉ để làm giàu? Thực ra làm giàu cũng không hoàn toàn sai. Đức Phật dạy nếu một người có năng lực làm giàu nhờ công sức và trí tuệ của chính mình, và biết sử dụng của cải vật chất đó làm lợi mình lợi người thì rất tốt. Còn cái giàu do lừa dối để lợi mình hại người thì không được.

Hiện nay nhiều người nói "thương trường như chiến trường", là sát phạt lẫn nhau v.v. Ví dụ thứ nhất: Nếu một hợp đồng giữa hai công ty A & B mà bên nào cũng

chỉ nghĩ làm sao thu lợi nhiều nhất, không hề nghĩ đến quyền lợi của bên đối tác, thì đúng là 'chiến trường' chứ còn gì nữa! Điều đó rất đáng sợ. Ví dụ thứ hai: Một công ty vận tải hàng hóa thấy đường bộ thường bị kẹt xe liền phát triển phương tiện vận tải đường sông. Như vậy vừa có lợi cho công ty mình mà vừa phục vụ hiệu quả cho người tiêu dùng, tức không chỉ nghĩ đến lợi nhuận cho mình mà còn có tinh thần trách nhiệm đáp ứng nhu cầu của đại chúng, nghĩa là lợi mình lợi người.

Kinh doanh là giúp cho sinh hoạt xã hội cân bằng và tương trợ lẫn nhau dựa vào nguyên tắc *lợi mình lợi người* (chứ không phải lợi mình hại người).

NH: Thưa thầy, nếu áp dụng đạo Phật vào kinh doanh thì có điểm gì hạn chế? Khó khăn?

HT.TVM: Trong giới Phật tử không ít người có liên hệ đến ngành kinh doanh. Để việc kinh doanh mang lại lợi ích cho xã hội, thì người Phật tử phải thông hiểu nguyên tắc đạo đức trong giáo lý nhà Phật; khi đó thì chỉ có lợi chứ không có hại. Nguyên tắc chính yếu đó là phải nhận thức đúng và hành xử tốt. Đúng là đúng với quy luật tự nhiên và quy định xã hội. Tốt là không hại mình hại người, hay lợi mình hại người.

Cũng chính vì nguyên tắc đó mà Phật giáo có hạn chế một số ngành kinh doanh có hại như kinh doanh ma túy, rượu bia, chất độc, vũ khí, sát sinh v.v. Nếu doanh nhân không kinh doanh những thứ đó thì sẽ không gây tổn hại cho con người, cho xã hội, cho môi sinh và cho nền hòa bình thế giới.

Tất nhiên không có gì tuyệt đối. Tính đạo đức thực tế trong cuộc sống là tương đối vì chỉ cần hiệu quả tốt nhất chứ không thể hoàn hảo. Ví dụ như vua Trần Nhân Tông, khi chưa đi tu nhưng đã là Phật tử, đã hiểu rõ lẽ nhân quả, mà vẫn điều quân khiển tướng ra trận đánh giặc ngoại xâm. Trong hoàn cảnh đất nước cần người cầm quân đánh giặc, Phật tử Trần Nhân Tông là người biết rõ đạo lý mà hy sinh đi đánh giặc thì sẽ giảm thiểu tối đa tổn hại tài sản và nhân mạng cho cho cả hai bên, nếu để người cầm quân hung bạo hiếu sát thì sẽ gây ra vô số thiệt hại. Lịch sử cho thấy thời Lý Trần là thời hòa bình thịnh vượng nhất của đất nước Việt Nam vì đã biết ứng dụng đạo Phật vào trong việc cai quản đất nước, về mọi mặt, không ngoại trừ phương diện kinh tế mà kinh doanh là một phần trong đó.

NH: Thưa thầy, nếu ứng dụng vào kinh doanh thì theo đạo Phật yếu tố nào giúp doanh nhân đạt được hiệu quả cao?

HT.TVM: Đạo Phật có ba yếu tố giúp cho mọi sinh hoạt đều có thể trở nên tốt đẹp, đó là *trong lành* (giới), *định tĩnh* (định), *sáng suốt* (tuệ) mà trong đời sống hàng ngày thường được biểu hiện dưới ba hình thức thiết thực là *thận trọng, chú tâm,* và *quan sát*. Nếu doanh nhân biết ứng dụng ba yếu tố này thì sẽ rất dễ thành công.

- Thận trọng là cẩn thận kỹ lưỡng trong mọi công việc…

- Chú tâm là sự chuyên tâm, thành ý, không xao lãng.

- Quan sát là xem xét thẩm tra một cách khách quan rõ ràng.

Đó là ba yếu tố cần thiết giúp chúng ta biết điều chỉnh cho hoàn hảo tất cả mọi lãnh vực hoạt động của con người dù việc nhỏ hay lớn. Ví dụ như trước khi đầu tư vào một việc gì cần phải chú tâm quan sát một cách thận trọng để xem chúng ta nên kinh doanh gì, có phù hợp với khả năng và vốn đầu tư không, thị trường tiêu dùng như thế nào v.v. Như vậy kế hoạch đầu tư mới khả thi.

Ngoài ra còn có bốn điều kiện cơ bản để thành công gọi là bốn điều như ý (Iddhipāda), đó là:

1) Có nhu cầu hay nguyện vọng chính đáng (Chand'iddhipāda).

2) Có chuyên cần nỗ lực để thực hiện (Viriy'iddhipāda).

3) Có quyết tâm không thối chí nản lòng (Citt'iddhipāda).

4) Có nhận thức rõ tiến trình thực hiện (Vimams'iddhipāda).

Thiếu bốn điều kiện trên thì không thể nào thành công trong bất kỳ việc gì, kể cả kinh doanh.

Thực ra, trong Phật giáo có vô số những pháp giúp cho doanh nhân làm giàu một cách chân chính, ví dụ Tứ nhiếp pháp, Tứ vương pháp v.v.

NH: Nhân tiện xin thầy cho một ví dụ nữa ạ.

HT.TVM: Ví dụ như 4 pháp sau đây:

1/ Thức thời đạt vụ (saccamedha). 2/ Thông hiểu nhân tâm (purisamedha). 3/ Có biện pháp đúng (sammāpāsa). 4/ Biết cách giao tiếp (vācāpeyya) có thể giúp doanh nhân thành đạt một cách chính đáng.

NH: Thưa thầy, những người bản chất đã tốt, có thể dễ dàng thực hành những yếu tố trên, còn những doanh nhân không biết cách, chỉ tập trung vào lợi riêng thì bằng cách nào giúp họ trở lại 'hướng thiện' được ạ?

HT.TVM: Nếu được, nên mở những lớp giáo dục đào tạo hay những buổi thảo luận về đạo đức trong kinh doanh để những người có kinh nghiệm trong lãnh vực này truyền đạt cho người khác. Sách báo viết về những đề tài này cũng là phương tiện truyền đạt những thông tin tích cực. Đồng thời, những Phật tử chân chính nên ứng dụng đạo đức kinh doanh trước và chứng minh được sự thành công của mình để làm những tấm gương điển hình cho những người khác.

NH: Thưa thầy, có cách nào ứng dụng những giá trị trên vào kinh doanh một cách đơn giản nhất không ạ?

HT.TVM: Thường biết mình biết người hay nói cách khác là thường sống tỉnh thức. Biết mình trong tỉnh thức thì mới điều chỉnh được nhận thức và hành vi cho đúng tốt với mọi người.

NH: Thưa thầy, vậy doanh nhân có cần phải ngồi thiền hàng ngày để có khả năng biết mình trong tỉnh thức như thầy nói không ạ?

HT.TVM: Không cần thiết phải ngồi, vì thường sáng suốt, định tĩnh, trong lành hay thận trọng, chú tâm quan sát chính mình trong công việc hay trong quan hệ với hoàn cảnh xung quanh đã là thiền rồi. Nỗ lực ngồi thiền đôi lúc tạo ra căng thẳng và mất thì giờ vô ích, vì cố gắng ổn định chính là làm mất sự ổn định tự nhiên, và ngay khi cố ổn định là đã tạo ra lực mâu thuẫn đối kháng rồi làm sao mà nhất tâm được nữa. Chính sự đối kháng này tạo ra bất an và tiêu hao năng lực.

Khi có điều kiện thuận lợi nên ngồi thư giãn buông xả cho tâm rỗng lặng trong sáng thì tâm sẽ tự ổn định chứ không phải dụng công hay dồn nén cho mất sức. Trong bản chất con người có khả năng tự điều chỉnh, nhưng vì quá vọng động tạo tác mà mất đi. Nếu doanh nhân hành động, nói năng, suy nghĩ một cách sáng suốt, định tĩnh, trong lành thì *chính việc kinh doanh là thiền,* chứ không phải ngồi thiền để kinh doanh.

NH: Thưa thầy, vậy thầy nghĩ thế nào về nói dối trong kinh doanh, liệu có chấp nhận được không, có đi ngược lại với giới luật nhà Phật không?

HT.TVM: Thực ra, lời nói dối hay không dối không quan trọng bằng lời nói đó có hại người hại mình hay không. Nói thật mà hại mình hại người thì còn nguy hiểm hơn là nói dối nhưng lợi mình, lợi người.

Một lời nói có giá trị cần 5 yếu tố:

1. Chân (sacca) là nói đúng là thật.
2. Thiện (kusala) là sự thật đó có hiệu quả tốt đẹp, lợi mình lợi người.
3. Mỹ (piya) là cách nói khéo léo sao cho người nghe vui lòng chấp nhận.
4. Thời (kāla) là nói đúng lúc.
5. Vị (thana) là nói đúng chỗ.

Không nên nói dối với mục đích lừa gạt để lợi mình hại người. Nhưng nếu biết cách nói khéo léo, hư cấu để đem lại lợi ích cho mình và người thì đó có vẻ như không đúng sự thật nhưng không phải là nói dối.

Trong kinh Phật có 2 câu chuyện sau đây minh chứng điều đó:

Câu chuyện thứ nhất: Có một người tiều phu, khi vợ mang thai muốn ăn món ngon vật lạ nhưng giữa rừng không có, liền nghĩ cách giả làm nhà sư đi vào cung vua khất thực, được vua cúng dường cao lương mỹ vị mang về cho vợ. Anh ta cố gắng giữ tướng mạo trang nghiêm khi đi khất thực nên nhà vua đem lòng tôn kính. Vua sai một vị đại thần đi theo nhà sư cho biết chỗ để vua sẽ đích thân đến cúng dường. Vị đại thần theo đến nơi phát hiện sự thật, nhưng nghĩ rằng nếu nói thật thì nhà vua sẽ nổi trận lôi đình mà giết gã tiều phu, vì vậy để không hại vua mà cũng không hại gã tiều phu, vị đại thần đã trình tấu rằng: "Thần theo đến trong rừng thì nhà sư biến mất". Nói như vậy là hư cấu chứ không nói dối vì nhà sư bỏ y vàng ra trở lại một tiều phu cũng giống như biến mất tướng mạo nhà sư.

Câu chuyện thứ hai: Một nhà sư (thật) đang ngồi thiền trong rừng thấy một con nai chạy ngang qua, sau đó có mấy người thợ săn đến hỏi nhà sư có thấy con nai chạy ngang qua đây không. Nhà sư đứng dậy và nói: "Đứng đây ta không thấy con nai nào cả". Lời nói có vẻ như dối nhưng lại thật vì khi ngồi thì thấy chứ khi đứng đâu có thấy.

Như vậy vấn đề là ở chỗ lương tâm và cách thể hiện lời nói sao cho có hiệu quả lương thiện chứ không phải cứ nói thật mà lại có thâm ý hại người.

NH: Chúng con xin chân thành cảm ơn Hòa thượng đã giúp chúng con có cái nhìn mở rộng hơn về đạo đức kinh doanh. ■

Ngọt bùi cho con

CAO HUY HÓA

Trong việc dạy con, chắc nhiều người nhớ đến câu quen thuộc hồi trước, mà nay thỉnh thoảng vẫn nghe: "*Thương cho roi cho vọt / Ghét cho ngọt cho bùi*". Mới nghe qua, câu đó có vẻ nghịch lý: Làm cho con đau về thân thể, sao gọi là thương? Cho con lời êm dịu, sao gọi là ghét? Thế mà ngày nay, có những người nên danh phận, nhớ lại thuở nhỏ bị roi đòn, không oán hận người cha hay người thầy, mà còn "cám ơn" những hình phạt đó vì đã làm cho mình biết tránh những hành động sai trái, nguy hiểm, không biếng nhác, biết cư xử lễ độ, hơn thế nữa, được "nên người". Ngược lại, những lời nâng niu tâng bốc con, thì hậu quả dễ thấy: con không biết thực lực như thế nào cho nên tự phụ, ích kỷ, sau này không thành công trên đường đời…

Chính cách nói đó nhằm nhấn mạnh tác dụng tích cực của biện pháp cứng rắn và tác dụng tiêu cực của một lối nói ngon nói ngọt nào đó. Tất nhiên, không ai đồng ý khi nào dạy con hay dạy trò cũng phải sử dụng roi vọt, cũng như không phải khi nào cũng khước từ lời nói dịu êm. Roi vọt chỉ là phương tiện bất đắc dĩ giúp cho con hay trò chấm dứt một số sai phạm, mà nếu không ngăn ngừa, có khả năng trở thành thói quen: đi chơi lêu lổng, nói dối cha mẹ, không học bài, viết chữ cẩu thả, ăn cắp, đánh nhau…, và cha mẹ hay người thầy chỉ vì tương lai của con mình hay học trò mình mà phải thi hành roi vọt, và biết thi hành chừng mực, răn đe, chứ không phải vì nổi giận mà trút roi vọt lên thân thể con trẻ.

Thời thế đã nhanh chóng đổi thay. Ngày nay, nền giáo dục tôn trọng con người, không thể xem hình phạt trên thân thể người khác (dầu là con, hay trò) là biện pháp giáo dục, không những thế còn lên án hình phạt đó. Mới đây dư luận báo chí phê phán trường hợp

thầy bắt trò thụt dầu, bắt trò quỳ trên gai xơ mít, đánh trò có lằn trên thân thể, lấy thước đánh trên ngón tay trò, cha bắt con bò trên đường phố vì bỏ học, đi chơi game trên mạng[1]… Thật ra, mỗi thời mỗi khác, không thể đánh đồng một ông thầy của thời ngày trước bắt học trò nằm dài trên bàn, đánh vào mông học trò, với những trường hợp đánh trò ngày nay. Không phải dễ thi hành cách dạy cho roi cho vọt, vậy thì hay nhất là không cho roi vọt.

Roi vọt thì tránh, nhưng hành động đánh trẻ có còn không? Cha mẹ ngày nay có còn đánh con, có còn phát vào mông con không? Tôi tin rằng chuyện đó xảy ra không phải là ít, dĩ nhiên cha mẹ đánh con một cách thô bạo, để lại vết thương, vết hằn thân thể và tâm lý thì hiếm xảy ra, và tôi xin không bàn những trường hợp này. Độ tuổi nào con cái chịu trận nhiều nhất? Con càng lớn, đặc biệt con đã lên bậc trung học thì hầu như phần đông cha mẹ không đánh con nữa. Con còn bú mẹ, con còn nằm trên nôi thì quá bé bỏng, cưng như cưng trứng, ai nỡ nào mạnh tay…; chỉ còn lại, thật đáng thương, lứa tuổi mà con chập chững biết đi, biết đòi, biết phá, là lứa tuổi bắt đầu chịu hành động nóng nảy của cha mẹ, cho đến những năm cuối của bậc tiểu học.

Vì sao lứa tuổi bắt đầu thể hiện tính cách cá nhân mạnh mẽ như đọt măng ấy lại sớm chịu "hình phạt"? Đó là vì trẻ cứ phá, cứ chướng theo cách của nó, theo cái lý của nó, muốn cái gì, kể cả leo trèo, phá phách, thì phải cho bằng được, và không thể hiểu vì sao không thể đạt được; trong khi đó, người lớn thì không chấp nhận con trẻ đòi hỏi như vậy. Trong trường hợp này, trẻ phải chịu hình thức răn đe để không đòi nữa, và ghi nhớ lần sau cũng không đòi nữa. Một lý do nữa: trẻ chướng, khóc kéo dài mà cha mẹ chưa rõ lý do (trong đó thường vì sức khỏe có vấn đề), trong khi bản thân mình thì đang bận bịu công việc, hoặc đang bực bội, hoặc trong người bất an… Trong trường hợp này, trẻ chịu hình phạt vì cơn nổi nóng của cha mẹ. Tuy nhiên, nói chung, cha mẹ đều cảm thấy mình lầm lỡ khi đánh con, nhất là khi mất bình tĩnh. Nếu cha mẹ lỡ tay quá đáng, hoặc cứ đánh con dài dài trong tâm trạng thiếu tự chủ và thiếu tình thương, thì trẻ không những bị hành hạ về thể xác, mà nguy hiểm hơn, trẻ bị sang chấn về mặt tâm lý và thần kinh, gây nên thiếu tình thương đối với cha mẹ và lãnh đạm với mọi người.

Ngày nay, cha mẹ càng có nhiều bức xúc hơn ngày xưa, do đời sống công nghiệp khẩn trương khiến con người căng thẳng hơn, mệt nhọc hơn, kể cả di chuyển trên đường từ nhà đến cơ quan và ngược lại; thời gian nghỉ ngơi không bao nhiêu, lại phải đương đầu với cơm áo gạo tiền trong thời buổi lạm phát, nhà dột, nợ đòi… Cha mẹ bị suy nhược tinh thần và thể xác thì con trẻ là nạn nhân quá tội nghiệp.

Đây là thực trạng chung của mọi nơi, không riêng gì nước nào. Ngay ở Mỹ, cứ tưởng rằng xâm phạm thân thể là vi phạm luật pháp, - liệu hồn những đức ông chồng lỡ tay đánh vợ, hay cha nổi giận đập con, hãy đợi đấy! cảnh sát đến liền! - tuy nhiên chuyện cha mẹ bép vào mông bé không phải là hiếm. Một bài báo của tác giả Eryn Brown, trên tờ *Los Angeles Times*, ngày 14/3/2011, nhan đề: "*Sad dads: depressed fathers spank more, read less*" (tạm dịch: "Những người cha buồn: trầm cảm, bép mông con nhiều, kể chuyện cho con ít"), cho biết:

Những người cha trầm cảm phát vào mông bé một

tuổi nhiều hơn ba lần những người cha không bị trầm cảm, theo những nhà nghiên cứu từ Đại học Michigan báo cáo trên ấn phẩm tháng Tư của tạp chí *Pediatrics* (tạp chí chính thức của Viện Nhi khoa Hoa Kỳ). Đánh bé nhiều trong khi đọc truyện cho bé ít đi: những người cha trầm cảm đọc truyện cho con ít hơn ba lần một tuần. Bép vào mông bé thường đưa đến hậu quả tiêu cực cho bé; trong khi đọc truyện thường mang lại những tác động tích cực.

Nhóm nghiên cứu này tham khảo dữ liệu phỏng vấn từ 1.746 người cha có con một tuổi tham dự vào một dự án để tìm hiểu sự liên hệ giữa các gia đình dễ tan rã và sự phát triển của trẻ con. Họ hỏi những người cha này có thường chơi với con không, hoặc hát hoặc đọc truyện cho con nghe không; họ có đánh con trong tháng vừa qua không; và họ có nói chuyện với bác sĩ của bé trong năm vừa qua hay không. Những người cha cũng được khám để xem có bị trầm cảm không.

Kết quả là: 7% số người cha trong số nói trên bị trầm cảm. Trong những người bị trầm cảm đó, 41% nói rằng, họ đọc truyện cho con ít nhất ba lần trong một tuần (so với 58% trong số người cha không trầm cảm). *41% số người cha đó cũng nói rằng họ đánh con trong tháng vừa qua (so với 13% trong số những người cha không bị trầm cảm)*. Thống kê cũng cho biết: 77% trong số những ông cha trầm cảm đã nói chuyện với bác sĩ của con họ trong năm vừa qua. Điều đó gợi ý rằng những bác sĩ nhi khoa có cơ hội can thiệp vào khi họ nhận ra dấu hiệu trầm cảm nơi người cha. Nhờ con nít đi khám bệnh mà bác sĩ khám phá ông cha bị trầm cảm và khuyên người cha này đi điều trị. Việc điều trị này tất nhiên sẽ giúp ích cho bản thân người cha, và khi người cha bớt trầm cảm thì hạn chế tình trạng cha bép mông con.

Dạy con nít là chuyện vô cùng khó, đặc biệt khi nó quá nhỏ để phân biệt việc gì làm được, việc gì không làm được, hơn nữa, con nít chướng cũng có vô vàn lý do mà nó không tỏ bày được, đặc biệt khi bị chứng này chứng nọ liên quan đến sự phát triển thể chất. Thôi thì khoan dạy đã, hãy dỗ thôi, và có những bậc cha mẹ rất cao tay ấn về chuyện dỗ, khi thì hát hò, khi thì bông đùa, khi thì bày trò, khi thì hướng mục tiêu chướng của con qua chuyện khác hấp dẫn hơn… Tất nhiên cha mẹ làm được như vậy khi bỏ tất cả những phiền toái của cuộc sống về phía sau, và hết lòng thương yêu đứa con bé bỏng.

Trong nghiên cứu được đề cập ở trên, các tác giả muốn dùng công cụ thống kê để cho thấy cha bị trầm cảm thì hay đánh con, đồng thời muốn xem thử các ông cha đó có dùng cách ngọt bùi nào để bù lại không. Cách ngọt bùi ở đây là chơi với con, hát hoặc đọc truyện cho con nghe. Thương con theo kiểu cho ngọt cho bùi này, chắc ai ai cũng tâm đắc. Ngày nay, các công cụ để trẻ chơi quá phong phú, từ cái chén cái dĩa, con chó con mèo, đến xe cộ, máy bay… đủ màu sắc; còn nhạc thì tivi, DVD phổ biến nhạc thiếu nhi không kể cho hết… nhưng còn đọc truyện? Hẳn là phương Tây chơi trò giáo dục thiếu nhi này phổ biến hơn ở Việt Nam ngày nay; đặc biệt là kể chuyện cho con nghe trước lúc con ngủ. Bây giờ các bà mẹ trẻ đã ý thức tầm quan trọng của đọc truyện, không chỉ để đưa con vào giấc ngủ mà còn lưu dấu ấn văn chương trong tàng thức của bé. Ôi, văn chương nào ẩn tàng nơi đứa bé cho bằng à ơi câu hò ru em? Ngọt bùi này sao bé ngày nay ít được hưởng thụ?

Các biểu hiện cư xử giữa các thành phần cha mẹ, con cái trong đời sống gia đình, đặc biệt tại các đô thị lớn, dần dần tương đồng giữa các nền văn hóa khác nhau trên thế giới; tuy nhiên, tính quy mô của tổ chức gia đình dầu sao vẫn khác nhau, ở ta và ở tây. Quy mô gia đình hạn hẹp ở phương Tây đề cao tự do và trách nhiệm cá nhân, chuyện con cái là chỉ thuộc trách nhiệm của cha mẹ, trong khi xã hội ta vẫn còn giữ quy mô gia đình rộng mở. Trong khi phương Tây lo lắng giải quyết chuyện trầm cảm của cha mẹ bằng y khoa, thông qua đó hạn chế chuyện đánh con, thì ở ta, nếu hai vợ chồng trẻ có khó khăn, bức xúc, ảnh hưởng xấu đến con cái, thì còn có ông bà nội ngoại, chú bác cô cậu dì của bé, thậm chí bà con, hàng xóm quan tâm san sẻ.

Ngọt bùi cho bé, biết bao nhiêu cho vừa? Chỉ mong sao cho cha mẹ trẻ, dầu đa đoan trong công việc, vẫn thuận vợ thuận chồng, chăm bẵm lo cho con, vượt qua những sóng gió của cuộc đời. May mắn thay, đạo Phật đem lại từ bi, trí tuệ và an lạc cho biết bao gia đình, cho dầu vất vả nuôi con mà vẫn thuận buồm xuôi gió. Trí nhớ tôi vẫn ghi đậm hình ảnh một buổi chiều tối đầu xuân, cách đây đã bốn năm, tại một ngôi chùa ở ngoại ô Tuy Hòa. Chúng tôi dừng chân tại chùa, thư giãn sau một ngày đường đi xe từ Huế vào, trong phòng khách thanh vắng của chùa, chợt lắng lòng nghe vọng đều đều tiếng tụng kinh cầu an. Thời kinh dứt, tôi ra chánh điện, được gặp ba cặp vợ chồng trẻ, họ cho biết, những đứa con bé bỏng bồng trên tay, đang chữa trị bệnh nan y, và họ xin đến chùa vào mỗi chiều tối để được cầu an cho con. Ôi, Đức Quán Thế Âm nhiệm mầu! Tôi tin phép lạ sẽ đến với con họ, đến với gia đình các đôi vợ chồng trẻ, ít nhất là giúp họ tĩnh tâm, vững vàng niềm tin để lo lắng cho con; và hạnh phúc thay, nếu con họ vượt qua bệnh tật, thì tiếng kinh kệ và lời nguyện cầu của cha mẹ tại ngôi chùa này là nguồn dinh dưỡng tinh thần tuyệt vời cho cuộc sống tương lai của mấy đứa con bé bỏng này.

Chú thích:

1. *Tuổi Trẻ*, 11/6/2011, "Con nghiện game bị bố bắt bò ngoài phố", chuyện xảy ra tại thị xã Gia Nghĩa (Đăk Nông) ngày 9/6/2011. ■

Nhiệm vụ người thầy

BERTRAND RUSSELL
KHÁNH UYÊN dịch

Bertrand Arthur William Russell, (1872 –1970) là triết gia, lý luận gia, sử gia, toán học gia và là nhà phê bình xã hội người Anh. Ông cực lực chống đối chiến tranh; là người vạch trần sự can thiệp của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam; đề xướng Tòa án Tội ác Chiến tranh Việt Nam, được tổ chức vào các năm 1966-1967 tại Thụy Điển và Đan Mạch. Ông viết nhiều, tư tưởng của ông có ảnh hưởng tới nhiều lãnh vực. Ông được giải Nobel Văn chương năm 1950.

Bài tiểu luận dưới đây có tựa là The Functions of A Teacher *được trích trong* Unpopular Essays *của* Bertrand Russell *xuất bản tại Luân Đôn năm 1950; mặc dù vậy, ý kiến của ông vẫn còn nguyên giá trị.*

Hơn bất kỳ thành phần nào khác trong xã hội, thầy giáo là những người bảo vệ nền văn minh. Người dạy học cần có nhận thức sâu sắc về ý nghĩa của văn minh và khát khao truyền đạt cho học trò của mình những thái độ văn minh. Như thế, chúng ta bị đặt trước một câu hỏi: điều gì tạo nên một cộng đồng văn minh?

Câu hỏi này thường được trả lời bằng cách chỉ ra những thử thách thuần vật chất. Một xứ sở văn minh nếu xứ đó có nhiều máy móc, nhiều xe hơi, nhiều nhà có phòng vệ sinh riêng, rất nhiều những chiếc tàu lửa có tốc độ cao. Con người hiện đại gán cho những phương tiện vật chất một tầm quan trọng quá lớn. Thực ra, trong một ý nghĩa quan trọng hơn, văn minh là vấn đề tinh thần, chứ không chỉ là những điều cần thiết thêm vào cho khía cạnh vật chất của cuộc sống. Vấn đề đó có phần kiến thức và có phần cảm xúc. Về phương diện kiến thức, người văn minh cần nhận thức được tính cách nhỏ bé của mình và môi trường trực tiếp của mình, có tương quan với thế giới trong cả không gian lẫn thời gian. Người đó nên nhận thức về đất nước mình không chỉ như quê hương mà còn như một xứ sở giữa nhiều đất nước khác trên thế giới, tất cả đều có quyền bình đẳng về sự sống, về tư tưởng và về cảm giác. Người văn minh nên thấy về thời đại của mình trong mối tương quan với quá khứ và tương lai, nên nhận thức rằng những tranh cãi của thời đại mình sẽ bị coi là xa lạ đối với những thế hệ tương lai, hệt như những tranh cãi của thời quá khứ cũng xa lạ đối với thời đại của chúng ta ngày nay. Tiếp nhận một quan điểm phóng khoáng, con người nên có ý thức về sự bao la của những thời kỳ địa chất và sự mênh mông của những hố thẳm khoảng không vũ trụ, nhưng không như một sức nặng để nghiền nát ý chí cá nhân mà như một toàn cảnh khoảng khoát giúp mở rộng tâm trí ra để chiêm ngưỡng. Về mặt cảm xúc, một sự mở rộng tương tự từ chỗ thuần túy cá nhân là một điều cần thiết nếu như con người thực sự là một con người văn minh. Từ lúc chào đời tới khi trở về lòng đất, con người trải qua khi hạnh phúc lúc khổ đau, khi hào phóng nhưng cũng có lúc tham lam vụn vặt, khi anh hùng nhưng cũng có lúc hèn nhát đê tiện. Đối với ai nhìn được cả tiến trình đó như một toàn thể, chắc chắn vẫn có những điều gì đó nổi bật với tính cách là điều đáng được khâm phục. Có người bị thôi thúc bởi lòng thương tưởng loài người; có người nhờ trí thông minh siêu việt đã giúp chúng ta hiểu biết hơn về thế giới mà ta đang sống; và có người khác nhờ sự mẫn cảm tuyệt vời đã sáng tạo ra vẻ đẹp. Những con người ấy đã tạo tác những điều tốt đẹp tích cực đủ để át đi bản ghi chép bi thảm dài dằng dặc những sự tàn bạo, áp bức và mê tín. Những con người ấy đã làm tất cả những gì nằm trong năng lực của họ để khiến cho kiếp người trở thành một điều tốt đẹp hơn những khoảnh khắc rối ren của sự man rợ. Với những gì không thể thán phục, con người văn minh nên nhắm tới việc tìm hiểu chúng thay vì bài xích chúng. Họ nên tìm kiếm để phát hiện ra và giúp gỡ bỏ những nguyên nhân phi nhân bản của tội ác thay vì căm ghét những kẻ đang đắm chìm trong tội lỗi. Tất cả những điều như thế nên có trong tâm trong trí những người dạy học; và nếu những điều đó đã có sẵn trong tâm trí của người thầy, người thầy sẽ chuyên chở chúng trong những bài giảng của mình cho những người trẻ tuổi được mình chăm sóc.

Không ai có thể trở thành một nhà giáo ưu tú trừ khi người ấy có được những cảm giác về một tình thương nồng ấm đối với học trò của mình cùng với một khao khát chân thành về việc truyền đạt cho chúng những gì chính người ấy tin là có giá trị. Đó không phải là thái độ của một nhà tuyên truyền chính sách. Đối với một số nhà tuyên truyền, đối tượng của việc tuyên truyền chỉ là những tên lính dự bị trong một đạo quân nào đó. Các đối tượng ấy sẽ phải phục vụ những mục đích chẳng liên quan gì đến cuộc đời của mình, không phải là trong ý nghĩa của một mục đích cao thượng làm thăng hoa con người, mà trong ý nghĩa chăm lo cho những ưu quyền không chính đáng hay những quyền lực chuyên chế bạo ngược. Nhà tuyên truyền không hề muốn đối tượng của mình tìm hiểu thế giới và tự do lựa chọn một mục đích mà đối tượng ấy coi là có giá trị. Nhà tuyên truyền giống như nhà nghệ sĩ tạo cảnh, chỉ muốn rằng sự trưởng thành của cái cây sẽ được uốn nắn sao cho phù hợp với ý thích của người chủ vườn. Và trong lúc cản trở sự trưởng thành tự nhiên của học trò, nhà giáo hoạt động như tuyên truyền có khuynh hướng hủy hoại mọi năng lực hướng thượng của chúng, thay vào đó là sự tham lam, tính phá hoại và sự tàn ác. Con người không hề có nhu cầu trở nên tàn ác. Mọi sự tàn ác đều là kết quả của sự cản trở từ những năm đầu đời, trên hết là những cản trở đối với khả năng hướng thượng.

Những đam mê áp chế và ngược đãi là rất thông thường, mà trong thế giới ngày nay có quá nhiều điều minh chứng. Nhưng đó không phải là một phần không thể tránh của bản chất con người. Ngược lại, chúng luôn luôn chỉ là hệ quả của một kiểu bất hạnh nào đó. Một trong những nhiệm vụ của người dạy học là phải mở rộng chân trời trí thức cho học trò của mình, chỉ cho chúng khả năng của những hành động vừa thú vị vừa hữu hiệu, nhờ đó làm giảm những cơn bốc đồng của chúng và ngăn cản sự trưởng dưỡng lòng ham muốn cướp đoạt của người khác niềm vui mà chính chúng sẽ bỏ lỡ. Nhiều người chê bai mục đích sống hạnh phúc, cả ở mình lẫn ở người khác; nhưng người ta có thể nghi ngờ rằng chỉ vì họ không đủ điều kiện tìm kiếm hạnh phúc. Hy sinh hạnh phúc cá nhân cho một mục đích chung là một lẽ, nhưng cho rằng hạnh

phúc nói chung chẳng có giá trị gì thì lại là một lẽ khác. Thế nhưng đó lại là điều thường được thực hiện nhân danh một chủ nghĩa anh hùng tưởng tượng nào đó. Với những người có thái độ như vậy, thường xuất hiện một phong cách độc ác có lẽ dựa trên một sự đố kỵ vô thức, mà nguồn gốc của tính đố kỵ ấy thường được tìm thấy từ thời thơ ấu hay lúc tuổi hoa niên. Mục tiêu của nhà giáo dục nên là huấn luyện người trưởng thành thoát khỏi những bất hạnh tâm lý ấy, đừng băn khoăn tìm cách cướp đoạt của người khác niềm hạnh phúc trong khi chính họ không bị cướp đoạt niềm hạnh phúc của mình.

Vấn đề nổi cộm ngày nay là nhiều người dạy học không thể thực hiện được những điều tối ưu mà họ có khả năng làm. Về việc này cũng có nhiều lý do, một số lý do mang tính cách ít nhiều ngẫu nhiên, nhưng những lý do khác sâu xa hơn. Về những lý do ngẫu nhiên, hầu hết các người dạy học đều phải làm việc quá sức và bị buộc phải chuẩn bị cho học trò về những kỳ thi hơn là cung cấp cho chúng một sự đào tạo nhằm giải phóng tâm trí. Những người không quen với hoạt động dạy học – mà trong đó có hầu hết những nhà quản lý giáo dục – chẳng có một ý niệm gì về sự cạn kiệt tinh thần liên quan đến việc dạy học. Các nhà tu không hề được trông đợi phải giảng đạo nhiều giờ mỗi ngày, nhưng điều đó lại được đòi hỏi ở những người thầy. Kết quả là người dạy học bị kiệt sức và căng thẳng, không thể tiếp xúc với những kiến thức mới trong lĩnh vực giảng dạy của mình, không thể khơi gợi cho học sinh cái cảm giác vui thích về tri thức có được từ những hiểu biết mới, những kiến thức mới.

Tuy nhiên, điều đó chưa phải là vấn đề nghiêm trọng nhất. Trong phần lớn các quốc gia, có những ý kiến được ghi nhận là chính thống, và những ý kiến khác bị coi là nguy hiểm. Những người dạy học có những ý kiến bị coi là nguy hiểm được trông đợi phải giữ im lặng về quan điểm của mình. Nếu họ trình bày quan điểm của mình thì điều đó bị coi là tuyên truyền, trong khi chỉ việc thể hiện ý kiến chính thống mới được xem là việc dạy học đúng mực. Kết quả là những người trẻ có tinh thần tra vấn buộc phải tìm ở ngoài lớp học để phát hiện những gì đang được suy nghĩ bởi những con người có lập trường mạnh mẽ trong thời đại của chúng. Ở Hoa Kỳ có một môn học gọi là môn giáo dục công dân, có lẽ là hơn bất kỳ môn học nào khác, ở đó người dạy học được trông đợi trở nên mê muội. Học trò được dạy về những điều mang tính chất lý tưởng về cách hoạt động của guồng máy công quyền, trong khi người dạy tìm cách che giấu một cách khéo léo mọi kiến thức về thực tế hoạt động của guồng máy ấy. Khi học trò trưởng thành và phát hiện sự thật, kết quả là một sự hoài nghi toàn thể, trong đó, mọi lý tưởng chung đều bị đánh mất; nhưng nếu như chúng đã được dạy về sự thật một cách thận trọng với những bình luận xác đáng ngay từ khi còn nhỏ, chúng có thể trở thành người trưởng thành có đầy đủ năng lực chiến đấu chống lại sự xấu ác; ở đó, như khi xảy ra theo thực tế, chúng có thể chấp nhận với một cái nhún vai.

Cái ý niệm cho rằng sự giả dối có tính cách khai trí là một trong những tội ác phiền toái nhất của những kẻ có nhiệm vụ vạch chương trình giáo dục. Kiểu đức hạnh được tạo ra bởi sự ngu dốt được che đậy thì thật là mong manh và sẽ thất bại ngay lần đầu tiên tiếp xúc với thực tại. Trong thế giới ngày nay, có nhiều người xứng đáng được ngưỡng mộ, và thật là tốt đẹp nếu những người trẻ được dạy cho biết lý do khiến những người ấy được ngưỡng mộ. Nhưng thật là tai họa khi dạy cho chúng ngưỡng mộ những kẻ gian giảo bằng cách che đậy hành động gian giảo của những kẻ đó. Có tư tưởng cho rằng kiến thức về thực tế sẽ dẫn đến sự hoài nghi, và điều đó sẽ xảy ra nếu kiến thức được cung cấp một cách bất thình lình mang lại sự choáng váng của ngạc nhiên và ghê tởm. Nhưng nếu kiến thức thực tế ấy được cung cấp từ từ, được trộn lẫn một cách phù hợp với kiến thức về những điều tốt đẹp và trong diễn tiến của một cuộc nghiên cứu khoa học được gợi hứng bởi khao khát đạt tới chân lý, nó sẽ không mang lại một hiệu ứng tệ hại như vậy. Dù sao chăng nữa, nói dối những người trẻ, những người không có phương

tiện kiểm chứng những gì họ được nói cho mà nghe, là điều không thể chấp nhận về phương diện đạo đức.

Trên hết, điều mà một người dạy học nên gắng sức sản sinh trong tâm trí học trò mình, nếu như nền dân chủ cần phải được tồn tại, là một tâm thái bao dung xuất phát từ sự hiểu biết về những người khác biệt với mình. Có lẽ có một sự thúc đẩy tự nhiên của con người để họ nhìn với một sự sợ hãi và ghê tởm tất cả những cung cách và tập tục xa lạ, khác với những gì con người đã quen. Loài kiến và những dân tộc dã man đặt kẻ xa lạ vào chỗ chết. Và những người chưa bao giờ đi ra ngoài để có được sự kinh lịch về phương diện thực tế hay về mặt tri thức thường cảm thấy rất khó chấp nhận những cung cách khả nghi và những niềm tin kỳ dị của các dân tộc khác, thời đại khác, giáo phái khác, hay đảng phái chính trị khác. Tâm thái khắc nghiệt vì thiếu kiến thức như vậy chính là phản đề của một quan điểm văn minh, và là một trong những mối nguy hiểm trầm trọng nhất đang được đặt vào cái thế giới quá đông người của chúng ta. Hệ thống giáo dục cần phải được thiết kế để điều chỉnh mối nguy hiểm đó, nhưng hiện nay, quá ít công việc được thực hiện theo chiều hướng ấy. Ở mỗi quốc gia, tình cảm dân tộc cực đoan vẫn được khuyến khích, và học trò trẻ con được dạy những điều chúng chỉ quá sẵn sàng để tin, rằng cư dân của các xứ sở khác đều thấp kém hơn về mặt trí thức và đạo đức so với cư dân của những xứ sở mà nơi đấy nhà trường của đám học trò ấy tọa lạc. Sự kích động tập thể, cơn điên loạn và tàn bạo nhất trong số tất cả những tình cảm của con người, được khuyến khích thay vì bị ngăn cản, và giới trẻ được khuyến khích tin vào những gì họ thường được nghe nói hơn là những điều có một cơ sở hợp lý để tin. Về tất cả những điều đó thì những người dạy học không thể bị chê trách. Họ hoàn toàn không được tự do để dạy những gì họ muốn. Chính họ là những người hiểu biết một cách sâu sắc về nhu cầu của học trò mình. Chính họ là những người, thông qua những cuộc tiếp xúc hàng ngày với học trò, đã đến để chăm sóc chúng. Nhưng họ lại không phải là những người quyết định điều gì phải được giảng dạy hoặc phương pháp giáo dục nên như thế nào. Cần phải có rất nhiều tự do hơn nữa so với hiện nay đối với những người làm công tác giáo dục. Phải có nhiều cơ hội hơn cho việc tự quyết định, cần có nhiều độc lập hơn trước sự can thiệp của các viên chức thư lại và những kẻ mù quáng. Trong thời đại của chúng ta, không ai đồng tình với việc đặt các thầy thuốc dưới sự kiểm soát của những người có thẩm quyền mà không biết gì về y học trong việc can thiệp vào cách điều trị bệnh của họ, trừ khi họ cố tình phạm tội bằng cách đi trệch khỏi mục đích của y học, mục đích trị bệnh. Người dạy học cũng là một dạng thầy thuốc, có mục đích điều trị căn bệnh thiếu trưởng thành cho những đứa học trò của mình, nhưng ông ta không được phép quyết định trên nền tảng sự hiểu biết của mình rằng phương pháp nào là thích hợp nhất cho mục đích ấy. Một số rất ít những trường đại học có tiếng trong lịch sử, nhờ vào uy tín của mình, đã cố gắng duy trì được một chút quyền tự quyết thực sự, nhưng tuyệt đại đa số các định chế giáo dục đều bị cản trở và kiểm soát bởi những người chẳng hiểu gì về công việc mà mình can thiệp vào. Cách thức duy nhất để ngăn cản chủ nghĩa cực quyền trong cái thế giới được tổ chức chặt chẽ của chúng ta ngày nay là bảo đảm một phạm vi độc lập nào đó cho những cơ quan thực hiện những công trình công cộng, và trong số những cơ quan ấy thì những tổ chức nhà giáo cần có một vị trí hàng đầu.

Người thầy giáo, như là một nghệ sĩ, một triết gia, và một nhà văn, chỉ có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách thích hợp nếu ông ta tự cảm thấy mình là một cá nhân được dẫn hướng bởi một sự thúc đẩy sáng tạo nội tại chứ không bị gây khó dễ và bị chế ngự bởi quyền lực bên ngoài. Trong thế giới hiện đại này thật khó mà tìm được một chỗ cho một cá nhân. Một người có thể tồn tại trên đỉnh như một nhà độc tài trong một xứ sở cực quyền hay như một nhà tài phiệt trong một xứ sở của những xí nghiệp kỹ nghệ hùng mạnh, nhưng trong vương quốc của tinh thần rõ ràng càng ngày càng khó để gìn giữ sự độc lập trước những sức mạnh to lớn có tổ chức vẫn kiểm soát sinh kế của con người, cả đàn ông lẫn đàn bà. Nếu thế giới không muốn đánh mất những phúc lợi có thể được dẫn xuất từ những tâm trí sáng suốt nhất của nó, nó sẽ phải tìm kiếm một số phương pháp cho phép những tâm trí sáng suốt ấy các cơ hội và sự tự do mà không phải đếm xỉa gì về tổ chức.

Điều này liên quan đến sự kềm chế tự nguyện một phần của những người có quyền lực, và một ý thức nhận biết rằng có những con người mà đối với họ, các cơ hội tự do phải được công nhận. Các vị Giáo hoàng thời Phục hưng ở Âu châu đã có thể cảm nhận được điều này đối với các nghệ sĩ thời Phục hưng, nhưng những con người đầy quyền lực ngày nay dường như có nhiều khó khăn hơn trong việc cảm nhận sự kính trọng đối với những bậc thiên tài. Sự hỗn loạn của thời đại chúng ta rất có hại cho đóa hoa thanh nhã của văn hóa. Con người trên đường phố chứa trong lòng đầy sự lo sợ, và vì thế chẳng hề sẵn lòng chịu đựng mà không phản đối về những tự do dành cho những điều mà họ thấy là không cần thiết. Có lẽ chúng ta phải chờ đến một thời đại yên bình hơn trước khi những đòi hỏi của nền văn minh có thể một lần nữa gạt ra một bên những đòi hỏi của tinh thần phe đảng. Trong khi đó, điều quan trọng là ít ra phải có ai đó tiếp tục nhận thức về những giới hạn của những gì có thể được thực hiện bởi các tổ chức. Mọi hệ thống nên cho phép có những kẽ hở và ngoại lệ, vì nếu không nó sẽ kết thúc bằng việc nghiền nát tất cả những gì tốt đẹp ở con người. ■

Văn bia tháp Viên Minh

Bài & ảnh: ĐỒNG DƯƠNG

Nhân chuyến điền dã tại thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, chúng tôi ghé thăm chùa Vạn Đức[1] phát hiện một ngôi tháp đá nằm mé trái ngôi chùa. Ngôi tháp tên là Viên Minh, được xây cất trên một quả đồi cao trơ trụi, không bóng cây. Ngôi tháp đứng sừng sững chịu biết bao nắng mưa cùng thời gian vùi dập. Tháp được xây bằng đá xanh Kính Chủ, theo hình tứ giác, cao ba tầng, dưới là bệ tháp có cấu tạo hình hoa sen. Tầng thứ nhất, mặt trước mở một cánh cửa hình tò vò, hai bên có hai câu đối, bên trong có lập một bài vị bằng đá khắc chữ như sau: "*Viên Minh tháp tăng thống Tịnh Giác Đại Hòa thượng Hành Nhất thiền sư tặng phong Phổ tế hóa sinh Bồ-tát thiền tòa hạ* 圓明塔僧統淨覺大和尚行一禪師贈封普濟化生菩薩禪座下". Tầng thứ hai để ba chữ Hán chân phương có kích thước lớn "Viên Minh tháp 圓明塔", tầng thứ ba không trang trí. Đỉnh tháp dựng một cây bút bằng đá trông rất uy nghiêm. Nhìn vào cách thức làm tháp, chúng ta thấy ngày xưa thợ đá đã tốn rất nhiều công mài dũa các khối đá theo nhiều kích cỡ, rồi lắp ghép lại với nhau. Chất liệu đá xanh khá tốt nên qua thời gian ngôi tháp vẫn còn đứng vững trước sương gió. Đối chiếu với một số ngôi tháp đá vùng lân cận, chúng tôi nhận thấy ngôi tháp này có phong cách điêu khắc mỹ thuật thời Hậu Lê.

Bài vị đá cho biết ngôi tháp thờ vị Tổ sư Tịnh Giác Hành Nhất. Sư là một trong những cao tăng đương thời được triều đình ban tặng chức Tăng thống, chức vị cao nhất trong Tăng lục ty. Chúng tôi cũng đọc được bài văn bia "Chí Tháp" được tạc ở tầng thứ hai bên phải ngôi tháp. Bài chí có tất cả 20 dòng, mỗi dòng khắc trung bình 29 chữ Hán. Có hàng dôi lên thì được 30 chữ, cũng có hàng chỉ vài chữ, cách sắp xếp số chữ không nhất định, chữ viết chân phương mềm mại uyển chuyển, nét chữ to khỏe, tỏ nét, viết theo kiểu chữ thời Hậu Lê. Bài chí được viết dưới triều Lê Ý Tông, vào ngày tốt tháng 3 năm Vĩnh Hựu thứ 4 (1738), do đệ tử thủ tòa tự là Tính Chúc, dựng tháp soạn văn. Người viết chữ là Phạm Gia Lạc tự Như Lan[2], Tự thừa xã Trung Lập huyện Đường Hào.

Nội dung của bài chí ca ngợi cuộc đời tu hành của nhà sư Hành Nhất, một vị cao tăng thời Hậu Lê. Các tư liệu về chùa Hòe Nhai ở Hà Nội cho biết Sư là một trong những vị tổ của bản tự. Tra vào khoa cúng tổ, biết được ngài là vị trụ trì đời thứ hai, Tổ thứ ba phái Tào Động miền Bắc. Sư có tên tự là Từ Sơn Hành Nhất, được triều đình ban chức Tăng thống cùng với đạo hiệu là Tịnh Giác, phong tặng Phổ Tế hóa sinh Bồ-tát. Dưới góc độ truyền thừa trong sơn môn, sư được xem là vị Tổ đời thứ 38 phái Tào Động bắt đầu từ tổ Động Sơn Lương Giới (Sơ tổ tông Tào Động, Trung Quốc). Điều đó quá rõ khi chúng ta đọc văn bia trên ngôi tháp trước chùa Hòe Nhai do Thiền sư Dương Tâm Viên soạn, có cung lục như sau: "*Tào Động tông tam thập bát thế tổ, Viên Minh tháp, cố Lê sắc tứ tăng thống Tịnh Giác hòa thượng, Từ Sơn Hành Nhất thiền sư, tặng phong Phổ Tế Hóa Sinh Bồ Tát*"[3]

Sau đây là phần phiên âm, dịch nghĩa bài văn bia tháp Viên Minh:

Phiên âm:

Chí Tháp

Phù huyền không duy nhất vọng cảnh thật phồn. Bẩm duy nhất nhi vạn hóa sinh thành, tùy vạn hóa nhi duy nhất nguyên chiếu. Vô hình khả trắc, vô ngữ khả ám. Vô hình nhi hình biến đại thiên; vô ngữ nhi ngữ chu ức sát. Khởi vị nguyên minh tính hải trừng triệt

chân không nhi vi bất giác vọng phong xuy thành thức lãng. Bỉ Giác Hoàng xuất thế, ẩn diệu song lâm nhi ngã sư sinh thời thao quang bát thức. Dục vương sùng Phật kiến tháp, đệ tử sự sư phù đồ. Chỉ vi tâm sinh tam sự bản thục hậu chi tình hoài, đức báo tứ ân trúc nghĩa nhân chi cơ chỉ. Ư thị bàng tầm lương tượng trác định lục cơ cấu thúy thạch nhi hợp toàn đinh. Chí cơ duyên nhi huề bảo tháp. Việt hữu Việt Quốc, Chân Định, Ngải Hương, sư Tưởng tông. Tuế tân dậu, đồng chân nhập đạo, quán nhược xuất gia, thủ chúng đẩu sơn, đắc pháp ư Chân Dung hòa thượng. Quân vương long bút chỉ truyền vi thiền điển kế đăng chúc tiềm long giảng thuyết ư kiền sơ. Thế trân xuất chúng hội húc nhật trùng quang ư ly chiếu. Viết vị vi sư, do thị quy y giả chúng, cúng dưỡng nhật đa, dĩ vô lượng chi hóa tiền hưng vô lượng chi công đức. Thời niên Giáp Thìn triệu tạo Quảng Nghiêm tự. Thị tự, địa thế hữu tình, trần hiêu bất đáo thiền cục, tuy tiểu nhi hữu quảng đại chi cơ đồ thắng cảnh khả

nhân hàm vô cùng chi thú vị. Chúc vị pháp tử nhi trụ trì yên. Sở đãi tuế duy Đinh Tỵ thời chúc trọng Đông sư thọ ngũ thập thất chi niên ư nhất thập tứ chi nhật thân thời viên tịch. Ngọ tuế đồ duy. Ư thị pháp tử thu thủ xá lợi, nhất kiến tháp vu Quảng Nghiêm tự tả, nhất kiến tháp ư Phật Tích tự. Đam ư Mậu Ngọ niên khởi công, chí kỷ Mùi niên hoàn hảo. Thử tháp thử sơn tương ức vạn niên chi kỳ thiên tải chi hạ thị như tư mục như tư đổ tung tích chi như tư duy. Thiền sư chi đức nghiệp dũ cửu dũ quang, đạo tràng chi phương danh dữ thiền sư tịnh truyền dã.

Thời Vĩnh Hựu tứ niên tam nguyệt cốc nhật tạo

Pháp tử thủ tọa tự Tính Chúc kiến tháp soạn văn ký

Đường Hào huyện Trung Lập xã tự thừa Phạm Gia Lạc tự Như Lan cung tả".

Dịch nghĩa[4]*:*

"*Tháp Chí*

Huyền không chỉ có một mà vọng cảnh thật nhiều. Từ chỉ có một (duy nhất) mà vạn hóa sinh thành; theo vạn hóa ấy mà thấy cái nhất nguyên chiếu tỏ. (Thực) là không hình để đo, không lời để tường tận. Không có hình mà hình khắp cả đại thiên. Không có lời mà lời đầy muôn cõi. Há phải gọi đó biển tính sáng ngời, chân không vắng lặng mà bỗng chốc gió vọng thổi thành sóng thức. Đức Giác hoàng xưa kia xuất thế gian, ẩn hào quang nơi Song lâm; Thầy ta khi sinh thời cũng tài soi Tám thức. Vua A Dục[5] *tôn sùng Phật pháp mà xây dựng bảo tháp; Học trò thờ thầy mà kiến lập phù đồ*[6]*. Chỉ là vì tâm sinh ra Ba việc*[7]*, vốn tính ai chẳng có hậu tình, đức báo Bốn ân mà xây móng nền nhân nghĩa. Vậy nên chọn tìm khắp thợ giỏi, định sẵn đồ dùng, xây bằng đá xanh mà ghép lại đinh vàng. Ghi lại cơ duyên này mà khắc đề lưu nơi tháp báu. Sư họ Tưởng, người Ngải Hương, Chân Định nước Việt*[8]*. Sư sinh năm Tân Dậu*[9]*, đồng chân vào đạo, đến tuổi nhược quán*[10] *xuất gia. Tài sơn đẩu*[11] *đứng đầu trong đám (học trò), đắc pháp với Chân Dung hòa thượng. Vua ban bút chỉ truyền làm Thiền điền kế đăng, từ lúc còn vận rồng nằm, khi đức Càn mới ló*[12]*. Đời trọng hơn muôn chúng, vừa lúc vầng dương sớm soi, đất phương Ly rạng*[13]*. Xưng ngôi vị làm tôn sư, nên người quy y lại nhiều, kẻ cúng dường càng lắm. Dùng tài lực vô lượng đấy, gây công đức vô lượng đấy. Vừa năm Giáp Thìn xây dựng chùa Quảng Nghiêm. Chùa ấy, thế đất hữu tình, bụi trần cách biệt chốn thiền quynh. Dù là nhỏ bé mà móng nền sẵn rộng, bao hàm cảnh trí thú vị vô cùng. Dặn lại đệ tử trụ trì. Lại đến năm Đinh Tỵ tiết đúng Trọng đông, sư thọ thế 57 tuổi, viên tịch vào giờ Thân ngày 24. Năm Ngọ làm đồ duy (trà- tỳ). Đệ tử thu thập xá-lị, dựng một tháp vào mé trái chùa Quảng Nghiêm, một tháp ở chùa Phật Tích*[14]*. Từ năm Mậu Ngọ khởi công, đến năm Kỷ Mùi thì hoàn hảo. Tháp ấy núi ấy chót vót ức vạn năm, muôn đời về sau vẫn trông thấy như thế vẫn nhìn thấy như thế, dấu tích còn như thế. Đức nghiệp của thiền sư càng lâu lại càng sáng, tiếng thơm nơi đạo tràng cùng với thiền sư lưu truyền.*

Tạo ngày tốt tháng 3 năm Vĩnh Hựu thứ 4 (1738)

Đệ tử thủ tọa tự là Tính Chúc, dựng tháp soạn văn.

Tự thừa xã Trung Lập huyện Đường Hào là Phạm Gia Lạc, tự là Như Lan kính viết".

Qua bài văn bia, chúng tôi có thể ghi lại một cách rõ nét về Thiền sư Từ Sơn Hành Nhất. Sư họ Tưởng, sinh năm Tân Dậu (1681), quê tại Hương Ngãi, huyện Chân Định, phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam hạ (nay thuộc xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình). Sư đồng chân vào đạo, đến tuổi nhược quán xuất gia với Thiền sư Chân Dung. Sư thông minh dĩnh ngộ, xuất chúng. Năm Giáp Thìn (1724), sư đứng ra xây dựng chùa Quảng Nghiêm rồi giao cho đệ tử trụ trì. Sư tịch giờ Thân ngày 24 tháng 11 năm Đinh Tỵ (1737), thọ 57 tuổi.

Chú thích:

1. Chùa Vạn Đức tên tự là Quảng Nghiêm thiền tự hiện ở thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Do chùa ở Vạn Đức sơn (núi Vạn Đức) nên có tên như thế.

2. Vị cư sĩ này chuyên viết chữ trong các bản in như *Kế Đăng lục, Ngũ chủng bổ đề yếu nghĩa, Tứ thập bát nguyện kinh*.

3. *Tuyển tập Văn bia Hà Nội*, quyển 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 1978, Tr. 201.

4. Chúng tôi sử dụng bản dịch của ông Nguyễn Đức Toàn, nhân viên Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Nhân đây, xin cám ơn dịch giả.

5. A Dục vương: Một vị vua thời cổ đại của Ấn Độ, rất tôn sùng Phật pháp, có công lớn hoằng dương Phật giáo.

6. Phù đồ: phiên âm tiếng Phạn cũng chỉ là nơi bảo tháp.

7. Tam sự: viết tắt của thuật ngữ Phật học, chỉ *Tam sự vô tận*, trong giới hạnh của bậc Bồ tát là: Bố thí vô tận, Trì giới vô tận, Bác văn vô tận.

8. Sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX* ghi rõ xã Hương Ngãi, tổng Nam Đường, huyện Chân Định, phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam hạ.

9. Nguyên văn viết "*Tuế Tân Dậu, đồng chân nhập đạo, quan nhược xuất gia*" đọc qua tưởng năm xuất gia của sư. Theo văn bia, sư tịch năm Đinh Tỵ (1737) thọ 57 tuổi, suy ra sư sinh năm 1681. Năm 1681 chính là năm Tân Dậu theo can chi.

10. Nhược quán: Tức tuổi trưởng thành đối với con trai, làm lễ đội mũ gọi là Nhược Quán.

11. Tài *Sơn Đẩu:* Ý nói tài cao như núi Thái Sơn, như sao Bắc Đẩu.

12. Ý nói từ buổi còn khó khăn, như trong Kinh Dịch, quẻ Càn mở đầu bằng hào Cửu nhất, nói rồng còn đang phải ẩn nấp chờ thời cơ.

13. Đất phương Ly: Theo Dịch quái thì phương Ly là phương Nam, ý chỉ nước Nam ta.

14. Trong vườn chùa Phật Tích (Tiên Du, Bắc Ninh) cũng có tháp Viên Minh được làm bằng đá thờ sư, nhưng không có bài "Tháp Chí" như ở chùa Vạn Đức. ■

Cảm ơn đau khổ

VIÊN THẮNG

Nếu không có khổ đau
Biết đâu là hạnh phúc
Nhờ mê muội hôm nào
Ta tìm về tỉnh thức.

Giông bão đời người chẳng chừa bất cứ ai, những nỗi đau hiển hiện trong đôi mắt, hay trên làn môi có thấm vào đâu so với nỗi đau chúng ta giấu kín tận đáy lòng. Trước nỗi đau khổ cùng tột ấy, tâm chúng ta chợt bừng sáng, trí chúng ta hoát nhiên đại ngộ tìm được niềm an lạc tràn ngập trong tâm hồn mà trong kinh Đức Phật dạy: "Phiền não tức Bồ-đề".

Con người sinh ra hiện hữu trên cuộc đời này có hàng nghìn, hàng vạn nỗi đau khổ khác nhau, nhưng chung quy không ngoài hai thứ:

1. Đau khổ tinh thần: Do hoàn cảnh bên ngoài tác động như làm ăn thất bại, người khác ganh tỵ quấy nhiễu, chồng ngoại tình, con bất hiếu ăn chơi trác táng, nghiện xì ke hút chích; hay nghĩ tới những hiện tượng thiên nhiên như bão lụt, động đất, sóng thần… mà băn khoăn, làm cho tinh thần người ta bất an, lo lắng sợ hãi đêm ngày.

2. Đau khổ thân thể: Bị bệnh tật hành hạ giày vò, bị đánh đập, hay bị tai nạn… khiến cho thân thể đau đớn ăn không ngon, ngủ không yên giấc.

Tất cả những nỗi đau khổ ở cõi Ta-bà này ai cũng nếm trải qua. Nếu chúng ta không hiểu Phật pháp, không biết tu tập thì than thân trách phận; có người tìm đến cái chết; có người tìm cách báo thù kẻ đã gây ra đau khổ cho mình. Nhưng chúng ta càng oán hận thì vết thương lòng càng sâu, nào có ích gì?

Còn chúng ta biết tu học, có thực hành theo lời Đức Phật dạy làm chất liệu trong cuộc sống, hiểu rõ nhân quả báo ứng, chỉ tự trách mình nên biết chuyển hóa nỗi đau khổ thành giải thoát an lạc ngay trong cuộc sống, điều mà Đức Phật đã thuyết giảng suốt cuộc đời giáo hóa của Ngài. Lúc này, chúng ta như đóa hoa sen thơm ngát vươn lên từ bùn lầy nước đọng, nở hoa tô thắm giữa cuộc đời.

Chính nhờ trải nghiệm nhiều nỗi đau khổ trong cuộc sống nên chúng ta dễ cảm thông những nỗi bất hạnh của người khác. Bởi vì, cuộc đời này "sống trong cảnh mới hiểu được người trong cảnh". Bấy giờ, khi gặp ai đó có nỗi buồn không biết bày tỏ với ai, chúng ta dễ đặt mình trong hoàn cảnh của họ để sẻ chia, để an ủi vỗ về, giúp họ đứng lên sau lần sắp gục ngã.

Nếu như cuộc đời chúng ta mãi sống trong cảnh bình yên, luôn được mọi người tâng bốc, bợ đỡ thì chúng ta vẫn mãi mãi là một phàm phu tục tử, tham đắm trong hư ảo danh lợi, trôi lăn trong sinh tử, bị phiền não trần lao trói buộc thì làm sao thấy được bộ mặt thật của mình?

Vì thế, chúng ta hãy cảm ơn đau khổ, nhờ đau khổ mà tâm của chúng ta rộng mở nhiều hơn, biết quan tâm chia sẻ đến những mảnh đời bất hạnh, và có cơ hội để chúng ta tu tập hạnh nhẫn nhục. Đau khổ là con đường mà ai cũng phải trải qua, chỉ có khác nhau giữa kẻ mê và người ngộ. Mê thì trầm luân sanh tử, ngộ thì thấy được Niết-bàn giải thoát an lạc. ■

Lộ trình chứng đắc chân lý

THANH LIÊN

Đức Phật, trong khi không đồng tình với thái độ nhẹ dạ cả tin của một số tín đồ các tôn giáo khác trong việc theo đuổi đức tin thiếu cơ sở chứng thực[1], đã nêu ra phương pháp tiếp cận và chứng đắc chân lý gồm 12 bước đi hết sức căn bản và sáng suốt. Ngài cho rằng, trí tuệ *(annà)* hay chân lý *(saccam)* - đồng nghĩa với sự giác ngộ, giải thoát khổ đau hay Thánh quả A-la-hán - không đến với con người ngay lập tức nhưng đến do học từ từ *(anupubbasikkhà)*, hành từ từ *(anupubbakiriyà)*, thực tập từ từ *(anupubbapatipadà)*, trên cơ sở các suy cứu và thực nghiệm khoa học. Phương thức tiếp cận và chứng đắc chân lý do Ngài đề xuất gồm các bước:

1. Khởi lòng tin *(saddhà)*: niềm tin hay lòng quý trọng phát sinh thông qua việc tìm hiểu đầy đủ về phẩm hạnh của vị đạo sư và giáo pháp do vị ấy thuyết giảng[2];

2. Đến gần *(upasamkamanam)*: tiếp xúc, gần gũi với vị thầy để học hỏi giáo pháp;

3. Tỏ sự kính lễ *(parirùpàsanà)*: có thái độ tôn trọng đối với vị thầy;

4. Lóng tai *(sotàvadhànam)*: chú tâm lắng nghe lời thầy khuyên dạy;

5. Nghe pháp *(dhamma-savanam)*: lắng nghe và ghi nhớ đầy đủ những gì vị thầy giảng dạy;

6. Thọ trì pháp *(dhammadhàranà)*: tiếp nhận và nắm bắt đầy đủ những gì vị thầy trình bày;

7. Suy tư ý nghĩa các pháp *(atthupapàrikkhà)*: suy xét nghĩa lý từng lời dạy hay pháp môn do vị thầy thuyết giảng;

8. Chấp thuận các pháp *(dhammanijjhàna)*: đồng tình với các pháp do vị thầy giảng dạy;

9. Sanh khởi ước muốn *(chanda)*: khởi lên ước muốn thực hành theo hay sống theo giáo pháp mà mình đã được học hỏi;

10. Nỗ lực *(ussàha)*: thu xếp công việc và dành nhiều thời gian cho việc hành trì giáo pháp đã được tiếp thu;

11. Cân nhắc *(tulàna)*: xem xét và lựa chọn (trạch pháp) pháp môn tu tập phù hợp với điều kiện sinh hoạt và khả năng phát triển tâm thức của mình;

12. Tinh cần *(padhàna)*: ngày đêm nhiệt tâm tu tập và hành trì giáo pháp đã được học hỏi và tiếp thu, ngụ ý sự chuyên tâm thực hành pháp môn thiền quán *(vipassanà)* để chứng đắc tâm giải thoát, tuệ giải thoát[3].

Kinh Phật mô tả như vầy về ý chí nhiệt tâm tinh cần của một vị đệ tử đã thiết lập lòng tin vững chắc nơi giáo pháp của bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy: *"Dầu chỉ còn da, gân và xương, dầu thịt và máu trên thân bị khô héo, mong rằng sẽ có tinh tấn lực để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ trượng phu nhẫn nại, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần dõng"*[4].

Bậc Đạo sư xác nhận rằng do tinh cần *(padhàna)*, tức sự nỗ lực chuyên tâm hành trì giáo pháp đã được học hỏi và tiếp thu đầy đủ hay sự luyện tập, tu tập, hành tập nhiều lần giáo pháp ấy *(dhammànam àsevanà bhàvanà bahulìkammam)*, nên một vị sa-môn tự thân chứng được sự thật tối thượng *(paramasaccam sacchikaroti)*, và với trí tuệ thể nhập sự thật ấy *(pannàya tam ativijjhati)*, vị ấy thấy *(passati)*[5]: *"Đây là những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên. Ở đây, những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên được trừ diệt, không có dư tàn. Do chấp thủ được diệt ở ta, nên hữu diệt; do hữu diệt, nên sanh diệt; do sanh diệt, nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được diệt trừ. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này"*[6].

Trên đây là lộ trình chứng đắc chân lý gồm 12 bước nỗ lực, khởi từ lòng tin cho đến tinh cần hay sự chuyên tâm hành trì giáo pháp do vị đạo sư giảng dạy. Đáng chú ý là tiến trình này cũng bắt đầu bằng lòng tin, tức sự tin tưởng vào phẩm hạnh của vị thầy và giáo pháp do vị thầy thuyết giảng, nhưng tiếp theo đó là cả một chuỗi các nỗ lực khác đòi hỏi người tìm cầu chân lý phải tự mình thực hiện. Xem ra thì đức tin chỉ là bước sơ khởi trong đường lối tu tập đầy công phu của người học Phật, vì bên cạnh lòng tin còn có các bước nỗ lực khác mà người tu học Phật pháp cần phải hoàn thiện. Đức Phật nói đến lòng tin như là điều kiện căn bản cho sự sinh khởi và vận hành của tiến trình thực nghiệm chân lý gồm nhiều bước nỗ lực, và như vậy, nếu người học Phật chỉ dừng lại ở đức tin không thôi thì không đủ để thực nghiệm hay chứng đắc chân lý. Nói cách khác, ngoài niềm tin, người Phật tử còn phải nỗ lực tu học thật nhiều nữa mới có thể đạt được mục đích cứu cánh là sự chứng đắc chân lý hay giải thoát khổ đau. Sau đây là luận

chứng về tiến trình chứng đắc chân lý của Đức Phật[7]:

"Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng trí tuệ được hoàn thành lập tức. Nhưng này các Tỷ-kheo, trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hanh từ từ, thực tập từ từ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một vị có lòng tin, đi đến gần; sau khi đến gần, vị ấy tỏ sự kính lễ; sau khi tỏ sự kính lễ, vị ấy lóng tai; sau khi lóng tai, vị ấy nghe pháp; sau khi nghe pháp, vị ấy thọ trì pháp; sau khi thọ trì pháp, vị ấy suy tư ý nghĩa các pháp được thọ trì; sau khi suy tư ý nghĩa, các pháp được chấp thuận; sau khi các pháp được chấp thuận, ước muốn sanh khởi; sau khi ước muốn sanh khởi, vị ấy nỗ lực; sau khi nỗ lực, vị ấy cân nhắc; sau khi cân nhắc, vị ấy tinh cần. Do tinh cần, vị ấy tự thân chứng được sự thật tối thượng, và với trí tuệ thể nhập sự thật ấy, vị ấy thấy".

Nhìn chung, phương pháp chứng đắc chân lý hay giải thoát khổ đau mà Đức Phật đã đề xuất là hết sức cụ thể và rõ ràng. Đó là hướng đi của niềm tin chân chánh hướng thiện gắn liền với sự nỗ lực học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ về những gì mà tự thân đã được tiếp xúc, lắng nghe, học hỏi, suy cứu và cân nhắc. Không hề có "tín điều" hay sự nhẹ dạ cả tin trong phương pháp hành trì của người Phật tử. Đức Phật nói đến lòng tin nhưng không chấp nhận thái độ dễ duôi trong cách tiếp cận và thể nghiệm chân lý. Trong các bản kinh của Ngài, Đức Phật từng khuyên môn đệ mình phải xét kỹ những lời dạy, thậm chí tư cách giác ngộ của Ngài, để đoán chắc con đường mà mình đi theo[8]. Ngài xác nhận giáo lý của Ngài có khả năng làm sạch tâm cấu uế và khuyên người hành trì cần phải khéo léo từng bước thử nghiệm để đạt cho được mục tiêu rốt ráo là chứng nghiệm sự thật hay giải thoát khổ đau, giống như người thợ kim hoàn cần phải khéo léo trong các khâu đãi lọc và nung nấu quặng vàng để cuối cùng lấy cho được thỏi vàng tinh luyện[9].

Nghiên cứu về đạo Phật, giáo sư T. W. Rhys Davids đánh giá cao thái độ tinh thần rất khoa học này của Đức Phật khi nói rằng người ta cần phải lưu ý tới mục đích lẫn phương pháp của nó khi so sánh đạo Phật với các hệ thống tôn giáo khác để thấy rõ vị trí đúng đắn của Phật giáo trong lịch sử tôn giáo của Ấn Độ và thế giới nói chung[10]. Theo Rhys Davids, *"Phật giáo là một trong số các "tôn giáo kinh viện". Khi chúng ta nghe rằng nó được thành lập khoảng 500 năm trước Thiên Chúa giáng sinh, chúng ta có thể nghĩ Phật giáo quá cổ điển, - xa xưa, sơ khai, sơ đẳng, giống như các bộ môn nghệ thuật và khoa học của thời đại xa lơ xa lắc ấy. Thế nhưng, nói một cách nghiêm túc, Phật giáo là một trong các sản phẩm mới mẻ nhất của tâm thức con người"*[11].

Bên cạnh phương pháp tiếp cận và thực nghiệm chân lý gồm 12 bước nỗ lực mà Rhys Davids đã xem là *"sản phẩm mới mẻ nhất của tâm thức con người"*, hẳn là còn nhiều vấn đề thiết thực và sâu sắc khác trong giáo lý đạo Phật đáng để cho người ta tiếp tục khám phá, ngạc nhiên và trân trọng lời Phật dạy.

Chú thích:

1. Kinh *Cankì*, Kinh *Subha*, Trung Bộ; *Kinh Tevijjà*, Trường Bộ.
2. Kinh *Cankì*, Trung Bộ.
3. Kinh *Nhất dạ hiền giả*, Trung Bộ.
4. Kinh *Kìtàgiri*, Trung Bộ.
5. Kinh *Kìtàgiri*, Kinh *Cankì*, Trung bộ.
6. Kinh *Màgandiya*, Trung Bộ.
7. Kinh *Kìtàgira*, Trung Bộ.
8. Kinh *Upàli*, Kinh *Tư sát*, Trung Bộ.
9. Kinh *Kẻ lọc vàng*, Tăng Chi Bộ, Kinh *Giới phân biệt*, Trung Bộ.
10. T. W. Rhys Davids, *Indian Buddhism*, tr. 11.
11. T. W. Rhys Davids, *Indian Buddhism*, tr. 11. ■

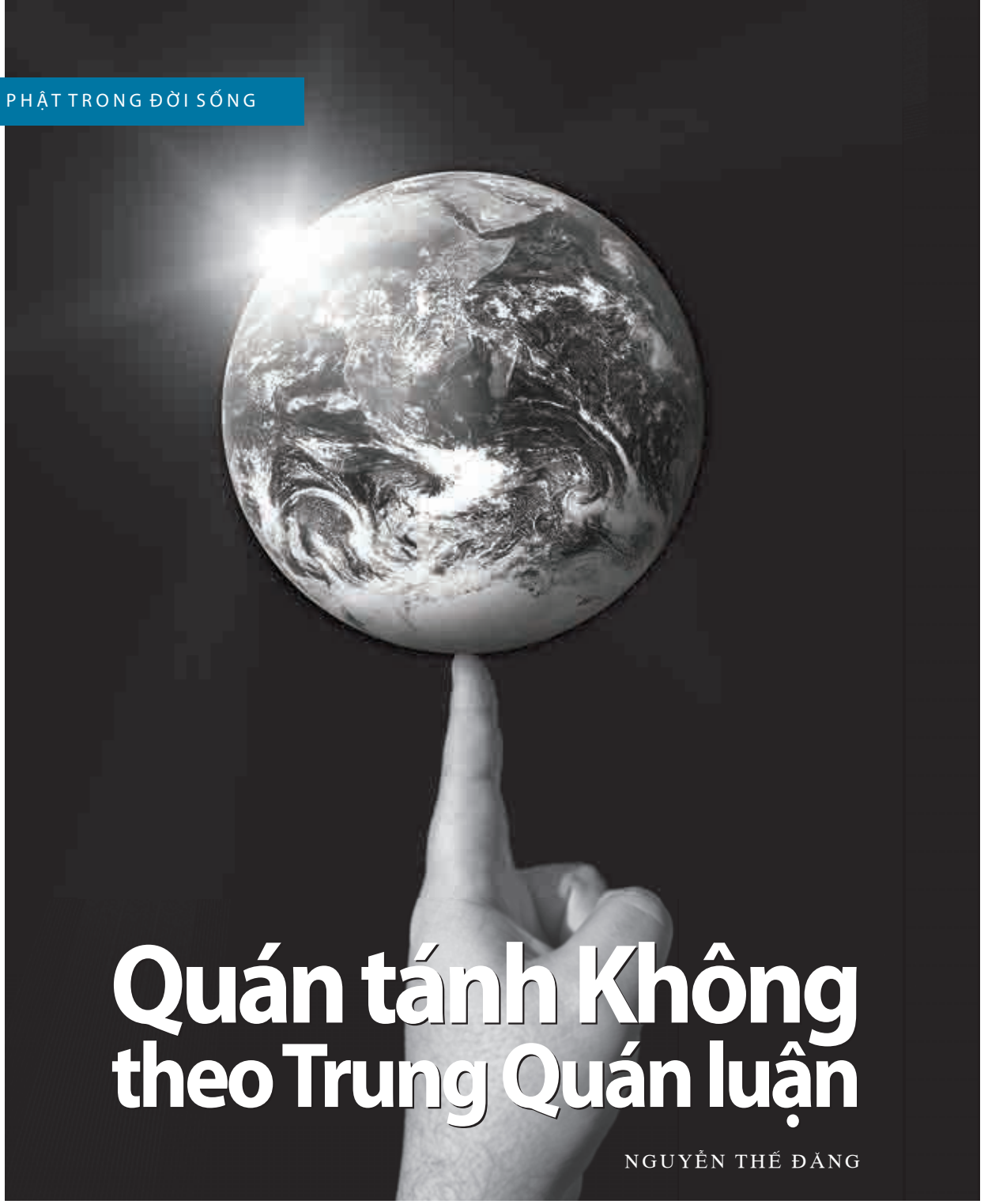

Quán tánh Không theo Trung Quán luận

NGUYỄN THẾ ĐẲNG

1. *Tại sao phải quán?*

Sự thực hành chuyển hóa tâm thức của Phật giáo chủ yếu gồm ba pháp: Chỉ (hay Định), Quán, và Chỉ Quán song tu. Ba pháp này dựa vào ba khả năng của tâm thức con người: Sự tập trung (Chỉ), sự quan sát có khi cộng thêm với sự tưởng tượng (Quán), và thực hành cả hai cái ấy cùng lúc.

Quán là quán sát (to examine), quán tưởng (to visualize), tưởng tượng (to imagine); các học giả Tây phương dịch chữ Quán bằng ba động từ này. Mục đích của thực hành quán là để thấy sự thật vô ngã và vô pháp.

Sanh tử và tạo nghiệp để bị trói buộc vào sanh tử là do thấy có ngã và có pháp. Nói cách khác, sanh tử là do vô minh chấp rằng ngã và pháp là có tự tánh. Thật ra sanh tử là do tâm thức vô minh của chúng ta "quán tưởng" ra là có tự tánh, là có thật, như thí dụ "hư không không có hoa đốm mà thấy ra có hoa đốm". Vô minh "quán tưởng" ra sanh tử, như Duy thức tông nói sanh tử là do thức "biến", nghĩa là thức "quán tưởng" ra. Thế nên để tiêu trừ cái quán tưởng sai lầm và hư vọng này, chúng ta phải quán tưởng ngược trở lại: phải chánh quán rằng tất cả các pháp là vô tự tánh.

Thiền sư Từ Đạo Hạnh (mất năm 1115) đời Lý nói:

Tác hữu trần sa hữu

Vi không nhất nhiết không.

Có thể dịch ra là: Lấy cái thức nông cạn mà nhìn thì thấy tất cả đều có. Lấy trí Bát-nhã sâu xa mà nhìn thì thấy tất cả đều Không. "Bổn lai vô nhất vật", xưa nay không một vật, như Lục tổ Huệ Năng nói.

Thế nên quán là quán theo trí huệ để thấy bằng trí huệ: đưa cái thấy lầm của thức là có sanh tử trở lại trí huệ soi thấy sanh tử là không có tự tánh. Như thế quán là đưa tướng trở về tánh: đưa giả tướng của sanh tử trở về thật tướng của sanh tử là vô tự tánh, là tánh Không.

Sanh tử là do thức vô minh (biến kế sở chấp tánh) của chúng ta quán tưởng thành. Thế nên chúng ta phải quán tưởng ngược lại, để đưa sanh tử trở về thật tướng của nó là vô tự tánh, là tánh Không.

Niềm tin sai lầm rằng mọi sự có tự tánh là những che chướng ngăn cách chúng ta với sự thật. Sự quán tưởng vô tự tánh sẽ làm những che chướng ấy rơi rụng, dần dần để lộ thực tại, sự thật của tất cả các pháp. Những che chướng ấy là phiền não chướng và sở tri chướng, cả hai đều dựng lập trên vô minh căn bản là tin tưởng rằng có tự tánh. Xóa tan phiền não chướng và sở tri chướng đến một mức độ căn bản, chúng ta sẽ thấy trực tiếp tánh Không, vì thực ra tánh Không vẫn luôn luôn hiện diện ở trước mắt chúng ta.

Tánh Không là Nền tảng, Con đường, và Quả của Đại thừa. Tánh Không là nền tảng của tất cả các tông phái Phật giáo. Bốn tông phái chính của Phật giáo Tây Tạng đều y cứ trên tánh Không, nhất là y cứ vào Trung đạo của Bồ-tát Long Thọ.

Chẳng hạn, sự quán tưởng Bổn tôn (yidam) trong Kim Cương thừa, từ lúc khởi đầu, chặng giữa, cho đến cuối cùng đều y vào tánh Không. Mọi nghi thức (sadhana) của các tông phái đều tuân thủ trình tự này. Trước tiên, quy y và phát Bồ-đề tâm, rồi từ trong tánh Không quán tưởng dĩa mặt trời, mặt trăng, trên đó quán tưởng Bổn tôn xuất hiện. Quán tưởng Bổn tôn hòa nhập vào mình rồi tụng chú của Bổn tôn… Phóng ánh sáng đến tất cả chúng sanh… Cuối thời khóa, mọi hiện tượng thế giới và chúng sanh tan hòa vào hành giả với tư cách là Bổn tôn, rồi hành giả tan hòa vào tánh Không và Tịnh Quang. Cuối cùng quán sát tánh Không cho đến khi không thiền định nữa thì hồi hướng.

Theo các đại sư Tây Tạng, sự quán tưởng Sắc thân của Bổn tôn (tức là Báo thân và Hóa thân của Bổn tôn) sẽ khiến hành giả có được Sắc thân, tức là Báo thân và Hóa thân. Đây là sự tích tập công đức. Đồng thời, phải quán tưởng hình tướng ấy là vô tự tánh, tuy xuất hiện nhưng vô tự tánh như những cầu vồng. Sự quán tưởng vô tự tánh hay tánh Không này khiến hành giả có được Pháp thân. Đây là sự tích tập trí huệ. Nói theo ngôn ngữ kinh *Bát-nhã*, quán sắc là để tích tập công đức, và quán "sắc tức thị Không" là để tích tập trí huệ. Cả hai sự tích tập này được làm đồng thời, theo các đại sư Tây Tạng, là một điểm đặc sắc của Kim Cương thừa.

Tánh Không là cái chung nhất của hành giả, với thế giới, với chúng sanh, với Bổn tôn và với chư Phật. Tánh Không ấy còn được gọi là Pháp thân.

2. *Quán tánh Không theo Trung Quán luận*

Trung luận, như tất cả các luận khác của Phật giáo, không phải chỉ nằm ở bình diện lý luận và phân tích. Điều quan trọng là những lý luận phân tích ấy là để thực hành. Phật giáo đi theo tiến trình Văn (nghe, học), Tư (tư duy, phân tích) và Tu (thực hành). Nếu chỉ xem *Trung luận* như một tác phẩm triết học xuất sắc như các học giả Tây phương thường quan niệm thì rất uổng vì đã bỏ mất phần thực hành của nó.

Chính vì để thực hành quán tưởng nên mặc dù nhan đề của ngài Long Thọ là *Trung luận* hay *Trung Đạo luận*, nhưng về sau, các đại sư Trung Hoa (nhất là Tam Luận tông) lại thêm vào chữ Quán thành *Trung Quán luận*. Điều này cũng hợp lý, vì mỗi phẩm theo bản dịch của Cưu Ma La Thập đều bắt đầu bằng chữ Quán hay Phá. Chẳng hạn phẩm I, Phá Nhân Duyên. Phẩm VII, Quán Tam Tướng. Thật ra tất cả các phẩm ngài Long Thọ đều dùng chữ Pariksa, được David J. Kalupahana dịch là Examination (khảo sát, quán sát). (Xem *Mulamadhyamakakarika of Nagarjuna*, David J. Kalupahana dịch và chú thích, Delhi 1996).

Trung Quán luận có tất cả 27 phẩm, 27 chủ đề để quán tánh Không.

Ở đây chúng ta chỉ nói sơ lược về một phẩm, Quán về Pháp, phẩm XVIII, gồm có 12 bài kệ, để tìm hiểu pháp quán của *Trung Quán luận*. Điều chúng ta có thể ghi nhận là Quán về Pháp, tức là Pháp niệm xứ, một trong Bốn Niệm Xứ (Thân niệm xứ, Thọ niệm xứ, Tâm niệm xứ, và Pháp niệm xứ) chung cho cả Phật giáo Nam truyền và Phật giáo Bắc truyền.

Muốn thực hiện pháp quán, chúng ta phải có một mức độ tập trung, một mức độ định căn bản, và định càng sâu thì quán càng có hiệu lực. Định càng sâu thì quán càng rõ.

1. Nếu ngã đồng nhất với năm uẩn, thì ngã là sanh diệt. Nếu ngã khác với năm uẩn thì ngã phải có những tính chất chẳng phải năm uẩn.

Chữ ngã ở đây với chữ tự tánh là đồng nghĩa, chúng ta có thể dùng chữ nào cũng được. Nếu cho là có một cái ngã bất biến, thì một là nếu ngã đồng nhất với năm uẩn, ngã phải sanh diệt. Điều này không thể. Hai là nếu ngã khác với năm uẩn thì ngã chẳng dính dáng gì với năm uẩn. Điều này cũng vô lý. Thế nên các pháp không có ngã, không có tự tánh.

2. Không có ngã thì làm sao có cái gì thuộc về ngã? Ngã và cái thuộc về ngã diệt mất nên được gọi là trí vô ngã.

Khi không thấy có ngã và những cái thuộc về ngã, đó là trí huệ thấy được tánh Không, gọi là trí vô ngã.

3. Đạt được trí vô ngã, đó gọi là thật quán. Đạt được trí vô ngã, người ấy là hiếm có.

Thật quán là thấy ngã và pháp đều không có ngã, không có tự tánh. Trí vô ngã này đạt được khi bước vào Kiến đạo vị hay Thông đạt vị. Còn gọi là con đường Thấy (the path of seeing), theo cách dịch của Tây phương. Trí vô ngã là thấy trực tiếp tánh Không, không còn qua lý luận, phân tích, quán sát, nên còn được gọi là Căn bản trí hay Tự nhiên trí.

4. Ngã thì ở trong, cái thuộc ngã thì ở ngoài, cả hai diệt hết trở thành không có. Các thọ cũng diệt mất, thọ diệt thì thân diệt.

Nếu thân diệt tức là hết thân kiến, thật thấy tánh Không. Hết thân kiến là được Nhập Lưu (vào dòng), tầng bậc đầu tiên trong bốn bậc Thánh của con đường A-la-hán. Đó cũng là địa đầu tiên thật thấy Pháp thân tánh Không trong mười địa của con đường Bồ-tát.

Bằng sự an trụ trong định và quán tưởng liên tục, các phiền não chướng và sở tri chướng lần lần tiêu diệt, để lộ bày tánh Không. Thật thấy trực tiếp tánh Không được Thiền tông gọi là Thấy Tánh (Không). Một khi thật thấy tánh Không người ta sẽ đi tiếp cho đến khi tánh Không trở thành viên mãn. Giai đoạn này Đại thừa nói chung là "Tu Tập vị", "con đường thiền định", hay "sự chứng từng phần Pháp thân".

5. Do nghiệp và phiền não diệt, thì gọi là Giải Thoát. Nghiệp và phiền não vốn không thật, khi ấy nhập vào tánh Không, các hý luận diệt hết.

Nếu kiên trì đi hết Con đường Tu tập hay Con đường Thiền định, người ta sẽ đến được Con đường Không còn tu nữa (Vô công dụng đạo), hoàn toàn giải thoát. Sự giải thoát hoàn toàn được cả Nam tông và Bắc tông gọi là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đại thừa gọi là Vô sanh pháp nhẫn.

6. Chư Phật hoặc thuyết giảng về ngã, hoặc thuyết giảng về vô ngã. Trong thật tướng của tất cả các pháp, không hề có ngã và chẳng phải ngã.

Trong tánh Không, ngã và chẳng phải ngã chỉ là vọng tưởng hý luận. Như Lục tổ nói, "Bổn lai vô nhất vật".

7. Thật tướng của tất cả các pháp thì dứt tuyệt ngôn ngữ và tâm hành, không có sanh không có diệt, vốn tịch diệt như Niết-bàn.

Quán tánh Không là thật tướng của tất cả các pháp, trong đó không có mọi ý niệm, ngôn ngữ và tâm hành, không sanh cũng không diệt. Không sanh không diệt vì, "Các pháp không sanh ra từ chính nó, không từ cái khác mà sanh, cũng không từ cả hai, cũng không phải không có nhân, thế nên, biết các pháp vốn vô sanh", như câu kệ đầu tiên của phẩm I, Quán Nhân Duyên.

8. Hết thảy pháp đều thật, đều chẳng thật, vừa thật vừa chẳng thật, và chẳng phải thật, chẳng phải phi thật. Đó là pháp của chư Phật.

Quán tánh Không lìa tứ cú (bốn câu: có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không), tuyệt bách phi (dứt hết một trăm cái "chẳng phải"). Lìa tứ cú, tuyệt bách phi là một câu nói thường dùng trong Thiền tông. Chúng ta có thể nhớ đến bài kệ "Câu có, câu không" của vua Trần Nhân Tông.

9. Tự chứng biết, không theo ai, tịch diệt không có hý luận. Không khác, không phân biệt. Đó chính là thật tướng.

Khi quán thấy được tánh Không, thì tánh Không tự hiển bày trước mắt. Tánh Không tự hiển bày khi các tướng sai khác hư vọng đã tịch diệt.

10. Nếu pháp theo duyên sanh, thì pháp ấy không phải đồng nhất cũng không phải khác biệt với nhân. Đó gọi là thật tướng, chẳng đoạn cũng chẳng thường.

Ngộ được thật tướng, nhập được thật tướng, thì thoát khỏi sanh tử, và có thể giúp người khác thoát khỏi sanh tử.

11. Chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải thường cũng chẳng đoạn. Đó là vị cam lồ mà chư Thế Tôn giáo hóa.

Chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, đó là công án hay thoại đầu mà một người tu Thiền theo phái Lâm Tế phải thấu qua. Thấu qua được thì vượt qua Tổ sư quan hay sanh tử quan.

12. Nếu Phật không xuất hiện ở thế gian, khi Phật pháp đã mất ở thế gian, các vị Bích Chi Phật do xa lìa tướng mà phát sanh trí vô ngã này.

Trung luận để phá tất cả các tướng. Khi các tướng đều được xa lìa thì trí huệ Bát-nhã và tánh Không, cả hai hợp nhất, xuất hiện. Kinh *Kim Cương* nói: "Lìa tất cả tướng gọi là chư Phật".

Tóm lại, *Trung Quán luận*, gồm 27 phẩm, là 27 pháp thực hành quán tưởng. Do công phu quán tưởng hàng ngày, ít nhất chúng ta sẽ bớt phiền não, bớt khổ đau, vì phiền não và khổ đau là do chấp ngã và chấp pháp. Khi phiền não khổ đau bớt đến đâu thì tự nhiên có hạnh phúc an lạc đến đó.

Đối với người quyết tâm cao hơn, nghiên cứu (Văn), tư duy (Tư), thực hành (Tu) liên tục, có khi may mắn có được sự hướng dẫn của những thiện tri thức, sẽ có lúc thực sự bước vào con đường đạo, thấy trực tiếp và sống được tánh Không, và tiếp tục đi cho đến rốt ráo, viên mãn.

Chúng ta hãy chấm dứt bằng một đoạn trong *Bài ca Chứng Ngộ trong Hang Tịnh Quang* của Milarepa:

Thúc đẩy bởi động lực sâu xa, bao la và kiên cố
Của Bồ-đề tâm được phát động mạnh mẽ
Tôi nhìn trở đi trở lại vào tánh Không nền tảng
Với sự chăm sóc dịu dàng không chểnh mảng
Thoát ngoài mọi hy vọng và thất vọng.
Hãy biết rằng tôi đã du hành qua con đường thiền định tốt đẹp này
Giờ đây tôi nhìn nó với quán thấy tỏ suốt.
Hãy biết tôi đã đến trong xứ sở không còn phải du hành;
Hãy biết tôi có bột mà không cần xay.
Hãy biết rằng tôi đang xem quang cảnh không thể thấy.
Hãy biết rằng tôi đã tìm ra quê nhà phúc lạc.
Hãy biết rằng tôi đã tìm ra người phối ngẫu thường hằng.
Hãy biết rằng tôi cung cấp lợi lạc cho chính tôi và những người khác.

Đây là những kho tàng của Milarepa… ■

Sự thật về Vô thường

PIYADASSI THERA
THÍCH THIỆN CHÁNH dịch

"Vô thường, phụ thuộc vào sự biến đổi, là tính chất của các pháp hữu vi. Hãy tinh tấn". Đó chính là lời nhắc nhở cuối cùng của Đức Phật Cồ-đàm đối với hàng đệ tử của Ngài.

Và khi Đức Phật đã nhập Niết-bàn, Trời Đế Thích than rằng:

"Các hành là vô thường, Có sanh phải có diệt. Đã sanh, chúng phải diệt, Nhiếp chúng là an lạc" (Kinh Đại bát Niết-bàn, Kinh Trường Bộ số 16).

Đến tận ngày nay, tại mỗi đám tang của người Phật tử ở những xứ theo Phật giáo Nguyên thủy, chính bài kệ nói trên vẫn được tụng đọc bằng tiếng Pali bởi những vị sư chủ trì tang lễ, để nhắc nhở cộng đoàn về bản chất phù du của cuộc đời. Trong những xứ Phật giáo, người ta thường thấy các Phật tử cúng hoa và đèn dầu trước tượng Đức Phật. Chẳng phải là họ đang cầu nguyện đến Đức Phật hay bất kỳ một "đấng chí tôn" nào. Hoa sẽ tàn và ngọn đèn sẽ lụi, nhắc cho họ về sự vô thường của mọi sự mọi vật vốn do duyên sinh.

Từ *Vô thường* đơn sơ và giản dị này chính là cốt lõi của giáo lý của Đức Phật, đồng thời cũng là nền tảng cho hai đặc tính khác của sự hiện hữu, đó là *Khổ* và *Vô ngã*.

Sự thật về Vô thường có nghĩa là thực tại không bao giờ tĩnh mà luôn luôn động; và điều đó đã được các nhà khoa học nhận thức là bản tính tự nhiên của thế giới, không ngoại lệ. Trong giáo pháp về thực tại động ấy, Đức Phật cung cấp cho chúng ta một chiếc chìa khóa chủ để mở bất kỳ cánh cửa nào mà chúng ta muốn. Thế giới hiện đại cũng đang sử dụng cùng chiếc chìa khóa chủ đó, nhưng chỉ dành cho những thành tựu vật chất, và đang mở ra hết cánh cửa này đến cánh cửa khác với những thành công kỳ diệu.

Sự thay đổi hay tính vô thường là đặc tính cốt yếu của mọi sự tồn tại mang tính hiện tượng. Ta không thể nói về bất kỳ điều gì, hữu tình hay vô tình, hữu cơ hay vô cơ, rằng "điều này tồn tại lâu dài", vì ngay khi chúng ta nói như vậy, điều đó đang chịu sự biến đổi. Mọi sự đều đang tan biến; nét đẹp của những bông hoa, giai điệu lảnh lót của những con chim, tiếng vù vù của loài ong, và sự rực rỡ của buổi chiều tà.

"Giả sử bạn đang ngắm cảnh hoàng hôn lộng lẫy. Cả một khoảnh trời ở phương Tây đang rực sáng với những sắc màu hồng sẫm; nhưng bạn cũng nhận biết rằng chỉ trong vòng nửa giờ đồng hồ nữa thôi, tất cả những sắc độ lộng lẫy ấy sẽ nhạt dần rồi trở thành xám xịt. Bạn thấy chúng đúng vào lúc chúng đang tan biến trước mắt mình, mặc dù đôi mắt của bạn không thể đặt trước mình cái kết luận mà lý trí của bạn vừa rút ra. Và kết luận đó là gì? Kết luận đó là ngay cả trong một khoảnh khắc ngắn nhất có thể được gọi tên hay nhận biết, bạn cũng không bao giờ thấy bất kỳ một màu sắc nào tồn tại trọn vẹn, bất kỳ một màu sắc nào đúng như nó đang là. Trong một phần triệu của một giây, toàn bộ sự huy hoàng của bầu trời được tô màu kia đã chịu hằng hà sa số những chuỗi biến đổi. Một sắc độ được thay thế bởi một sắc độ khác với một sự nhanh chóng thách thức mọi sự đo lường; nhưng vì đó là một tiến trình không có một sự đo lường nào có thể áp dụng được… lý trí từ chối đưa ra một sự nắm giữ bất kỳ một giai đoạn nào của cái cảnh tượng thoảng qua đó, hoặc tuyên bố rằng đó là như vậy; vì ngay trong cái vẻ tồn tại đó, nó đã không tồn tại; nó đã nhường chỗ cho một điều gì khác. Đó là một chuỗi những màu sắc thoảng qua mà không một màu sắc nào trong cái chuỗi đó tồn tại, vì mỗi màu sắc trong chuỗi đó lần lượt loại trừ lẫn nhau" Ferrier's Lectures and Remains *Quyển I, tr. 119, dẫn lại trong* Sarva-dorsana-Sangraha, London, tr. 15.

Mọi sự vật cấu thành – nghĩa là tất cả những sự vật vốn phát sinh như hệ quả của các nguyên nhân, rồi đến lượt chúng lại làm phát sinh những hệ quả khác – đều có thể được đúc kết trong một từ, từ đó là vô thường *(anicca)*. Vì vô thường nên gây đau khổ và vì đau khổ nên là vô ngã.

Được ngụy trang, ba đặc tính này của cuộc đời phổ biến khắp thế gian cho đến khi một bậc Giác Ngộ chứng đắc thực tính của chúng. Chính là để tuyên thuyết về ba đặc tính này – và làm thế nào thông qua sự nhận thức triệt để về chúng, một con người đạt tới sự giải thoát của tâm trí – mà một vị Phật đã ra đời. Đó chính là điều cốt yếu nhất, là nội dung tổng quát nhất của giáo pháp của Đức Phật.

Mặc dù vô thường áp dụng cho mọi pháp hữu vi, mọi sự vật do duyên sinh, Đức Phật quan tâm hơn đến cái được gọi là chúng hữu tình; vì vấn đề là đối với con người chứ không phải là đối với các sự vật tĩnh tại. Giống như một nhà giải phẫu tách một cánh tay thành các mô rồi tách các mô thành những tế bào, Đức Phật, bậc Thế gian giải, đã phân tích cái được gọi là chúng sanh, *sankhāra puñja*, một tập hợp lộn xộn những tiến trình, thành ra năm *khối kết tập luôn luôn biến đổi* mà nhà Phật gọi là *năm uẩn*, và làm rõ rằng chẳng có gì tồn tại mãi, chẳng có gì được bảo toàn vĩnh viễn, trong dòng chảy của các uẩn. Chúng là *sắc* (hình thái vật chất hay thân thể), *thọ* (hay cảm giác), *tưởng* (hay sự nhận biết), *hành* (các yếu tố tâm lý có năng lực thúc đẩy, như ý chí), và *thức* (hay nhận thức phân biệt).

Đức Giác Ngộ giải thích:

"Này các Tỳ-kheo, năm uẩn là vô thường; bất kỳ cái gì là vô thường, cái đó là khổ, (không thỏa mãn); bất kỳ cái gì là khổ, cái đó là không có ngã. Cái gì không có ngã, cái đó không phải là cái của tôi, cái đó không phải là tôi, cái đó không phải là tự ngã của tôi. Cái gì là vô ngã, cần phải được như thật quán với chánh trí tuệ (sammappaññāya). Người nào thấy bằng chánh trí tuệ, thấy chân thật như vậy, tâm người đó không còn chấp trước, được giải thoát khỏi nhiễm ô; người ấy được giải thoát" Kinh Tương Ưng Bộ *(SN 22.45)*.

Bồ-tát Long Thọ *(Nāgarjuna)*, nhắc lại ý trên của Đức Phật, nói, *"Khi khái niệm ngã (ātman) không còn, thì khái niệm về 'cái của tôi' cũng mất đi và người đó đã giải thoát khỏi ý niệm về tôi và cái của tôi"* (Trung Quán Luận Tụng - *Maadhyamika-Kaarikaa*, xviii.2).

Đức Phật đưa ra năm ẩn dụ đầy ấn tượng để minh họa cho tính chất phù du của năm uẩn. Ngài so sánh *sắc* với *đống bọt*, *thọ* với *bong bóng nước*, *tưởng* với *ráng mặt trời*, *hành* với *thân cây chuối* (không có ruột cây, lõi gỗ), và *thức* với *trò ảo thuật;* và hỏi, *Này các Tỳ-kheo, điều cốt lõi nào có thể có trong đống bọt, trong những bong bóng nước, trong ráng mặt trời, trong một thân cây chuối, trong một trò ảo thuật?".*

Đức Phật dạy tiếp:

"Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; vị Tỷ-kheo thấy sắc, chuyên chú, như lý quán sát sắc. Do vị Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát sắc, sắc ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong sắc được?".

Đức Phật dạy với cùng thể cách ấy về những uẩn còn lại và hỏi:

"Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong thọ, trong tưởng, trong hành, trong thức được?" — Kinh Tương Ưng Bộ, HT. Thích Minh Châu dịch.

Với sự phân tích về năm uẩn như vậy, một phạm vi tư tưởng tiến bộ hơn xuất hiện. Chính là ở giai đoạn này mà sự hiểu biết chân thật được gọi là tuệ giác hay minh sát tuệ (vipassaana) bắt đầu có tác dụng. Thông qua tuệ giác bởi sự minh sát này mà bản chất thực của năm uẩn được nắm bắt và được nhìn thấy dưới ánh sáng của Tam Pháp Ấn *(tilakkhana):* vô thường, khổ, và vô ngã.

Không chỉ năm uẩn mới là vô thường, khổ và vô ngã, mà nhân và duyên tạo thành năm uẩn cũng vô thường, khổ và vô ngã. Điểm này Đức Phật dạy rõ:

Sắc, thọ, tưởng, hành và thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho ngũ uẩn sanh

khởi; cái ấy cũng vô thường. Ngũ uẩn đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, làm sao có thể thường được?

Sắc, thọ, tưởng, hành và thức, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho ngũ uẩn sanh khởi; cái ấy cũng khổ. Ngũ uẩn đã được cái khổ làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, làm sao có thể vui thích hay thỏa mãn được?

Sắc, thọ, tưởng, hành và thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho ngũ uẩn sanh khởi; cái ấy cũng vô ngã. Ngũ uẩn đã được cái vô ngã làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, làm sao có thể có ngã được?

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa" Kinh Tương Ưng 22.7-9, tóm tắt.

Khi sai lầm trong việc thấy được thực tánh của các pháp thì luôn luôn kiến giải của ta bị che mờ; với những nhận thức có được vì tiên kiến, vì tham sân, vì yêu ghét, ta không thể thấy được các cơ quan cảm giác và các đối tượng cảm giác theo đúng bản chất tương ứng và khách quan của chúng, vì thế ta đuổi theo ảo ảnh và những điều dối gạt. Cơ quan cảm giác lừa gạt và đánh lạc hướng ta cho nên ta không thể thấy được vạn sự vạn vật trong cái ánh sáng thật của chúng, đến nỗi cái cách nhận biết sự vật của ta trở nên điên đảo.

Đức Phật dạy về ba loại vọng tưởng điên đảo vẫn bám chặt tâm trí con người; đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo. Khi bị vây bủa bởi những vọng tưởng này thì con người nhận thức, suy nghĩ, và thấy biết sai lầm. Anh ta tưởng cái vô thường là thường, cái khổ là vui, cái vô ngã là ngã, cái xấu xa là đẹp. Anh ta cũng suy nghĩ và thấy biết một cách sai lầm như thế. Như vậy, mỗi một vọng tưởng tác động theo bốn cách[1] (đoạn Tưởng điên đảo trong *Kinh Tăng Chi* 4.49), dẫn con người đi lạc đường, làm mờ cái thấy của anh ta, và làm cho người ấy lúng túng. Đó là lỗi của việc tư duy không sáng suốt, của việc quán sát không có hệ thống. Chỉ có Chánh trí (hay Minh sát tuệ) mới diệt trừ những điên đảo này và giúp con người nhận thức được thực tánh nằm dưới mọi hiện tướng. Chỉ khi con người thoát ra khỏi đám mây của điên đảo và ảo tưởng ấy thì anh ta mới tỏa sáng với tuệ giác chân thật giống như như ánh trăng rằm hiện ra lấp lánh sau đám mây đen.

Các uẩn tạo thành tâm và thân của chúng sanh, mãi mãi lệ thuộc vào nhân và duyên như ta đã thấy ở trên, trải qua những khoảnh khắc nhanh chóng đến không thể nhận biết được của quá trình sinh khởi, tồn tại, và biến mất, chẳng khác những lượn sóng không ngừng của biển cả hay như một dòng sông trong cơn lũ tràn lên đến đỉnh điểm rồi rút mất. Quả thật, đời người được ví với con suối bắt nguồn từ núi chảy dồn xuống, thay đổi không ngừng, như một dòng chảy.

Heraclitus, triết gia nổi tiếng người Hy Lạp, là người Tây phương đầu tiên đã nói về bản chất dễ thay đổi của sự vật. Ông đã giảng về lý thuyết "mọi sự đều trôi chảy" (Panta Rhei) tại thành Athens, và người ta vẫn hồ nghi không biết có phải lý thuyết ấy đã từ Ấn Độ truyền đến cho ông hay chăng.

Heraclitus nói, *"Không có bản chất tĩnh tại, không có nền tảng không thay đổi. Biến đổi, chuyển động, là chúa tể của vũ trụ. Mọi vật đều ở trạng thái đang trở thành, của dòng chảy liên tục".*

Ông tiếp, *"Người ta không thể bước hai lần vào cùng một dòng sông; vì dòng nước mới luôn tuôn chảy dưới chân mình".* Tuy nhiên, một người đã hiểu được nguồn cội của Pháp còn đi xa hơn thế và nói, *"Cùng một con người không thể bước hai lần vào cùng một dòng sông; vì cái gọi là con người kia chỉ là một dòng chảy của thân và tâm, không bao giờ giữ được sự giống hệt như nhau trong hai khoảnh khắc liên tiếp".*

Nay thì ta nên nhận biết rõ, cái thực thể, mà vì những mục tiêu thực tiễn khiến ta gọi là đàn ông, đàn bà, hay một cá nhân, chẳng phải là một cái gì tĩnh tại, mà là động, là ở trong một trạng thái của sự biến đổi thường hằng và liên tục. Nay, khi một người nhìn cuộc đời và tất cả những gì liên quan đến cuộc đời dưới ánh sáng chân lý này, và hiểu được một cách thấu đáo rằng cái được gọi là chúng sinh kia chỉ là một chuỗi tâm lý và sắc thân ngũ uẩn, người ấy thấy được mọi sự vật đúng như chúng đang thực là. Người ấy không còn giữ tà kiến về "niềm tin nhân cách", niềm tin vào một linh hồn hay một bản ngã; vì qua Chánh trí người ấy biết rằng mọi sự tồn tại mang tính hiện tượng đều do duyên sinh, rằng mỗi sự vật đều phụ thuộc vào sự vật khác, và rằng sự tồn tại của sự vật ấy là có liên quan với điều kiện ấy. Kết quả, người ấy biết không hề có cái "Tôi", không có một thực thể tâm linh tồn tại mãi, không có nguyên lý ngã, không có bản ngã hay bất kỳ thứ gì liên quan đến một bản ngã trong tiến trình của cuộc sống này. Như thế, người ấy được giải thoát khỏi ý niệm về một tiểu ngã hay đại ngã.

Nhờ thiền Minh sát tuệ, hành giả thấy được sự vật như chúng là, chứ không như chúng có vẻ là.Việc quán sát sự vật như chúng thực là, như ta đã bàn ở trước, bao gồm việc thấy được bản chất vô thường, khổ và vô ngã của tất cả những pháp hữu vi và pháp duyên sanh. Đối với một đệ tử thiền định như vậy của Đức Phật, "thế giới" này không phải là thế giới ngoại tại hay thế giới được biết do kinh nghiệm, nhưng là chính thân xác con người và ý thức của nó. Đó là thế giới của ngũ uẩn về sự bám chấp. Đó là cái thế giới mà hành giả cố để hiểu với tính cách vô thường, khổ, và không có ngã hay không có linh hồn. Đức Ph ật đã nói đến chính cái thế giới của thân và tâm này khi Ngài bảo Mogharaaja, *"Này Mogharaaja, hãy luôn tỉnh giác, hãy quán sát thế giới này là trống không; từ bỏ được ý niệm về ngã thì một hành giả có thể vượt qua cái chết. Ma vương không thể thấy được người đã biết rõ thế giới như vậy"* (Sutta Nipāta).

Nội dung tổng quát của triết học biến dịch được tuyên thuyết trong Phật giáo nói rằng mọi pháp hữu vi vốn hiện hữu do duyên sanh đều chỉ là tiến trình chứ không phải là một nhóm thực thể tồn tại chắc thật, nhưng sự biến đổi xảy ra trong sự nối tiếp nhanh chóng đến nỗi con người cho rằng thân và tâm là những thực thể tĩnh tại. Con người không thấy được sự sinh khởi và sự tan rã của chúng, mà chỉ thấy chúng là một khối thống nhất, thấy chúng như một toàn bộ hay toàn thể.

Tất nhiên, thật là hết sức khó để con người, với những sự phóng chiếu của tâm thức, quen suy nghĩ liên tục về thân và tâm của chính họ và về ngoại giới như một toàn thể, như những đơn vị không thể tách rời, giữ bỏ được cái diện mạo giả dối của "tính toàn thể" đó. Bao lâu mà con người chưa thấy được mọi sự vật như các tiến trình, như những chuyển động, con người sẽ không bao giờ hiểu được lý thuyết vô ngã của Đức Phật. Đó là lý do khiến con người xấc xược và hấp tấp đặt câu hỏi, *"Nếu như không có một thực thể cố định, không có quy luật không thay đổi, như ngã hay linh hồn, vậy thì cái gì trải nghiệm những kết quả của hành vi ở kiếp này và kiếp sau?"*

Câu hỏi cháy bỏng này được hai bản kinh khác nhau nói đến, một ở *Trung Bộ* 109 và một ở *Tương ưng Bộ* 22.82. Ngay khi Đức Phật vừa giải thích một cách tường tận cho đệ tử của Ngài về bản chất vô thường của năm uẩn, làm thế nào mà năm uẩn lại không có tự ngã, và làm thế nào mà những thái độ kiêu ngạo tiềm ẩn "Tôi là" và "của tôi" lại chấm dứt hiện hữu, thì đã khởi lên trong tâm của một Tỳ-kheo đang có mặt giữa hội chúng, rằng, *"Sắc thân này không phải là ngã, cảm thọ không phải là ngã, tưởng không phải là ngã, hành không phải là ngã, thức không phải là ngã. Vậy thì cái ngã nào ảnh hưởng đến những hành vi vô ngã?"*.

Đọc được suy nghĩ trong tâm của vị Tỳ-kheo ấy, Đức Phật nói, *"Câu hỏi này không nêu đúng vấn đề"*, và giải thích thêm để vị tu sĩ ấy hiểu đúng tính vô thường, khổ, vô ngã của năm uẩn.

"Thật là sai lầm khi nói rằng kẻ thực hiện hành vi là đồng với kẻ trải nghiệm kết quả của hành vi đó. Cũng thật là sai lầm khi nói rằng kẻ thực hiện hành vi với kẻ trải nghiệm kết quả của hành vi là hai người khác nhau", vì một lý do đơn giản là điều mà chúng ta gọi là đời sống thực ra chỉ là một dòng chảy của tiến trình tâm - vật lý hay năng lượng, sanh diệt liên tục; không thể nói rằng chính kẻ thực hiện hành vi đang trải nghiệm kết quả, vì chính anh ta đang biến đổi trong từng khoảnh khắc của đời mình; nhưng cùng lúc, ta không được phép quên đi sự thật rằng sự tiếp nối của đời sống là sự tiếp tục của cảm thọ. Diễn trình của các sự kiện không hề mất đi; nó nối tiếp không có khoảng cách. Đứa trẻ không cùng là một như cậu thanh niên, cậu thanh niên không cùng là một như người trưởng thành, họ vừa không cùng là một người nhưng cũng không phải là những người khác nhau. Chỉ có một dòng chảy của những tiến trình thân và tâm.

Có ba bậc giáo thọ, bậc thứ nhất dạy rằng ngã hay cái tôi là thật có cả ở hiện tại lẫn tương lai (kiếp này và kiếp sau); bậc thứ hai dạy rằng ngã chỉ thật có trong kiếp này, mà không có trong kiếp sau; bậc thứ ba dạy rằng khái niệm về ngã là một sự huyễn ảo: ngã không thật có cả trong kiếp này lẫn ở kiếp sau.

Bậc thứ nhất là chấp thường (*sassatavādi*); bậc thứ hai là chấp đoạn (*ucchedavādi*); và bậc thứ ba chính là Đức Phật; Ngài đã dạy con đường trung đạo xa lánh hai cực đoan thường và đoạn. (Ở đây, trung đạo là thuyết duyên khởi hay thuyết nhân duyên - *Paticca Samuppāda*).

Mọi tôn giáo hữu thần đều dạy rằng sau khi chết, theo cách này hay cách khác, ngã vẫn tồn tại chứ không mất đi. Chủ nghĩa duy vật thì cho rằng ngã mất đi khi chết. Nhà Phật cho rằng không có ngã hoặc bất cứ cái gì chắc chắn hay trường cửu, mà mọi thứ đều do nhân duyên, lệ thuộc vào sự chuyển biến, chúng thay đổi và không giữ được sự giống nhau trong hai sát-na liên tiếp; chúng chỉ có tính liên tục chứ không có tính đồng nhất.

Bao lâu còn đắm đuối với ý niệm về cái ngã hay cái tôi trường cửu, con người sẽ không thể nhận thức được rằng mọi sự vật đều vô thường; rằng trong thực tại, có sự sinh diệt của mọi sự vật. Hiểu rõ về học thuyết vô thường, lý thuyết đặc thù của Phật giáo, là điều không thể thiếu được trong việc tìm hiểu giáo nghĩa Tứ Thánh đế và những giáo pháp cơ bản khác của Phật giáo.

Nhân loại trong thế giới ngày nay đều nhận thấy tính chuyển biến của cuộc đời. Tuy nhiên, họ không giữ được điều đó trong tâm để hành động với sự sáng suốt không thiên vị. Mặc dù bãi bể nương dâu lần này qua lần khác báo cho họ biết và khiến họ đau khổ, họ vẫn theo đuổi những sự nghiệp điên rồ của mình trong vòng quay của bánh xe luân hồi, bị quấn kẹp trong những chiếc căm đau đớn. Họ ấp ủ niềm tin rằng có thể khám phá một đường lối hạnh phúc ngay trong sự chuyển biến đó, tìm được một trung tâm an toàn trong cái vòng quay vô thường. Họ tưởng tượng rằng mặc dù thế giới là bất định, họ có thể làm cho thế giới ấy trở nên chắc chắn và mang lại cho nó một nền tảng cố định, và thế là cuộc tranh đấu không ngừng nghỉ cho việc cải thiện cuộc sống thế tục tiếp tục diễn tiến với những nỗ lực bền bỉ và nhiệt tình vô ích.

Lịch sử đã chứng minh nhiều lần và sẽ tiếp tục chứng minh rằng không có gì trong thế giới này là vĩnh cửu. Mọi sự vật được đeo bám để thất bại. Những quốc gia và các nền văn minh xuất hiện, nảy nở, rồi tàn phai như những đợt sóng trên đại dương; nhường chỗ cho cái mới; và cứ như thế, những cuộn giấy thời gian ghi nhận hoạt cảnh lịch sử trôi qua, tầm nhìn không có nền tảng, và dòng chảy nhạt nhòa, là lịch sử của nhân loại.

Chú thích:

1. Bốn tưởng điên đảo gồm: Vô thường nghĩ là thường, khổ nghĩ là lạc, vô ngã nghĩ là ngã, không thanh tịnh nghĩ là thanh tịnh (trang 412 *Tăng Chi Bộ*) ■

Ghi chép lõm bõm

Thấp thoáng lời kinh 2

ĐỖ HỒNG NGỌC

"Con đường độc nhất"

"Đây là con đường độc nhất dẫn tới thanh tịnh cho chúng sanh, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng đắc Niết-bàn"... Thật không, một con đường như vậy? Phật nói như đinh đóng cột, chắc là phải có rồi. Nói từ hồi bắt đầu dạy những bài học đầu tiên cho đến lúc sắp nhập Niết-bàn. Nói đi nói lại hoài. Sợ người ta quên. Sợ người ta coi nhẹ, mải mê chạy theo những hí luận nọ kia... Bởi con đường "độc nhất" đó lại quá ư đơn giản, đơn giản đến khó tin!

Con đường nào vậy? Độc nhất. Thanh tịnh. Chánh trí. Niết-bàn. Diệt trừ khổ ưu? Nếu có, quả là phương thuốc thần cho cuộc sống đầy bát nháo, điên đảo mộng tưởng... trên một thế giới phẳng, toàn cầu hóa hôm nay?

Đó chính là Anapanasati - có khi gọi là "An ban thủ ý" hay "Nhập tức xuất tức niệm" - được dạy trong Tứ niệm xứ. Hình như ngay Tứ niệm xứ với "thân thọ tâm pháp"... vẫn còn có vẻ phức tạp quá, nên Phật giản hóa đi bằng cách chỉ dẫn một "kỹ thuật" giản đơn nhất mà cũng tuyệt vời nhất, như cánh cửa mở vào kho tàng của... Như Lai.

Ana là *thở vào*, ***Apana*** là *thở ra* và ***Sati*** là *niệm*, là nhớ, là nghĩ. Chỉ có vậy thôi sao? Chỉ vậy.

Thở vào thở ra thì ai mà chẳng thở? Vậy thì có cái gì hay? Cái hay, cái "bí quyết" nằm ở chữ *niệm*. Niệm, ấy là nhớ, nghĩ. Nhớ cái thở. Và, nghĩ về cái thở. Xưa nay ta vẫn thở, còn sống thì còn thở nhưng mấy khi ta nhớ ta nghĩ về nó. Đôi khi khò khè cò cử ta cũng có nhớ, có nghĩ chút chút, nhưng nhớ và nghĩ theo... bệnh lý! Còn Phật muốn ta nhớ nghĩ (niệm) về cái thở theo một cách khác. Hãy nhớ nghĩ thiệt sâu xem sao. Nói khác đi, không phải chỉ "niệm" mà "chánh niệm" xem sao. Hãy thử rình mò, dõi theo nó xem sao. Có gì lạ không? Có đó. Nhưng, đừng nói. Bất khả thuyết. Thử đi. Nếm đi. Hãy đến và nếm thử đi. Thì ra, một khi ta thực sự "nhớ" đến nó (chánh niệm), ta quên mọi thứ trên đời! Cứ y như một cái công tắc. Bật qua bật lại. Hoặc nhớ chuyện nọ kia thì quên cái thở, nhớ cái thở thì quên chuyện nọ kia. Sinh lý nó vậy. Vỏ não nó vậy. Khi một vùng này của vỏ não được kích hoạt thì vùng kia bị ức chế. Thời đại của... options. Tùy chọn. Giận thì bầm gan tím ruột. Tức thì đỏ mặt tía tai. Mất bao nhiêu là năng lượng. Bải hoải tay chân, bao tử, tim mạch, huyết áp...

Nhưng nếu chỉ dừng ở đó thì chưa đủ. *Niệm* không chỉ là *nhớ* mà còn là *nghĩ* nữa. Có gì hay để *nghĩ* về cái hơi thở đó? Có đó. Giật mình thấy đời người chẳng qua là một hơi thở. Lúc sinh hít vào một hơi. Lúc tử hắt ra một cái. Khoảng giữa là những lăn tăn. Lăn tăn mà cũng bày đặt tham lam, sân hận, khổ đau... Giật mình thấy hơi thở không phải của mình, không phải là mình... Ngàn xưa ngàn sau nó đến nó đi ung dung... tự tại ngoài ta, chẳng cần biết có ta trên cõi đời. Chẳng phân biệt, chẳng thêm bớt. Cái hơi thở vào thở ra của Phật, của Bồ-tát, của A-la-hán... kia hình như cứ còn bay bay lởn vởn đâu đây cùng ta phì phò mọi lúc mọi nơi...

Nhưng hình như không dừng ở đó. Cho đến một lúc, chánh niệm trở thành *vô niệm*.

Ở đó, một thứ *tâm bất sinh*.

"Tam-ma-địa"

Nghe cứ rờn rợn như "đất của ba con ma" nào đó vậy. Hóa ra không phải. Tam-ma-địa là một từ, phiên âm từ

tiếng Phạn: Samadhi. Là *chánh định* trong Bát chánh đạo. Nhưng hiểu "đất của ba con ma" cũng hay chứ! Ma *tham*, ma *sân* và ma *si*. Trẻ con thường hát: "Một ông Phật hiện ra - Ba con ma biến mất!". Nơi nào có ông Phật hiện ra thì nơi đó ba con ma phải biến mất. Hay nói cách khác, nơi nào có ba con ma hiện ra thì lập tức có ông Phật xuất hiện. Nếu chẳng có ba con ma Tham, Sân, Si thì Phật hiện ra làm gì cho mất công! Cho nên muốn biết Phật ở đâu thì hãy tìm trong... tham sân si. Tham sân si càng lớn, Phật càng to.

Có thể nhập *chánh định* ngay ở hơi thở đầu tiên được không? Không biết. Nhưng các thiền sư khẳng định là có thể. Phật thường ở trong định. Đi đứng nằm ngồi trong định. Khi cần lắm thì "xuất định" để thuyết giảng chút gì đó, rồi nhập định trở lại ngay. Như như bất động. An nhiên. Tự tại. Nhiều lúc trước khi "thuyết" phải hỏi lại đôi ba lần người ta có tin không. Thuyết xong thấy người ta vẫn ú ớ chưa tin chưa hiểu bèn bảo "chỉ có Phật với Phật mới hiểu nhau thôi". Bởi họ nói ra cái điều thấy biết từ trong định, không phải cái thấy biết của ta. Cho nên có những buổi Phật thuyết mà người ta bỏ đi... gần hết. Phật mặc kệ.

Định dẫn đến Tuệ. Người bình thường như ta đôi khi cũng bừng ngộ, lóe sáng, thức tỉnh một chút, nhưng không lâu, lại đắm chìm, lại tắt ngấm.

Bởi thiếu "Tam ma địa".

"Bố thí thân mạng"

"Buổi sáng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, buổi trưa lại đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, buổi chiều cũng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí...".

Bố thí hơi nhiều đó nhé! Và, thân mạng đâu mà lắm thế? Trong khi ta chỉ có mỗi một tấm thân ngũ uẩn nhẹ hều!

Nhưng chuyện bố thí hằng hà sa số thân mạng sáng trưa chiều tối là có thật. Cứ nhìn vào cơ thể mình thì biết. Cơ thể ta hình thành từ khoảng một trăm ngàn tỷ tế bào. Mỗi tế bào thực chất là một "sinh vật", một "chúng sinh" hẳn hòi, hoạt động có tổ chức, có đầy đủ các chức năng, sắc thọ tưởng hành thức… đàng hoàng chớ chẳng chơi. Và điều kỳ diệu, cứ mỗi giây đồng hồ lại có vô số tế bào được… "bố thí" hay nói khác đi được hủy bỏ để thay thế bằng những tế bào khác, mới hơn, khỏe hơn. Chẳng hạn chỉ riêng hồng cầu, mỗi giây đã có hằng trăm triệu tế bào hồng cầu được hủy diệt và thay thế. Các chất liệu được đưa về "kho chứa" là lá lách để sẵn sàng sử dụng lại, chế tạo các hồng cầu mới. Hệ thống mao mạch - các mạch máu nhỏ li ti dẫn máu đến từng tế bào trong cơ thể, cung cấp oxy và các dưỡng chất để sản xuất năng lượng - nếu nối lại đã có độ dài bằng một vòng quanh trái đất. Mỗi ngày, trái tim nhỏ bé của ta co bóp với một lực mạnh đủ để kéo một đầu máy xe lửa… Cơ thể ta quả một thế giới kỳ diệu, một vũ trụ chưa được khám phá hết. Đừng tìm kiếm đâu xa. Hãy "nương tựa chính mình" là vậy. Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp. Vô thường ở đó, vô ngã ở đó, Niết-bàn địa ngục ở đó…

Bố thí thân mạng nhiều như cát sông Hằng, ngày ba buổi sáng trưa chiều chính là các thời… thiền định của một người tu tập. Trong sâu thẳm của chánh định, sẽ *thấy biết*… không còn có cái thân nào nữa - hay nói khác đi "bố thí" sạch trơn rồi, "buông xả" sạch trơn rồi. Ngã nhân chúng sanh thọ giả dứt sạch rồi. Chẳng phải trong trạng thái vô ngã đó, đã hoàn toàn "bố thí thân mạng" đó sao?

Như vậy phải chăng *"buổi sáng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí…"* không bằng biên chép đọc tụng câu kinh tiếng kệ nhằm nhắc ta rằng đừng có mà ngồi ì ra đó, đừng có mà lo ngày ba thời thiền định dưới gốc cây, quên ăn quên ngủ, bỏ mặc sự đời. Hãy gieo trồng dù chỉ là một hạt giống nhỏ, để đem lại hạnh phúc cho chúng sinh…

Cho nên bố thí thân mạng chẳng phải là bố thí thân mạng nên mới gọi là bố thí thân mạng đó vậy.

"Giải thoát" và "Giải thoát"

Thì ra có hai thứ Giải thoát. Giải thoát và giải thoát tri kiến. Hay nói cách khác, một thứ là giải thoát thân và một thứ là giải thoát tâm.

Vô sanh. Đặt gánh nặng xuống. Phạm hạnh đã tròn. Không trở lại con đường cũ nữa. Vậy là giải thoát. Giải thoát cái gì? Giải thoát sanh tử. "Vô sanh" thì "vô tử" mà. Có sanh đâu mà tử? Có tử đâu mà sanh? Nhưng "sanh tử" này là sanh tử của các pháp. Sanh, trụ, dị, diệt. Nó vậy đó, nó cứ vậy đó, không ngừng. Sanh tử là một. Vô sanh là cắt đứt đường sanh tử. Các bậc vô sanh đều tới cõi này, nhưng sao…?

Phật nói còn thiếu Từ bi. Bởi Phật rồi cũng chết, cũng "Niết-bàn" mà, dù chỉ là một cách "thị hiện" chơi thôi, nhằm để răn dạy người đời thôi.

Cho nên giải thoát sanh tử không phải là không còn chết nữa, mà là chết một cách khác, chết an nhiên, chết tự tại, vì đã sống an nhiên, tự tại.

Nhưng giải thoát sinh tử mới chỉ là giải thoát thân, còn cái tâm mù mịt kia vẫn quấn quít, vẫn dằn vặt khôn nguôi. "Lậu hoặc" vẫn đầy ra đó, phiền não vẫn đầy ra đó. Nên "giải thoát thân" mới chỉ là bước một. Độc cư và thiền định đã có thể đưa đến thứ giải thoát này. Bố thí thân mạng ngàn vạn lần sáng trưa chiều tối có thể đưa đến giải thoát này. Nhưng nó chỉ là một trạm dừng chân, nghỉ qua đêm ở hóa thành.

Do vậy, thiền định (Samadhi) cần mà chưa đủ, phải thiền quán (Vipassana) để có "tri kiến" thật. Nhưng hai thứ đó quấn quít chẳng chịt với nhau, bổ sung cho nhau. "Định" đến mịt mờ cũng chẳng đến đâu, "Quán" đến hí luận cũng chẳng đến đâu. Có người bảo chỉ cần định là đủ, có người bảo chỉ cần quán là đủ. Các triết gia xưa nay vẫn luôn "quán" mọi sự không ngừng đó chứ, nhưng cũng chẳng đến đâu. Còn ôm gốc cây mà mài gạch cho thành gương thì cũng khó! Giải thoát tri kiến thực sự có được phải là cái "tri kiến" Phật. Thứ tri kiến ở đó thức đã chuyển thành trí. Thấy biết Như Lai. "Ngộ" vẫn chưa đủ. Còn phải "nhập" nữa. Khi Lục tổ Huệ Năng "ngộ" rồi thì cũng phải "nhập" mười lăm năm hành tẩu giang hồ mới dám một phen xuống núi: "Gió không động, phướn không động...".

Một đạo hào quang trí tuệ ở giữa chặng lông mày quét một cái cho thấy toàn cục. Nó vậy thì nó vậy. Tánh tướng nó vậy thì sanh vậy trụ vậy dị vậy diệt vậy… Nó Như Thị. Sáu đạo luân hồi đông vui, dìu dặt. Các vị Phật hằng hà sa số giảng pháp… mọi lúc mọi nơi. Như Lai lặng tiếng. Như như bất động. Nhưng vô vàn để vỗ về nhắc nhở.

Ấy là lúc *tri kiến Phật* tỏ bày?

Bồ-tát Di-lặc

Các vị Bồ-tát hình như chẳng ai có một cái tên riêng. Ngoài các vị quá thân quen như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm, Dược Vương… (thực ra là những đức, hạnh), ta còn có vô số các vị mang những cái "tên" rất ngộ nghĩnh: Thường Bất Khinh, Thường Tinh Tấn, Bất Hưu Tức, Vô Tận Ý… nếu dịch ra sẽ là: Luôn Tôn Trọng, Luôn Siêng Năng, Không Ngừng Thở, Người Nhiều Chuyện…! Cho nên ta không lấy làm lạ khi có tới hai vạn vị Phật mang cùng một tên gọi duy nhất Nhật Nguyệt Đăng Minh… làm nhớ *"trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt - rọi suốt trăm năm một cõi đi về…"* (Trịnh Công Sơn).

Dễ thương nhất có lẽ là Bồ-tát Di-lặc. Bồ-tát có cái bụng bự, lúc nào cũng cười toe toét, làm biếng và… hám danh kinh khủng (nên còn có tên là Cầu Danh). Hôm đó giữa hội trường, ông ngơ ngác đứng gãi đầu hỏi hôm nay có gì lạ mà Phật Thích Ca phô trương thanh thế, "đánh trống múa lân" ầm ĩ quá vậy? Bồ-tát Văn Thù mới tủm tỉm cười "dẫn chuyện gần xa": Sẽ có chuyện lạ đó! Chờ xem. Nhớ xưa mỗi lần như vầy thì sẽ có thuyết giảng Diệu pháp Liên hoa đó. Chờ xem. Đừng nóng. Hồi đó tôi cùng tu học với ông, chẳng qua ông biếng nhác, học hoài không thông…

Bụng bự, biếng nhác, hám danh… phải chăng muốn "ám chỉ" chúng ta ngày nay? Ta ngày nay chẳng phải bụng bia, gan nhiễm mỡ, béo phì, bằng cấp giả… đầy đó sao?

Thật ra thì Phật có phô trương thanh thế, có thuyết giảng gì mới lạ đâu. Vô số các vị Phật xưa nay đời đời kiếp kiếp đều nói y một pháp như vậy, có giấu giếm gì đâu, chẳng qua vì không ai muốn nghe, không ai biết nghe thôi. Phật Thích Ca, suốt bốn mươi lăm năm trời phải nói đi nói lại hoài bằng nhiều cách cho nhiều đối tượng khác nhau, để rồi cuối cùng cũng đã khẳng định… "ai bảo Phật có thuyết pháp này nọ là phỉ báng Phật"! Chẳng qua vì "đối tượng" khác nhau nên "mục tiêu" và "phương pháp" cũng phải khác nhau vậy thôi. "Student-centered approach" mà! Lần này trong hội Pháp Hoa, có vẻ Phật Thích Ca hơi bực mình sao đó nên không chỉ nói mà còn bày biện ra, trình diễn, xếp đặt như một cuộc triển lãm, như một phim 3D cho thấy tận mắt. Hãy coi kỹ đây nè. Nó vậy đó. Nó Như Lai. Chẳng có thời gian, chẳng có không gian. Vô lượng thọ. Vô lượng quang. Thực tướng vô tướng… Chuyện khó tin nhưng có thiệt. Một số vị đã rời bỏ hội trường. Kệ, cho đi.

Ông bụng bự, làm biếng, cầu danh… ở lại. Tuyệt vời! Ông hỏi: "Con muốn mau thành Phật. Có cách nào cho mau thành Phật không?". Chưa bao giờ, ở đâu, có một kẻ nôn nóng thành Phật, nôn nóng "vô thượng chánh đẳng chánh giác" như thế. Nhưng Phật đã mỉm cười: Có đó. Dễ lắm. Con nít chơi đất chơi cát… cũng thành Phật được, trẻ con người già, đàn ông đàn bà gì cũng thành Phật được. Bởi ai ai cũng sẵn có hạt giống đó cả rồi. Miễn là phải tưới bón!

Con người hôm nay trên thế giới phẳng, toàn cầu hóa này dù… bụng to, làm biếng, cầu danh, muốn mau thành "chánh quả"… vẫn có thể thành được không khó, miễn là có đủ "tri kiến" Phật và hằng sống "ngộ nhập" với tri kiến đó.

Nhưng, còn thiếu chút gì chăng? Từ Bi. Bồ-tát Di Lặc, Maitreya, Từ Thị… vốn dòng dõi Từ Bi. Ông "thị hiện" chút chơi để dạy ta rằng phải có Từ Bi cái đã. Bởi Từ Bi thì mới Hỷ Xả. Nếu không, sao bụng lại to, sao cười lại rộng? ■

Thế nào cho phải đạo

HOÀNG TÁ THÍCH

Đức Khổng Tử có một người học trò cha mẹ già yếu. Một hôm người nầy làm phiền lòng cha mẹ, bị mẹ mắng và cha đánh. Người học trò nầy biết lỗi, đứng yên cho cha đánh và sau đó đến kể lại với thầy. Khổng Tử nói với người học trò này rằng như vậy là bất hiếu, vì nếu để cha mẹ đã già, mà phải đánh con làm đau tay cha mẹ, là một cái tội.

Một lần khác, người học trò lại mắc sai phạm và lại bị cha đánh. Nghe lời dạy của Thầy, người học trò bỏ chạy không để cha mình phải đau tay. Lại đến trình với Thầy. Đức Khổng Tử bảo như thế lại là quá bất hiếu vì không đánh được con thì cha mẹ giận, nhỡ ông đuổi theo vấp té thì tội bất hiếu lại càng lớn.

Người học trò không biết làm thế nào cho phải, hỏi Thầy. Đức Khổng Tử dạy rằng "Cách duy nhất là cố gắng tránh, không bao giờ làm bất cứ điều gì để cha mẹ phải giận, ấy là hiếu đạo".

Tôi vẫn thường đem câu chuyện kể trên để răn con cái từ lúc chúng còn bé tí. Tuy nhiên dạy con cái là thế, nhưng thật mâu thuẫn, vì chính bản thân mình cũng không thể nào thực hiện được điều đó. Trong quá trình làm con, tuy vẫn cảm thấy mình là có hiếu, nhưng đã biết bao lần chúng ta đã làm cho cha mẹ buồn lòng. Trong đời sống hằng ngày, chuyện làm một điều không đúng mà không ý thức được, đến khi có hậu quả xảy ra, chúng ta lại ân hận, là chuyện rất thường thấy.

Chuyện người học trò của Khổng Tử là tiêu biểu cho thái độ của con cái đối với cha mẹ. Không thể có một người con nào không một lần trong đời làm cha mẹ buồn phiền. Ngày xưa thì không biết thế nào, chứ hiện tại, người ta thường nói ở tuổi vị thành niên, phần nhiều người con nào cũng thấy cha mẹ là sai. Ra đời, chưa lập gia đình, đôi khi thấy cha mẹ cũng có chừng ba phần đúng. Đến khi lập gia đình thấy cha mẹ đúng đến bảy, tám phần cho đến khi có con cái, mới thấy cha mẹ đúng cả mười phần. Lúc đó thì đã muộn mất rồi. Tây phương không thấy có chữ hiếu của con cái đối với cha mẹ, mà chỉ là bổn phận; mà bổn phận thì không phải là hiếu đạo theo tinh thần Á Đông. Làm bổn phận thì dễ, vì bổn phận lúc nào cũng có những quy tắc. Thực hiện được chữ hiếu với cha mẹ khó hơn, vì không cùng.

Khi cha mẹ còn sống, phải cố gắng làm vừa lòng cha mẹ. Để đến khi cha mẹ mất rồi mới thấy mình đã

việc tốt, cũng như không đồng ý với việc làm không đúng của người khác cũng là một việc tốt rồi. Cái nhân quả thực tế nhất là nếu không làm việc gì xấu thì trong lòng không vướng bận, băn khoăn, thân tâm luôn luôn được thảnh thơi an lạc. Có làm một việc càng xấu thì trong lòng chắc chắn lúc nào cũng cảm thấy bất an lo sợ, không biết lúc nào sẽ nhận một quả xấu.

Giá như con người có thể hiểu được thấu đáo và thi hành được hai cụm từ NGAY THẲNG và BIẾT ƠN, thì có lẽ không bị lâm vào những trường hợp khó xử.

Ngay thẳng thì sẽ không nói dối, không gian lận, không tham của kẻ khác. Ngay thẳng thì mới có thể thấy rõ bản thân mình. Thấy được bản thân mình thì nghe người ta khen không kiêu và sẽ biết được điều người khác khen là chân thật hay chỉ để lấy lòng. Biết rõ bản thân mình thì không giận khi người ta chê mình, và có thể nhận thức được người ta chê đúng hay sai. Đúng thì chấp nhận và sai thì cố gắng sửa đổi. Ngay thẳng thì sẽ cân nhắc mọi hành động. Ngay thẳng thì sẽ biết sống tử tế, có thể tránh được làm những điều sai trái.

Biết ơn không chỉ biết ơn cha mẹ hay người nào đó làm điều tốt cho mình, mà còn biết ơn tất cả. Biết ơn trời đất đã cho mình một ngày thật đẹp để thấy hân hoan với cuộc đời. Biết ơn một bản nhạc hay, một bức tranh đẹp. Biết ơn một ly rượu có hương vị tuyệt vời đã cho mình một khẩu vị đậm đà của một bữa cơm ngon. Biết ơn tất cả những gì làm cho mình thoải mái, vui vẻ. Ý thức được hai chữ "biết ơn" thì sẽ có lòng bao dung và dễ tha thứ.

Sống thế nào để không ân hận hay hối tiếc một điều gì mình đã làm, dù ngay cả việc đó không mấy làm cho người khác được hài lòng.

Nói về nhân vật Trương Vô Kỵ trong tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung: Sau khi đánh đuổi quân Nguyên, hòa giải các môn phái võ lâm thì chỉ còn một việc cuối cùng là lên ngôi giáo chủ lãnh đạo Minh giáo. Giáo chủ Minh giáo cũng có nghĩa là ngai vàng của Trung Hoa. Tuy chưa chính thức lên ngôi, nhưng từ bao năm nay thống lĩnh giáo chúng,Vô Kỵ cũng đã là giáo chủ, được sự kính phục của toàn thể quần hùng. Tuy nhiên, người yêu của Vô Kỵ là Triệu Minh vẫn không được giáo chúng chấp nhận, vì nàng là con gái của vua Nguyên; điều đó khiến Vô Kỵ rất khó xử. Một hôm chàng lên núi Võ Đang thăm sư tổ và hỏi phải làm thế nào. Câu trả lời của Trương Tam Phong chính là lời dạy về sự ngay thẳng: "Con có thể quyết định thế nào mà không thẹn với lòng mình là được". ■

không phải với cha mẹ thì nhiều lúc phải ân hận suốt đời.

Ấy là nói đến cái đạo của con cái đối với cha mẹ. Con cái có hiếu, nhưng không phải lúc nào cũng có thể làm mọi điều để vừa lòng cha mẹ. Cha mẹ lúc nào cũng thương con cái, bảo vệ con cái, dù không bằng lòng, nhưng lúc nào cũng bao dung và dễ tha thứ. Nhưng đối với cuộc đời thì không phải như thế.

Không chỉ người Á Đông nói đến nhân quả, mà người Tây phương cũng quan niệm rất rõ ràng về bốn chữ gieo gió gặt bão. Nhân tốt thì quả tốt, nhân xấu thì quả xấu là một điều rất hiển nhiên. Không làm điều xấu cũng có thể gọi là đã làm một

Những suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc đời

CYRIL SIRIROJ
MINH NGUYÊN dịch

Tôi không thể tự túc hoàn toàn, tôi phải cần đến người khác. Tôi không thể sống nếu không có sự giúp đỡ của người khác. Tôi phải sống với người khác và tùy thuộc vào người khác. Sống trong cộng đồng là một trong những nhân tố tạo nên ý nghĩa của cuộc sống. Tình thương yêu và sự đoàn kết làm cho cuộc sống được hoàn thiện hơn. Một ngày làm việc trong văn phòng chỉ có ý nghĩa đối với tôi nếu đến tối tôi được về nhà và được sống với những người tôi thương yêu, tôi quí mến, những người mà đối với tôi, họ quan trọng hơn những người khác.

Tuy nhiên, trong việc sống với mọi người cũng có những rắc rối. Tôi có thể đem đến hạnh phúc và cũng có thể gây khổ đau cho những người chung quanh tôi. Và họ cũng có thể đối xử với tôi tương tự như thế. Tôi có thể có nhiều kỳ vọng đối với những người mà tôi sống chung. Họ có thể không đáp lại những kỳ vọng của tôi và thế là tôi buồn vì thất vọng. Tôi có khuynh hướng bắt chước và hành động giống như những người xung quanh, vì thế mà tôi dần dần đánh mất tính tự chủ và cá tính của mình. Cá tính không còn, rốt cuộc tôi chỉ là một bản sao của những người mà tôi thích hoặc tôi cảm phục.

Tôi có thể sáng tạo hoặc phát minh ra những thứ nhằm nâng cao phẩm chất cuộc sống xung quanh tôi. Tôi cố gắng cải tạo xã hội và thích ứng với môi trường xung quanh. Tôi thích công việc của tôi vì nó giúp cho tôi phát triển và hoàn thiện bản thân. Nhưng mà công việc cũng làm nảy sinh những vấn đề nội tại. Công việc có thể khó khăn, đơn điệu và khiến tôi chán nản; nó có thể trói chặt tôi và làm cho tôi không phát huy được

khả năng của mình. Công việc làm cho tôi mệt mỏi, đau ốm và già nua. Đồng thời nó hủy hoại vẻ đẹp hình thể của tôi.

Ngay cả trong tình yêu giữa nam và nữ, dù cho tha thiết, nồng nàn đến đâu, giữa họ vẫn có thể nảy sinh sự căm ghét, hận thù. Khi tôi thấy đôi bạn trẻ yêu nhau tha thiết, tôi nghĩ là họ sẽ luôn luôn hạnh phúc. Tuy nhiên, sự trải nghiệm cho tôi biết một sự thật phũ phàng rằng có rất nhiều những lời thề non hẹn biển chỉ là lời nói suông.

Tôi nghĩ rằng tôi là người tự do và điều này làm cho tôi phấn chấn. Tôi thật sự hãnh diện về sự tự do ấy. Tuy vậy, khi ngồi lại, suy ngẫm một cách nghiêm túc về sự tự do của tôi và tự hỏi, tôi có thật là được tự do hay không khi tôi vẫn bị lôi kéo, bị điều khiển bởi những đam mê của mình? Và tôi phát hiện rằng tôi đang làm những điều trái với lương tâm của mình, tôi nhận thấy sự tự do mà tôi ca tụng ấy chỉ là ảo tưởng, là sự trá hình.

Tôi hướng đến chân, thiện, mỹ. Tôi muốn những điều này có mặt trong cuộc đời và tồn tại mãi. Tuy nhiên, ngay khi có những thứ tốt đẹp, đầy sức hấp dẫn và độc đáo xuất hiện trong cuộc đời, thì tôi đã biết rằng sẽ có ngày chúng biến mất. Không có thứ gì tồn tại mãi mãi. Tôi cũng không thể sống mãi. Tôi sẽ phải chết và biến mất khỏi thế gian này. Có một thực tế là công việc của tôi không hề thay đổi, tôi có thể tiếp tục tồn tại thông qua những người con của tôi. Còn có một sự thực nữa là những điều thiện mà tôi đã làm sẽ không mất đi. Thế còn đối với tâm thức của tôi thì sao, điều gì sẽ xảy ra đối với nó? Giống như những thứ khác, nó cũng phải biến mất khỏi trái đất này.

Tôi muốn có tình yêu bền vững, một niềm hạnh phúc đích thực. Tôi muốn được an toàn tuyệt đối. Thế nhưng tôi không bao giờ đạt được những điều này. Tuy nhiên, niềm khát vọng luôn chiếm ngự tâm hồn tôi. Trên thực tế, cuộc đời tôi được tạo lập trên những khát khao chưa đạt được. Những khát vọng của tôi thì không cùng tận. Thật ra tôi rất muốn hưởng thụ. Tuy nhiên tôi cũng muốn làm một người tốt. Có đôi khi tôi khước từ một vài thú vui của mình, bởi vì những thứ đó trái ngược với khát vọng muốn trở thành một con người hoàn hảo ở trong tôi. Tôi thích sự thánh thiện hơn là hưởng thụ. Quả thật tôi nhận thấy rằng, tôi không thể chỉ biết có hưởng thụ mà không cần quan tâm đến sự hoàn thiện bản thân, tôi không làm được điều đó. Bởi vì những sự hưởng thụ ấy khiến tôi có mặc cảm tội lỗi. Điều này có ý nghĩa gì? Phải chăng điều này chứng tỏ là tôi còn có lương tâm? Lương tâm ở đây là gì? Nó từ đâu đến? Và phải chăng đấy là tiếng nói thật tự đáy lòng mình?

Tại sao những em bé vô tội lại phải chịu đau khổ? Tại sao những người lương thiện lại bị hành hạ? Tại sao những kẻ bất nhân vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật? Tôi không tìm thấy câu trả lời nào thỏa đáng cho những nghi vấn này.

Khi tôi suy ngẫm về cuộc sống và tự hỏi, đời sống này có ý nghĩa gì hay không, tôi không tìm thấy câu trả lời nào đích xác cho những câu hỏi của tôi. Nhưng những suy ngẫm ấy cũng giúp tôi ý thức rõ ràng hơn về sự phức tạp của cuộc đời, cả sự mâu thuẫn và vô lý của nó nữa. Chúng còn cho tôi biết cuộc đời này vốn rất giàu tiềm năng. Tôi cảm thấy bối rối, lúng túng và tôi bắt đầu tự nhìn lại mình. Đây là một việc cần làm. Tôi phải tiếp tục tự nhìn lại mình, đặt câu hỏi, điều đó sẽ dần dần giúp tôi nhận ra được những bí ẩn của cuộc đời và giúp tôi có khả năng làm cho đời sống của mình ngày càng có ý nghĩa hơn.

Trích từ *Ethics, Towards a richer life* ■

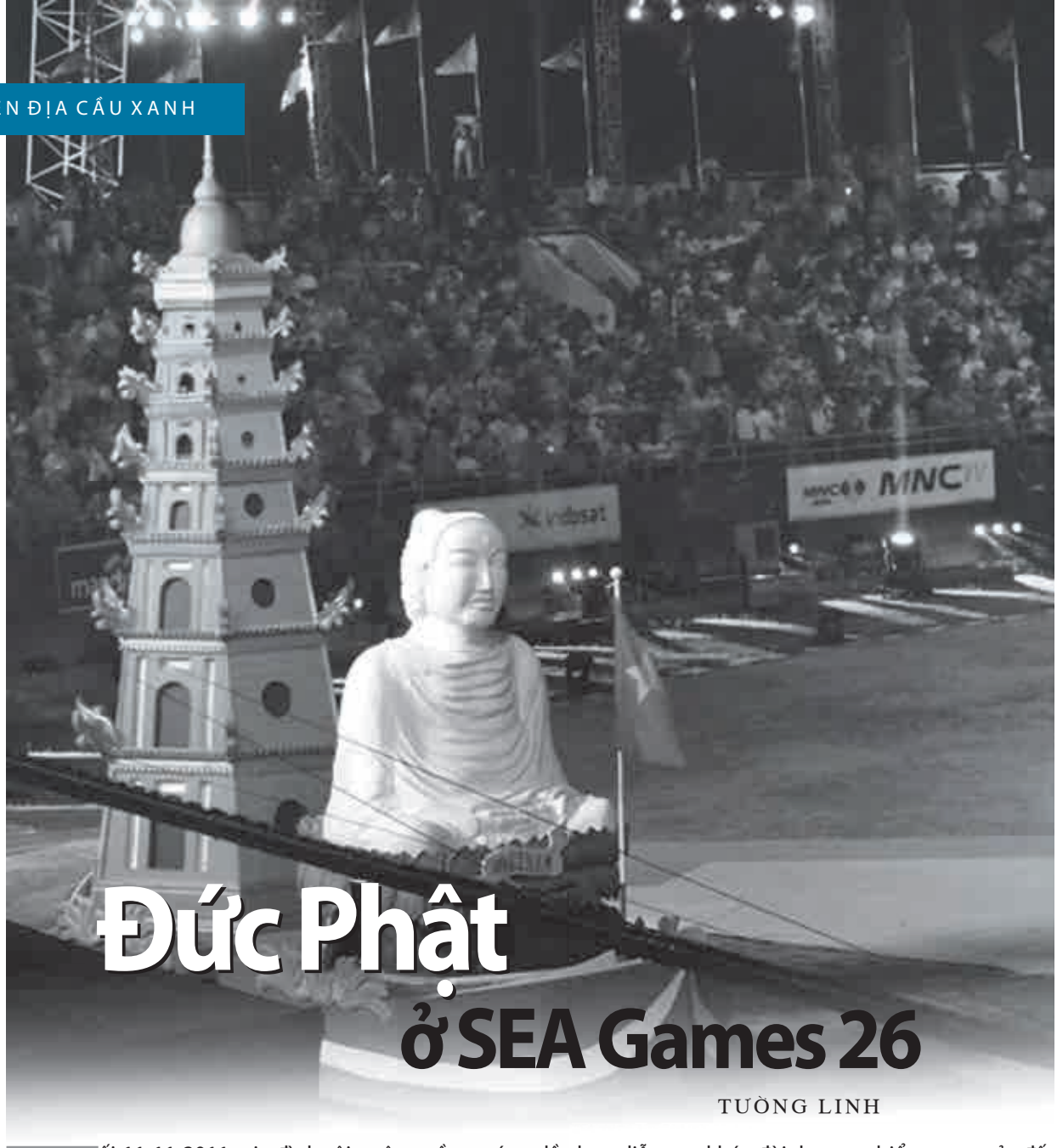

Đức Phật ở SEA Games 26

TƯỜNG LINH

Tối 11-11-2011, gia đình tôi quây quần trước chiếc máy vô tuyến truyền hình để đón xem chương trình khai mạc Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 26 (SEA Games 26).

Tất nhiên, mọi chương trình khai mạc các đại hội thể thao quốc tế hay khu vực đều mang dấu ấn của nước chủ nhà, và chương trình SEA Games 26 hôm ấy đã thể hiện rõ nét đặc trưng của văn minh Indonesia với điểm nhấn là để giới thiệu thành phố Palembang trên đảo Sumatra, vốn là cố đô của vương triều Sriwijaya được biết từng có một thời huy hoàng từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ thứ XIII, một vương triều đã có nhiều cố gắng phát triển đạo Phật trong vùng Đông Nam Á.

Nhưng điều bất ngờ nhất và gây xúc động mạnh nhất đến với gia đình tôi, mà tôi nghĩ rằng cũng đến với hầu hết khán giả Phật tử người Việt, là ở trường đoạn diễu hành của các đoàn vận động viên trong khu vực. Từng đoàn vận động viên của mười một quốc gia lần lượt diễu qua khán đài theo sau biểu tượng của đất nước mình. Cảm xúc đã dâng trào không thể nào tả được khi thấy biểu tượng của Việt Nam là tượng Phật ngồi kiết già trên tòa sen ngay trước mô hình tháp Phước Duyên chùa Thiên Mụ Huế. Có phải thật là hạnh phúc, và là niềm vinh hạnh, cho tất cả những người con Phật ở Việt Nam ta?

Diễu qua khán đài trước đoàn Việt Nam là đoàn Thái Lan. Để giới thiệu đoàn Thái Lan, người dẫn chương trình đã nhắc tới trận lụt kinh hoàng còn đang uy hiếp thủ đô Bangkok bằng những lời thuyết trình mang nặng chất tự sự đầy biểu cảm, khiến người nghe lắng lòng lo âu cho những mảnh đời đang trong cảnh 'nghìn cân treo sợi tóc', mà cũng là lo sợ cho một ngày mai nào đó, biết đâu chính mình cũng là nạn nhân của thảm cảnh thiên tai? Giữa cái cảm xúc chênh vênh ấy, khi thấy thấp thoáng tôn tượng Đức Phật trên xe hoa của đoàn Việt Nam hiện ra, lòng tôi chừng ấm lại, và những lượn sóng cảm xúc bất ổn dường dịu nhẹ.

Hẳn là cả loài người đều biết đạo Phật là đạo của tình thương, Phật giáo là tôn giáo cổ vũ hòa bình. Như vậy, hình ảnh Đức Phật xuất hiện cùng với đoàn vận động viên Việt Nam trong lễ khai mạc SEA Games 26 vừa như một lời chia sẻ và một sự thể hiện lòng yêu thương đồng cảm của đoàn thể thao Việt Nam trước những đau thương mất mát của nhân dân Thái Lan, vừa như một lời nhắc nhở đến chẳng những các vận động viên có mặt trong đại hội thể thao mà là toàn thể nhân dân của mười một quốc gia trong tổ chức ASEAN, hãy gác lại những tranh giành thắng bại mà chỉ đến với SEA Games trong tình thân hữu. Trong cái vô thường của cuộc đời, thắng hay thua cũng chỉ thoảng qua, nhưng tình thân hữu giữa nhân dân các nước có thể tồn tại dài lâu hơn để mang lại an lạc và hạnh phúc trong khu vực, đóng góp vào an lạc và hạnh phúc cho cả loài người.

Hình ảnh thanh thoát của pho tượng Phật, cùng nụ cười mỉm của Ngài, với tôi, như để nhắc nhở loài người chúng ta rằng thế giới hiện nay đang lắm điên đảo vì vọng tưởng, lắm khổ đau vì những tham vọng điên cuồng của loài người, lắm bất hạnh vì những khao khát tiêu thụ mà không biết chỗ dừng; vì không có được tinh thần biết đủ và ít ham muốn, cho nên con người với con người có lúc đối xử với nhau như thú dữ, con người cũng đã đối xử với thiên nhiên và các chúng sanh khác trong môi trường sống của mình bằng sự tàn bạo. Ánh mắt khoan hòa ấy và nụ cười mỉm ấy như khuyên nhủ chúng ta rằng hãy tỏ ra bao dung với nhau như các đoàn vận động viên đến từ những nền văn hóa khác nhau đang hiện diện nơi đây sẽ cùng nhau tranh tài trong tinh thần thể thao để kết chặt tình thân ái giữa các dân tộc; từ đó, từng bước nhận thức được cần phải bớt vọng tưởng, giảm đi những tham vọng điên cuồng, tự làm dịu cơn khát tiêu thụ để biết đối xử với nhau bằng lòng từ bi, biết đối xử với thiên nhiên bằng sự biết ơn, không vội vã khai thác đến cạn kiệt.

Và chính vì vậy, sự hiện diện của Ngài giữa đại hội thể thao trong vùng Đông Nam Á đã gián tiếp làm vang lên lời nguyện cầu của người Việt Nam, cầu cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc, cầu cho lòng người sớm hướng về lẽ thiện.

Bỗng nhiên, tôi cảm thấy tự hào về dân tộc tôi, về đất nước tôi. Một dân tộc có vài ngàn năm lịch sử trong đó có hai ngàn năm theo Phật. Một đất nước tang thương vì chiến tranh suốt mấy chục năm. Nhưng mạng mạch Phật giáo nơi người Việt Nam vẫn được tiếp nối. Và ngày nay, tinh thần Phật giáo chính thức được phục hồi, được công nhận, được thể hiện là biểu tượng của văn hóa Việt để giới thiệu với toàn thể bạn bè quốc tế.

Bỗng nhiên tôi tin rằng mặc dù còn nhiều điều phải chấn chỉnh, nhưng Phật giáo Việt Nam sẽ đem lại cho đất nước chúng ta những điều kỳ diệu, để người Việt Nam tiếp tục vươn lên gìn giữ những di sản của tổ tiên bao đời, đóng góp vào cho kho tàng văn minh nhân loại những giá trị đặc sắc của một dân tộc đã từng có hai ngàn năm theo Phật. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO *VHPG* NĂM 2011

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2011, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam : 100 cuốn/kỳ
Một độc giả : 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Chẩm, Vina Giầy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 37 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
ĐĐ. Thích Thiện Minh : 20 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan : 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng, CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Thái Quang Hy : 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyên Hòa : 4 cuốn/kỳ
Chú Tiến, TP. HCM : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyến, CT TNHH Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 5 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT TNHH SXTM **Nến Hạnh Phúc**, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngành : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Bà Đặng Nguyên Phương : 1 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7 : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
Cô Hồ Thị Phương : 1 cuốn/kỳ
Ô. Cao Dũng, Đà Lạt : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **613 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: ***Tòa soạn***, *Phòng Phát hành VHPG*: **(08) 3 8484 335**.
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập

Ngôi chùa ở thế đất đầu rồng

Bài & ảnh: PHẠM THANH TÙNG

Thỉnh thoảng tôi vẫn về quê nhưng chỉ chừng hai năm nay tôi không tới chùa Thanh Hương ở làng Lê Xá, xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, một ngôi chùa nhỏ làng bên. Trở lại đó, tôi ngạc nhiên khi thấy cây si nhỏ cạnh chùa đã vươn cành xòa lá, rễ buông um tùm, tỏa bóng mát, có dáng dấp một cổ thụ. Ngôi đình làng kề bên, sau vài chục năm bị quên lãng cũng được dân làng góp công góp của tu sửa khá khang trang và hợp với nếp kiến trúc xưa, dù không bằng vật liệu cổ truyền; nhưng ngôi chùa thì vẫn nhỏ nhoi, chắp vá với tượng trơ sứt mẻ...

Những lớp sương mù huyền hoặc

Lúc tôi học cấp một, mà nay gọi là tiểu học, thì chúng tôi được học ở cạnh chùa làng. Thời ấy, đình chùa thường được tận dụng cho nhiều hoạt động xã hội, trong đó có việc lấy làm trường học. Sau khi học xong lớp vỡ lòng thì chúng tôi được chuyển sang học ở địa điểm chính của trường xã. Khi đi học sớm, chưa vào lớp hoặc trong giờ ra chơi, chúng tôi hay tới cuối trường đùa nghịch. Qua khỏi dãy nhà tập thể của giáo viên là một khu vườn nhỏ mùa nào rau ấy do các thầy cô giáo tự trồng trọt để cải thiện bữa ăn trong thời buổi bao cấp khó khăn, rồi tới khu vệ sinh của toàn trường. Và... cách đó không xa là một ngôi nhà ba gian nhỏ bé, mái dốc lợp ngói mũi rêu bám xanh rì, kiểu *thu hồi bít đốc*, hậu cung để gạch trần già đanh đầy vẻ cũ kỹ, tàn tạ mà dân thường gọi là chùa làng Lê đứng chơ vơ giữa khu đất trống trải. Phía trước là những rặng cây xoan đào, cây nhãn; một bên là giếng tròn nho nhỏ mà dân làng thường ra gánh nước về dùng, bên kia; phía sau cách một quãng là gốc đa già nua trơ trọi bên tảng đá vuông thành sắc cạnh khá lớn, rồi mới đến làng mạc và cánh đồng rộng lớn. Ở đó, lũ học trò ranh chúng tôi có thể thấy những cánh hoa xoan đào li ti, mỏng manh, màu tím nhạt bay bay xoay xoay trong gió bấc, mưa phùn tiết xuân; thấy lúa xanh rờn màu mong đợi giữa loang loáng nước khắp cánh đồng; và nhớ nhất là những buổi trưa hè, đứng trước cửa tòa nhà, thò cổ nhìn vào cõi mờ mờ ảo ảo bên trong, để tránh cái nóng như nung của sân trường thưa thớt, còi cọc bóng cây xanh. Người dân quanh đó và học trò thôn Lê Xá vẫn bảo đấy là chùa của làng họ.

Trong đầu đứa nhóc lúc bấy giờ mới bảy tám tuổi, chưa ra khỏi làng nhiều như tôi, thì chùa đẹp đẽ và to lớn ít ra cũng phải là chùa Đó làng mình (lúc ấy tôi cũng

chưa biết tên chữ của chùa làng mình là Thanh Quang tự) hoặc đền La Vân ở làng bên (dân quanh vùng quen gọi là đền nhưng thực ra là chùa, phía trước thờ Phật, phía sau thờ Đức Lý triều Quốc sư Nguyễn Minh Không mà dân hay gọi là Đức Thánh Khổng), chứ chùa Lê bé tí tẹo, chỉ có ba gian nhà nhỏ với tòa hậu cung được quen gọi là gian ống muống, thì có gì đáng kể.

Thế mà cậu bạn học cùng lớp cãi hăng: "Chùa làng Lê là chùa Thanh Hương, ngày trước to lắm. Ông tao bảo ngày xưa chùa được xây đến tận kho Lê, sau này bị phá đi!". Cứ theo lời họ thì chùa làng Lê Xá xưa quy mô rộng lớn lắm, vì từ vị trí lúc ấy ra tới kho Lê ở cuối làng phải hơn 500 mét. Tôi không dám cãi vì điều đó được nhiều bạn học trong trường xác nhận, lại còn viện dẫn cả những ông, những bà phơ phơ tóc bạc truyền lại; nhưng tôi cứ nghi: làng thì bé tẹo, lấy đâu mà chùa to, điện lớn thế!? Tôi vẫn nhớ mấy người ở quanh chùa còn thì thào kể về một con rắn rất to, mào đỏ lự, thoắt ẩn thoắt hiện, không phải ai cũng nhìn được, thường ngụ trong chùa. Có người còn khẳng định là mới thấy một ông lão có hơi men vào khu đình chùa không giữ lễ, đã bị con rắn to có mào ấy đuổi cho chạy tơi tả. Ngôi chùa nhỏ thường đóng cửa im ỉm, chỉ mở rộng cửa cho ánh sáng tràn vào trong những ngày rằm, mồng một nhưng cũng vẫn mờ mờ ảo ảo, xa xôi, lại được bao phủ thêm lớp sương mù huyền hoặc về rắn thần càng làm trở thành nơi kỳ bí, có phần khiến đứa trẻ chưa đầy mười tuổi, là tôi, sợ sệt; nhất là chùa làng nó lại không có chuyện... rắn thần.

Thế đất đầu rồng và ngôi chùa chắp vá

Về quê hồi gần Tết năm ngoái, có thời gian rộng rãi, tôi mới đến thăm một số di tích cổ kính ở các làng lân cận và gặp lại chùa Lê Xá. Hóa ra, tòa nhà nhỏ nhắn, rêu phong mà dân làng quen gọi là chùa ấy lại là đình làng. Tôi không còn tìm lại được dấu vết ngôi nhà cổ kính ba gian hình chữ Đinh bị phủ lấp dưới đám dương xỉ ngày xưa mà chỉ thấy một tòa nhà xa lạ, mới bóng với mặt tiền bê tông cốt thép hơi nặng nề, cột hàng hiên trắng lốp, tường được quét sơn vàng lóa, đầu đao đầy tượng rồng phượng cố nhoi lên bay bổng ở bốn góc. Trái với cảnh cửa đóng then cài im ỉm đầy bí ẩn trước đây, giờ đây tôi có thể bước vào bên trong ngôi đình, mùi sơn sực dậy, màu sơn dưới ánh điện loáng lên, thấy nào ngai thờ, đồ tế khí, tế tượng được dân làng sơn thếp lại và sắm sửa mới. Cụm di tích cũng được xây tường bao quanh và làm một cái cổng mới bằng bê tông cốt thép, cửa sắt chắc chắn, ban đêm điện thắp sáng trưng, cùng với một số gốc si, gốc đa, cây bồ đề... mới được trồng trong khuôn viên. Phía trước cửa đình, cách một cái sân hẹp là ngôi miếu nhỏ, mới được dựng lại chừng vài năm để thờ Mẫu, mà trước năm 1945 dân gian thường gọi là miếu bà Vú Sữa, có tiếng linh thiêng.

Bấy giờ tôi mới để ý; ở bên cạnh, quay mặt vào sân đình là một căn nhà nhỏ mới xây theo kiểu nhà ở của dân, cũng có ba gian tiền đường nối với gian ống muống thành hình chữ đinh, mái lợp ngói Tây và ngói xi măng, khá chật chội, đơn giản tới mức tuềnh toàng và không ăn nhập lắm với kiến trúc cổ truyền của chùa miền Bắc. Đó chính là Thanh Hương tự hiện giờ của đất Lê Xá. Chiều tối 30 Tết, một số người lớn tuổi lúi húi lau rửa lại bát hương và bàn thờ trên đình, quét dọn sân chùa, châm đèn trước điện Phật. Bà vãi già răng đen nhức, vấn khăn nâu, mắt hấp háy, bảo: "Chùa và miếu bị phá tan hoang mấy chục năm nay rồi cháu ạ, các cụ phải gom tượng về thờ nhờ ở đình. Làng cũng nghèo, mãi gần đây mới làm được mấy nếp nhà để có chỗ thờ Phật đấy!". Đẩy cửa, rẽ mành tre bước vào là chạm ngay gian chánh điện ở giữa. Gian bên thờ Mẫu, còn gian bên kia là tượng Đức Thánh tăng Dương Không Lộ đội mũ Tỳ-lư nhỏ bé ngồi, cụt cả hai tay lẫn chân, bên cạnh là tượng của Tiêu Diện đại sĩ, tượng ông Ác mà dân làng hay gọi là ông mặt xanh nanh vàng, cũng trơ cả hai tay (có lẽ một tay cầm dùi đồng như tượng còn nguyên vẹn ở những chùa khác), một chân gãy nát phải kê bằng mấy viên gạch; còn tượng Hộ Pháp đại sĩ, tượng ông Thiện, thì đi đâu mất. Cả hai pho tượng đều loang lổ sơn nhưng vẫn giữ được màu dân tộc. Mắt tôi đã rơm rớm lệ khi chạm thấy cảnh này trong buổi chiều muộn 30 Tết khi cửa thiền bặt vắng chỉ có thoang thoảng hương trầm. Chánh điện chất đầy các pho tượng đủ loại. Bắt đầu là tòa Cửu Long với tượng Thích Ca đản sinh trùm khăn nhiễu, rồi Kim Đồng, Ngọc Nữ, bên cạnh là tượng một thiếu niên anh tuấn có khuôn mặt hiền từ, trong bộ giáp trụ mà tôi không rõ là Hộ pháp Kim cương hay Vi Đà tướng quân (vì chùa miền Bắc thường thờ đôi tượng Hộ Pháp kim cương ở hai gian kề Tam bảo, dân thường gọi là ông Thiện, ông Ác; chứ hiếm hoặc không thấy tượng Vi Đà tướng quân); bậc kế tiếp là tượng mấy vị thần tiên của Đạo giáo mặc áo triều phục, đội mũ triều thiên, tay cầm hốt, hoặc sổ sinh sổ tử: Nam Tào, Bắc Đẩu. Pho tượng Đại Sĩ với mặt đen sì, thường được hiểu là người hầu cận Đức Thánh Tăng trong bộ giáp trụ và điệu bộ dữ tợn lại đứng chen ở đây, lẫn vào tượng Quan Âm tọa sơn, Quan Âm tống tử (Quan Âm Thị Kính) và Ngọc hoàng Thượng đế của Đạo giáo. Lớp trên cùng, sát nóc chùa là 3 pho tượng Tam thế Phật mà hồi nhỏ tôi thường được nghe các cụ già trong làng vui chuyện kể đó là ba ông Bụt ốc, ngồi tu lâu quá, ốc bò cả lên đầu mà không biết. Đi không ít chùa miền Bắc,

tôi thấy rằng, không chỉ chùa Thanh Hương mà ở phần lớn các chùa khác, đã trải qua kiếp nạn bị đập phá, di dời nếu không hao hụt, mất gần hết tượng Phật thì những tượng còn lại cũng bị đặt thờ rất lộn xộn, tùy hứng (dường như chỉ duy nhất là tượng Tam thế được đặt đúng vị trí). Điều này cũng không có gì khó hiểu vì trải qua 50 – 60 năm, chùa bị phá hoặc bị trưng dụng làm phòng họp, lớp học, nhà kho hợp tác xã; Tăng Ni tan tác. Hương khói chỉ do mấy cụ già trong làng trông nom. Nhưng điều mừng nhất là các pho tượng bằng gỗ mít, đất luyện chen chúc trong chánh điện vẫn còn giữ được nếp xưa; dù nét sơn son thếp vàng có phần phai nhạt thì những nếp áo nâu, áo đen vẫn như bay như lượn và gương mặt với màu sơn trắng mịn, hồng hào vẫn ngời lên, "sáng bừng" lên "màu dân tộc"; khác hẳn với những pho tượng vàng chóe, đỏ rực, mặt sơn bệt bạt như rất nhiều chùa miền Bắc từ nổi tiếng tới vô danh được trùng tu gần đây. Đó cũng là điều khiến tôi cảm động, bởi nếu chùa làng Lê nhỏ tí tuềnh toàng như trước đây tôi vẫn nghĩ, thì làm sao có được những pho tượng đẹp hồn hậu đến vậy; có thể nói còn đẹp hơn rất nhiều so với nhiều chùa mang danh là lớn trong vùng mới được trùng tu, cung tiến hàng loạt tượng mới rừng rực màu sắc nhưng ngô nghê và thô vụng về đường nét. Mặt khác, tôi lại rất lo lắng, vì chùa chiền trống trải thế này, liệu có giữ nổi tượng, nhất là khi nơi nơi mất trộm tượng và phong trào trùng tu chùa, tô tượng đúc chuông ở ba bề bốn bên ào ạt tràn về?!

Trò chuyện với cụ Nguyễn Quang Sáng - thầy giáo cũ và cũng là cụ họ đằng ngoại của tôi, nay đã nghỉ hưu, nối nghiệp nhà làm nghề thuốc Đông y gia truyền, cụ bảo:

"Cùng với đình làng và miếu bà Vú Sữa, chùa Thanh Hương là một trong ba di tích thiêng liêng, quan trọng của làng Lê, quây quần bên nhau trên đống Đầu Rồng. Ngày trước khu vực ấy rộng lắm, thiêng lắm.

"Ngày xưa có một địa danh gọi là vùng Mè, đó chính là khu đảo Cò, vùng đầm lớn nay có nhiều cò vạc về trú ngụ. Đây chính là khúc uốn của sông Luộc khi bị vỡ đê, thuộc các xã Chi Lăng Nam, Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; chỉ cách chùa Thanh Hương chừng 20 cây số đường chim bay. Sông Luộc là con sông lớn nối sông Hồng với sông Thái Bình, xưa là tuyến đường thủy chính để thương thuyền quốc tế vào phố Hiến buôn bán từ thế kỷ 16 đến 18. Trên địa phận Thái Bình, con sông Luộc có một bến gọi là bến Hiệp vốn là một cảng sông, trước năm 1945, người Hoa nắm đầu mối buôn bán thóc gạo ở đấy.

"Các cụ truyền rằng đàn rồng đất ở vùng Mè, gồm rồng mẹ và rồng con, bị ông tổ nghề địa lý nước Nam là thánh Tả Ao đuổi, phải chạy về Trại Vàng, rồi vượt sông Luộc sang tỉnh Thái Bình đến bến Hiệp. Mẹ con rồng chạy tiếp 5 cây số thì nổi lên ở đống con Quạ; rồng mẹ thì chạy về làng Rồng nổi lên thành gò; rồng con thì chạy về đầu làng Lê Xá, nhô đầu lên thở thành đống Đầu Rồng. Không rõ tự bao giờ, đã có đình, miếu và chùa làng tọa lạc ở đây, dưới tán những cây cổ thụ.

"Quanh bến Hiệp có làng của cụ Hoàng giáp Đào Nguyên Phổ, một trong những người sáng lập Trường Đông Kinh Nghĩa Thục hồi đầu thế kỷ 20; bờ bên kia là quê mẹ của Thiền sư Dương Không Lộ và là đất phát tích của họ Khúc với Tiết độ sứ Khúc Thừa Dụ là người đã đặt nền móng độc lập cho dân tộc ta sau gần ngàn năm Bắc thuộc.

"Ở đống con Quạ đã từng có một ông chánh tổng đặt mộ, sau bị dời đi san thành sân vận động huyện. Làng Rồng ở Nam Đài-Quỳnh Bảo có gò đất nơi dân chúng lập miễu Thóc bảo rằng đó là chỗ có hàm rồng và miễu Rồng là nơi có đầu rồng, chầu sang các gò Lân, Quy, Phượng ở các làng bên là quê hương cha con tiến sĩ Đoàn Nguyễn Thục, Đoàn Nguyễn Tuấn, nơi đại thi hào Nguyễn Du ở rể họ Đoàn 10 năm.

"Như vậy, khu đình miếu là Lê Xá chính là nằm ở đất đầu rồng. Sau năm 1945, cả chùa Thanh Hương lẫn miếu bà Vú Sữa bị san thành bình địa. Khi chính quyền địa phương lấy đất trống xây trường, lúc đào móng, người ta còn phát hiện một con ngựa sắt cỡ bằng con chó lớn đã bị han rỉ, tương truyền là do người Tàu yểm để phá long mạch khiến làng Lê mất đất đế vương...".

Hóa ra, việc khăng khăng khoe "ngày xưa đình, chùa làng tao to lắm, rộng lắm" của mấy người bạn học làng Lê Xá thuở nhỏ cũng có nguồn cội. Và điều ấy đã mở ra cả một câu chuyện kỳ thú, phảng phất sự huyền bí mà thấm đẫm lịch sử chốn quê, để những năm gần đây, dân làng cùng góp sức sửa lại mái đình, xây dựng lại miếu thờ mẫu và cửa chiền để tìm về nương tựa những ngày tư ngày Tết. ■

Viết cho một cô gái, là chị

MẪU ĐƠN

Lần đầu tiên nghe người ta gọi chị là một con ca-ve, tôi sững người. Tôi gần như là một đứa em gái, đã chứng kiến sự trưởng thành đầy chông gai của chị, thật sự chua xót khi thấy chị bị khinh khi. Tôi nghe rõ tiếng chị đanh đá cãi lại kẻ vừa mắng chị, chị bảo hắn không có quyền gì mà nói chị như vậy! Chị và hắn cãi nhau kịch liệt.

Đứng bên cửa sổ nghe người ta chửi chị mà tôi thấy thương chị lạ. Cuộc đời sao mà lắm chua cay. Thằng con chị đứng bần thần bên mẹ mà chẳng biết phải làm gì. Nó còn nhỏ quá. Da nó đen nhẻm với vẻ ngơ ngác, nhưng đôi mắt vẫn ánh lên một cái nhìn lanh lợi.

Ngày tôi còn nhỏ, chị hay qua chơi nhà tôi. Lúc ấy chị chưa như bây giờ, tóc vẫn còn đen và làn da vẫn còn rám nắng, có cái vẻ nhỏ bé yếu đuối của một đứa con gái mới lớn cần được người khác che chở. Ngày ấy chị đẹp lắm; mới mười sáu tuổi mà đã có người yêu chị tha thiết. Chị đã bị biết bao đòn roi từ mẹ mình vì 'được' những người con trai chòng ghẹo. Chị không có cha, hay nói đúng hơn là có nhưng cha chị ở một nơi nào xa lắm; chị sống với mẹ trong căn nhà nhỏ với một đứa em gái cùng mẹ khác cha. Và ba người đàn bà lục đục sống với nhau trong căn nhà đó.

Chị quí mẹ tôi, bởi mẹ tôi luôn là người an ủi chị

những lúc chị bị mẹ đánh hay bị đem ra làm trò chọc ghẹo của người khác. Ngày ấy chị còn ngây thơ, vẫn hồn nhiên tin vào tình yêu vĩnh cửu và một gia đình toàn vẹn. Chị không đi học, nhưng chị cũng đủ biết những gì là cần của một người con gái mười tám tuổi. Lúc ấy tôi thấy chị yếu đuối biết bao.

Nhưng ở cái tuổi ấy chị đã có con, là thằng con chị bây giờ, với một người con trai trên bản làng nào xa lắm. Tôi cứ mường tượng người đó qua thằng nhỏ con chị bây giờ, một con người rắn rỏi có cặp mắt to tròn và lanh lợi. Lần đầu tiên của chị, chị đã khóc với mẹ tôi trong một buổi tối nào đấy mà lúc đó tôi đang xem một quyển truyện. Chuyện chị khóc là điều bình thường đối với tôi nhưng… hôm ấy tôi thấy ở chị có một nỗi đau nào đấy, mất mát vô cùng!

Tôi nghe từ những nơi xa nào đó tiếng núi rừng với những cơn gió đến đau thắt trong tiếng khóc nghẹn ngào của chị. Với tôi, chị chẳng bao giờ là một người đàn bà buông tuồng lẳng lơ; với tôi, chị là một con người đáng thương hơn đáng giận. Chị đánh đổi đời mình để lấy một sự yêu thương mà chị ngộ nhận, chị đã bị lừa dối. Cuộc đời đã mang chị đi vào một miền đất khác quá sớm. Tôi buồn.

Tôi buồn vì không còn thấy chị qua nhà tôi vào những buổi tối; có lẽ chị đã đủ lớn, đã trưởng thành, hay có lẽ chị sợ quá khứ; chị sợ ánh mắt tôi làm chị dậy lên bao nỗi niềm một thuở. Rồi chị đi. Qua những lời kể của mẹ tôi, những lời bàn ra tán vào về chị, tôi biết chị đi đâu và làm gì; tôi biết chị cô đơn đến như thế nào với những lần phá thai trong bệnh viện. Tôi biết qua những lần chị khóc.

Theo những cơn mê dài, chị cũng quay trở về xóm nhỏ, đẹp đẽ hơn và rành đời hơn! Chị mang về cái xóm nghèo của tôi chút xa xỉ cùng những bộ đồ đắt tiền mà chị diện, chiếc xe mà chị đi, mái tóc mà chị đã làm rối tung lên đủ kiểu. Phấn son làm chị càng đẹp hơn lúc trước, duy chỉ có ánh mắt đôi lúc còn đầy nước và cái nhìn rất xa xôi.

Và trong thời gian chị quay về với xóm nhỏ, chẳng bao giờ tôi thấy chị qua gặp mẹ tôi. Bởi lúc mẹ tôi rảnh vào buổi tối thì chị không có ở nhà; vả lại, chị cũng phải dành thời gian cho đứa con của mình. Sáng sáng, tôi thường thấy chị ngủ mê man; và sau những cơn mê ấy, chị lại bần thần bên thằng bé.

Mùa này cũng sẽ có gió. Tôi đã lớn và chị thì không còn gần gũi trò chuyện với tôi như trước. Có lẽ chị sợ tôi khinh chị. Hẳn là chị cũng hổ thẹn với công việc chị đang làm. Chị có thể đanh đá với người khác, lên mặt dạy đời, thậm chí có cả những hành vi sai trái. Nhưng có lẽ chị nghĩ sẽ không bao giờ chị có thái độ như vậy đối với tôi; bởi tôi là đứa nhỏ ngày nào vẫn bên mẹ nghe chị nói từng lời đau khổ, bởi cuộc sống chen ngang vào cái tuổi thơ vồ vập của chị. Trong mắt tôi, vẫn có chị như những ngày xưa, những ngày chị còn tung tăng chạy qua nhà tôi; cùng với tôi chơi những trò trẻ con và những món đồ chơi tầm thường, hát với tôi những bài đồng dao.

Vậy nên, điều có thể làm tôi bật khóc là chị bị ai đó nói thẳng vào mặt chị cái nghề chị làm với sự khinh bỉ; bởi tuổi thơ chị chưa một lần được cho những món quà chị thích, chưa một lần chị được bàn tay cha mẹ chăm nom; chị như một cánh chim non bị đẩy ra khỏi tổ khi chưa được mớm mồi.

Tôi lại nghe nói chị sắp lấy chồng. Ở cái tuổi hai tư, chị lấy một người đàn ông bốn mươi vừa bỏ vợ, chị sắp phải đi xuống miền Tây. Lần đầu tiên đi lấy chồng, chị mang theo thằng con của một thời vụng dại, chị mang theo cả những ký ức buồn bã.

Và rồi cũng từ rất lâu, chị lại qua gặp mẹ tôi. Trong cái vắng lặng của đêm cuối cùng chị còn ở nơi đây, tôi lại nghe thấy một tiếng khóc nào đó nhưng là một tiếng khóc mang lại yên lành. Nhìn vào cái dáng vẻ yêu kiều của chị đi vào bóng tối, tôi thực sự mong chị bình an. ■

Khoảng lặng của trái tim…

HOA SẦU ĐÔNG

Câu chuyện ấy, tôi còn nhớ cách đây hơn một tháng, gần thôi, và cảm giác về nó vẫn còn vẹn nguyên trong tâm trí tôi cho đến tận bây giờ. Có lẽ tôi cũng sẽ quên, hoặc cho nó nằm yên trong một góc trái tim, như những dòng cảm xúc dâng trào rồi lắng xuống đã bao lần đi qua cuộc đời tôi. Nhưng dường như tôi không thể quên nó, thậm chí không thể để nó lắng xuống. Đơn giản, vì tôi luôn gặp nó. Bất cứ nơi đâu trên đất nước này, trái đất này, những nơi tôi đã đi qua, đang đi tới, tôi đều thấy nó hiển hiện. Và, khi dừng chân sau một chặng đường dài gần như hết đất nước, đặt bước chân xuống đất, đứng lặng một mình giữa không gian mênh mông, tâm hồn hoàn toàn thư thái, tôi lại thấy nó trở về, từ một chốn bình yên…

* * *

Hôm vừa rồi, trong một lần gặp gỡ một người bạn cũ, thấy cậu ta cứ dán mắt vào tờ báo mới mua, tôi đã rất bực tức. Bạn bè lâu ngày gặp nhau, cho dù tờ báo có hay đến mấy cũng nên gác lại để ngồi hàn huyên. Hơn nữa, thời gian tôi gặp cậu ta cũng không được nhiều, chỉ một chốc lát rồi tôi lại phải lên xe để tiếp tục cuộc hành trình thực tế viết bài của mình. Dù bực tức, nhưng tôi vẫn cố gắng nén giận chờ cho cậu đọc xong tờ báo. Và khi đã đọc xong, gấp tờ báo lại rồi, tôi

nghĩ cậu sẽ quay sang nói chuyện, vậy mà tuyệt nhiên không. Cậu ta đặt tờ báo trước ngực, đăm chiêu nhìn ra bên ngoài phố xá đông đúc, nhìn, xa xăm. Đến mức ấy thì tôi không thể nào ngồi yên nổi, tôi nhào tới quát vào mặt cậu ta:

- Cậu coi tớ không bằng một tờ báo hả!?

Cậu ấy không nói gì, lặng lẽ đưa tờ báo cho tôi:

- Cậu đọc đi!

Tôi giật mạnh tờ báo, suýt chút nữa làm nó rách toạc. Tôi vội vàng giở những trang báo, vội đọc lướt qua những mục được đăng tải, để xem cái gì khiến cậu bạn tôi chú tâm đến quên cả sự có mặt của tôi, người bạn lâu ngày mới gặp.

Tờ báo độ hơn chục trang, tôi chỉ đọc chưa đến một phút. Không thấy gì ngoài những thông tin quen thuộc. Tôi bực tức dằn mạnh tờ báo xuống mặt bàn:

- Cậu định trêu tức tớ phỏng?

Cậu ấy nhẹ nhàng cầm tờ báo lên, giở lại trang báo đầu tiên lúc cậu đưa cho tôi mà tôi đã nhìn lướt qua và không thấy gì, đưa nó lại cho tôi:

- Cậu đọc lại đi!

Giọng cậu ấy rất nghiêm túc khiến tôi cũng phải chững lại, cầm lấy tờ báo. Lần này tôi đọc kĩ càng hơn. Cái tôi đọc đầu tiên chính là bài viết nói về *Trái tim xanh*, nó đập ngay vào mắt tôi bởi cái tên. Có lẽ lúc đầu tôi đã không để ý đến nó do quá bực bội. Đọc lại, đọc kĩ, tôi bất chợt rùng mình. Không đợi lâu, tôi vội mở laptop, vào *Google* tìm *Trái tim xanh*. Trang web hiện ra, một phim ngắn của đạo diễn Cao Cường Đặng, kịch bản Trần Vũ Hà My. Tôi chăm chú xem, không để ý thấy nụ cười buồn man mác trên khuôn mặt bạn. Và... tôi cũng không để ý, nước mắt mình đã rơi tự khi nào, chảy tràn trên khóe mắt, chảy vào miệng, mặn chát. Vâng, tôi xin cắt ngang câu chuyện để nói về một điều, về cá nhân tôi. Tôi là một kẻ không nước mắt. Nói như vậy có lẽ hơi quá, nhưng tôi phải khẳng định mình như vậy. Tôi hầu như không thể khóc vì bất cứ điều gì, niềm vui hay nỗi buồn, hạnh phúc lẫn khổ đau... Vậy mà, không hiểu sao nước mắt tôi đã rơi. Chắc tại bụi bay vào mắt, vì bên ngoài gió dữ dội cuốn tung bụi đường...

Xem xong một lượt, tôi ngẩng lên nhìn bạn, cậu ấy vẫn im lặng đốt thuốc, chầm chậm nhả khói, mắt lim dim trầm lắng. Nghĩ bạn không để ý, chắc không thấy nước mắt tôi rơi, tôi vội gạt nước mắt. Châm một điếu thuốc hút, tôi nhìn thẳng vào mắt bạn, mở lời:

- Tớ xin lỗi!

- Cậu không có lỗi. Tất cả chúng ta đều có lỗi. Chúng ta đã quá gấp gáp, quá vội vàng, quá ích kỉ. Chúng ta ích kỉ với thời gian, với mọi người, đến mức chúng ta ích kỉ với chính bản thân mình lúc nào không hay.

Cậu bạn tôi cầm ly cà phê đưa lên miệng nhấp một ngụm rồi lại ngồi im. Tôi cũng nín lặng. Hai chúng tôi cứ ngồi im lặng như thế cho đến khi chuông điện thoại của tôi reo. Bác tài gọi lên xe để đi tiếp, mọi người đã chờ tôi một lúc lâu. Tôi vội vàng đứng dậy, chỉ kịp nói với bạn một câu: "Ở lại mạnh giỏi nhé!". Rồi vội chạy vụt đi, chẳng kịp nghe bạn nói gì.

Khi đã yên vị trên xe ở chỗ ngồi quen thuộc cuộc mình, mở điện thoại ra định nhắn tin cho bạn thì đã thấy tin nhắn của cậu ấy đến từ lúc nào: "Cậu lúc nào cũng vội vàng. Nhưng thôi, chúc cậu thượng lộ bình an. Thu hoạch được nhiều điều, viết bài tốt!". Bỏ điện thoại vào balô, nhìn ra bên ngoài, xe đang chạy qua những đồng lúa chín vàng như tơ. Màu của sự no đủ ấm áp, bình yên… Tôi chợt thấy lòng mình se sắt. Những hình ảnh của *Trái tim xanh* chợt ùa về trong tôi.

* * *

Bộ phim chỉ dài chưa đến mười phút, rất ngắn, vậy mà chuyển tải được thông điệp của cả nhân loại. Thông điệp từ ngàn xưa, khi con người có ý thức và biết yêu thương. Tôi xin mạn phép nhà sản xuất, mạn phép ê-kíp làm phim, trích dẫn đôi điều để bạn đọc cùng chia sẻ.

Bối cảnh câu chuyện xảy ra khi Tí – cậu bé ham đọc sách, quyển sách mà không phải bất cứ đứa trẻ nào cũng muốn cầm lên – đang đứng đọc sách bên hành lang, thì được bác hàng xóm nhờ mua giùm gói thuốc. Cậu bé đã chần chừ không muốn đi, nhưng dường như lương tâm đã thắng sự ích kỉ. Cậu bé đã nhận lời và bước xuống đường phố. Tại đây, câu chuyện bắt đầu…

Bà Tám – chủ quán tạp hóa ven đường, một con người chanh chua – đang ra sức mắng chửi ông chồng vô dụng, đến cả việc đón con cũng đón không xong, chỉ uống rượu là giỏi. Bà ta rất bực tức, sự bực tức lây sang cả cậu bé con vô tội. Sự bức tức dẫn đến sự nhầm lẫn. Sự nhầm lẫn ấy đã được Tí phát hiện. Và, người viết kịch bản cũng như đạo diễn đã gặp nhau ở chỗ này khi để Tí băn khoăn tính toán "trả hay không trả". Khoảng lặng…

Tôi xin dừng ở đây và không bình luận gì thêm về việc viết lách và làm phim. Tôi không muốn đào sâu thêm những cái đã quá rõ ràng, như một kẻ múa rìu qua mắt thợ. Cái tôi muốn nói đến, là cái mà "trái tim xanh" đã đem lại, ở đoạn cuối câu chuyện. Như người ta vẫn nói kịch hay ở đoạn kết. Phim cũng hay ở chỗ đó, cao trào ở đó, kết thúc ở đó, mở ra ở đó. Vâng, tôi đã phải ngỡ ngàng trước ánh mắt nhìn đầy ái ngại của Tí trước cô bé ăn xin trạc tuổi mình đang khập khiễng bước với cái chân bị trầy xước. Lúc đó Tí cầm tờ trăm ngàn, cậu bé có thể bỏ qua ý định trả lại bà chủ quán tạp hóa, rút ngay nó ra và đưa cho cô bé ăn xin. Nhưng không, Tí đã bước đến trả lại bà Tám. Hành động ấy đã khiến bà Tám chết lặng thực sự. Bà còn chết lặng hơn lúc hai đứa trẻ gặp nhau: "Cho mình xin một ngàn đi…"; "Mình không có tiền…"; "Lúc nãy, mình thấy bạn đưa cô bán thuốc một trăm ngàn lận mà…"; "Đó không phải tiền của mình. Cô thối thừa cho mình nên mình trả lại cho cổ thôi chứ mình đâu có tiền đâu"; "Bạn nói xạo, cho mình xin

mấy ngàn đi!"; "Mình không có tiền thiệt mà!!!". Khoảng lặng. "Mình có quyển sách này nè, bạn lấy không mình tặng?!"; "Nhưng mà, mình đâu biết đọc chữ. Mình đang đói, sách có ăn được đâu. Mình lấy làm gì". Tí suy nghĩ mông lung. "À! Hay là bạn lấy cái quyển sách này nè, bạn qua cái tiệm sách cũ á, bạn bán cho người ta, cái rồi bạn mua bánh mì bạn ăn"; "Sao bạn không giữ lấy mà đọc?"; "Mình đọc xong rồi. Bạn cầm lấy nè!". Tí bước đi. "Bạn ơi! Trong quyển sách này, có gì hay không?"; "Mình cũng không biết nữa, nhưng mình nghĩ bạn sẽ no bụng á!". Tí cười, hiện lên má lúm đồng tiền rất dễ thương. Cô bé ăn xin tò mò dở những trang sách, mặc dù không biết chữ. Quyển sách ấy, trang bìa là hình ảnh một trái tim màu xanh, giữa trái tim là dòng chữ: "HIỂU VỀ TRÁI TIM". Tất cả ở trên nền màu xám tro với những đường nứt nẻ khô khốc. Biểu trưng ấy nói lên điều gì, chắc mọi người cũng biết, tôi không cần phải nói ra làm gì. Tác giả cuốn sách ấy là nhà sư Thích Minh Niệm.

Hai đứa trẻ ngây thơ, không biết có một bà Tám chanh chua cay nghiệt đứng nhìn cảnh ấy mà nước mắt rơi. Đúng, hai đứa trẻ ấy, với những hành động ấy, đã khiến một trái tim "người" thức dậy. Mà không, rất rất nhiều trái tim người sống dậy. Câu chuyện còn nữa…

* * *

Tôi xin dừng những dòng lan man của mình ở đây. Tôi không thể viết thêm gì. Đơn giản, những gì tôi "tường thuật" lại không thể nào làm toát hết cái hay cái đẹp của "trái tim xanh". Như đã nói, tôi chỉ có mấy lời phi lộ muốn chia sẻ cùng mọi người. Nếu các bạn có một lần gặp những câu chuyện như thế ngoài cuộc đời, hay xem nó trên các phương tiện thông tin đại chúng, các bạn sẽ hiểu những gì tôi muốn chia sẻ. Những điều ấy, chỉ có thể dùng trái tim để cảm nhận và cũng dùng chính nó để nói. Không có ngôn từ cũng như hành động nào có thể diễn tả nổi.

Đọc xong bài viết này, sẽ có người nói tôi quá đáng, tôi tâng bốc tác phẩm "trái tim xanh". Không, xin thưa là không. Vì khi tôi viết nó thì *Trái tim xanh* đã đoạt giải nhất cuộc thi "Hiểu về trái tim". Đoạt giải nhất trong lòng bao người. Tôi cũng chẳng có ý gì khác ngoài sự chia sẻ cảm xúc. Tôi cũng chẳng muốn "dạy đời" ai, mà ngược lại, tôi, và có lẽ tất cả mọi người trên trái đất này, cần những bài học như bài học bà Tám nhận được từ hành động rất đỗi ngây thơ hồn nhiên mà đậm tính nhân văn của bé Tí.

Tôi chợt nhớ tới cậu bạn mình, nhớ tới những gì cậu ấy đã nói với tôi. Qua những vội vã, qua những bon chen, chúng ta làm thế để mua lại điều gì?! Hạnh phúc ư? Thành công ư? Niềm vui hay sự bình yên. Vì điều gì? Để rồi, bất chợt đứng lặng yên giữa bao la, mênh mông, vô tận, sao ta thấy chơi vơi. Nén một tiếng thở dài vào tận sâu đáy lòng để nghe tiếng lòng vang vọng lại. Có một điều gì đó day dứt, quay quắt... ■

Mưa thị trấn

NGƯỜI SÔNG THU

Chiếc xe khách dừng xế cổng chợ thị trấn. Mưa càng nặng hạt. Khu trung tâm chợ đã vắng người. Mấy hành khách tại chặng cuối cùng này là người địa phương nên ai cũng thủ sẵn áo đi mưa, họ đã xuống xe rồi mất hút vào các đường nhỏ giáp với đường chính. Cuối tháng Chín đầu tháng Mười âm lịch, vùng cận nguồn này chịu mưa nhiều nhất trong năm và hễ có trận lụt nào đều là lụt lớn. Tuy đã nhiều năm mới trở về đây nhưng ông Luân không lạ gì tính "thủy văn" đặc thù ấy.

Ông Luân xách túi hành lý nhưng còn đứng tại cửa xe nhìn ra bên ngoài. Về đến đây rồi, ông không có gì phải vội cả. Từ Sài Gòn ra Đà Nẵng ông đáp máy bay, nhưng từ đó lên đến quê, ông phải ngồi xe khách. Gần ngàn cây số chỉ mất hơn một giờ nhưng nối thêm cự ly non bảy chục cây phải hơn nửa buổi.

Thời gian ngồi trên xe, ông Luân để ý các câu chuyện giữa những người đồng hành với nhau mà đa số cùng về một địa phương. Tuy đều là đồng hương nhưng chẳng ai biết ông và ông cũng không biết ai. Ông xa quê đến nay là đã năm mươi bảy năm rồi. Thời gian ấy gần bằng tuổi trung bình của một đời người.

Ông cố nghe qua từng câu chuyện, không phải vì tính tò mò mà chỉ để biết qua tình hình của làng ông, của những người cùng làng nhưng khác thế hệ. Qua từng câu chuyện của họ, ông có thể biết họ ở những xóm nào, thôn nào, thậm chí họ là con cháu của ai. Như hai cô trẻ ngồi ghế phía sau tài xế nhất định có nhà ở ngay thị trấn vì họ say sưa nói về giá đất nền ở đó đang lên. Đất chợ ngày xưa chẳng nghe ai nói giá, thậm chí còn không biết đến đơn vị mét vuông (m^2), nhưng cũng đất ấy tại thị trấn bây giờ lại khác hẳn cả trăm lần.

Còn cái chị trung niên cứ nhìn ra ngoài trời mà xin "ổng" đừng lụt sớm khiến nước khe ngập mất cây cầu khỉ về nhà của chị. Ông Luân ngạc nhiên vì nghe nói quê ông đã xây cầu, làm đường tráng nhựa khắp nơi rồi, tại sao còn có hộ sợ lụt như vậy?

Điều thắc mắc của ông được giải tỏa ngay khi có ông đội mũ nỉ chê:

- Là tại ông bà không chịu bỏ cái gò Miếu ấy. Bộ chôn giấu cả tấn vàng ở đó hả? Làm đường, bắc cầu là nhắm cho cộng đồng, chí ít cũng một xóm chứ tiền của đâu đổ ra phục vụ chỉ một hộ của ông bà? Mình phải ăn theo thuở ở theo thời mới khỏi kẹt.

Ông Luân nhớ ra và biết gia đình chị này ở sát chân gò Miếu, đi về phải qua con khe có bắc cây cầu ván thấp, cơn lụt nào gia đình này cũng nội bất xuất ngoại bất nhập.

Ông Luân chỉ nghe chuyện và thầm đoán thử xem họ là con cháu của những vị nào ở làng xưa. Tất cả những người ông ngồi chung xe với họ đều nhỏ tuổi hơn ông. Kể cả cái ông vừa chê gia đình chị sợ lụt vừa rồi cũng chỉ cỡ sáu mươi tuổi. Ngày ông rời làng ra đi đến nay là năm mươi bảy năm, lúc ấy ông này mới chừng ba tuổi. Họ biết ông sao được? Và ngược lại ông cũng không thể nào biết họ.

Ông Luân vẫn cố tình chưa để lộ tông tích của mình với tất cả mọi người là đồng hương với ông.

Sửa xong cái gì đó, khi thấy ông Luân còn đứng tại cửa xe, anh tài xế nghĩ rằng vị khách lớn tuổi này ngại trời còn mưa nên với tay lấy cây dù bật lên và nói:

- Bác còn đi đến đâu nữa? Mùa này mưa lâu dứt lắm. Cháu che dù cho bác vào nghỉ tạm trong quán cà-phê kia, đợi bớt mưa hãy đi. Quán cà phê này là nhất của thị trấn đấy.

Ông Luân cảm ơn và xuống xe, cùng sánh vai đi dưới mưa tầm tã với anh tài xế tốt bụng.

Quán ngày mưa dầm, lại đang giờ làm việc nên rất vắng khách. Chị chủ quán chào, kéo ghế mời ông Luân ngồi và hỏi ông uống gì.

- Cô cho tôi cà phê đen, nóng.

Đây vẫn là cái tật của ông từ hồi còn trẻ đến bây giờ vẫn không thay đổi. Sau khi tốt nghiệp Đại học Văn khoa (Sài Gòn), ông theo nghề báo chí. Còn trẻ và khỏe, ông thường đi đây đi đó để viết những phóng sự về các sự kiện của từng địa phương. Hễ tới một thành phố, một thị xã nào, thức uống mà anh chàng phóng viên-thi sĩ Việt Luân gọi dùng đầu tiên là cà phê đen, nóng. Anh chàng vừa nhấm nháp cà phê vừa trò chuyện với chủ quán và những khách uống hiện diện. Có đồng nghiệp hỏi về cái "tật" này, ông cho biết rằng qua chất lượng ly cà phê và cung cách pha chế, phục vụ, cách nói chuyện của chủ quán và những câu trao đổi với khách uống cũng cho ông biết sơ khởi về mặt bằng văn hóa, tập tục của địa phương tuy chưa thể đầy đủ.

Chị chủ quán bưng chiếc dĩa đựng tách cà phê bốc khói. Ông thầm bằng lòng nhưng cũng hỏi thử:

- Tại sao chị không pha phin?

- Thưa bác, mưa lạnh thế này pha phin bị mau nguội, nếu châm thêm nước sôi, chất cà phê sẽ bị loãng. Cháu phải pha trực tiếp nước thật sôi thế này. Cách pha và uống cà phê như rứa mới hợp cảnh mưa dầm gây lụt ở đây ạ!

Ông Luân cười đắc ý về sự trình bày của chị chủ quán và hai tiếng "như rứa" ông vừa nghe lại.

Chị chủ quán nhìn ông khách mấy giây rồi hỏi:

- Xin lỗi, có phải bác từ xa mới đến đây lần đầu?

Câu hỏi khiến ông Luân ngập ngừng. Suýt chút nữa thì ông đã trả lời rằng không phải ông tới đây lần đầu mà ông xa nơi đây đã năm mươi bảy năm. Ông đang giấu danh tính của mình với mọi người của quê nhà, ít ra cũng hết ngày hôm nay. Ông làm như không nghe và đánh trống lảng bằng một câu hỏi:

- Chị và gia đình có làm việc gì khác ngoài việc bán cà phê không?

- Thưa, cháu là cô giáo trường trung học cơ sở của thị trấn, năm tới cháu nghỉ hưu. Lúc rảnh việc, cháu chỉ phụ buôn bán với chị giúp việc thôi.

Ông Luân tính thầm: thế là cũng khoảng sau ba năm mình bỏ làng ra đi, cô giáo này mới chào đời. Ông hỏi mau:

- Trường THCS của thị trấn có phải nhìn ra gành đá bờ sông, phía sau dựa lưng dãy đồi thấp?

- Thưa đúng thế ạ! Mà sao bác biết?

Ông Luân cười nhẹ chứ không trả lời. Thời gian! Trường làng sơ cấp ngày xưa đã thành trường trung học và cậu học sinh Luân ngày ấy nay đã là… lão trượng. Thời gian có hai mặt. Mặt tích cực là với sự học hành, trải nghiệm, nghiên cứu, phát minh… nhưng nó lại nghiệt ngã với tuổi tác của con người. Thế nào ông cũng dành thì giờ đến thăm trường, viếng Trung Phúc tự, miếu Tam Vị và cái khu phế tích của đình làng… Cô giáo chủ quán cà phê sẽ gặp và biết ông như nhiều người khác. Ông sẽ ở lại quê nhà lâu hơn dự tính lúc đầu vì biết đâu sau lần này sẽ không còn dịp nào nữa. Người cao tuổi nào về thăm quê cũng có ý nghĩ ấy.

- Trời còn mưa, bác cứ ngồi chơi, cần gì xin cứ gọi cháu.

Câu nói của cô giáo gọi ông trở lại với thực tại.

- Xin phép bác, cháu vào trong có việc.

Cô đi vào ngồi lại chiếc bàn nhỏ đặt sau quầy không quên đặt lên bàn ông Luân bình trà và phích nước sôi. Lúc này, trước mắt ông Luân hoàn toàn là một cô giáo chứ không phải chị chủ quán cà phê. Mười ngón tay cô lượn nhanh trên phím chữ máy laptop. Máy nghe nhạc đang phát bản giao hưởng số 2 của Schumann với tiếng dương cầm tuyệt kỹ ở đẳng cấp nghệ thuật hàn lâm.

Ông Luân đứng lên đi lại phía cửa sổ nhìn qua bên kia con đường chính của thị trấn. Dãy nhà xây hai tấm lợp ngói đỏ giống nhau lùi vào bên trong. Con đường tráng nhựa rộng hẳn ra. Ông nhớ tên từng vị chủ nhà ngày xưa ở đây thuộc hàng chú bác của ông. Phần lớn nếu không muốn nói tất cả các vị đều đã yên nghỉ. Còn chăng là một số con cháu của họ làm chủ những căn nhà hiện tại.

Ông Luân nhớ ngày xưa hai bên đoạn đường này có những cây ngô đồng, thứ cây rụng lá từ những ngày đầu mùa thu. *Ngô đồng nhất diệp lạc - Thiên hạ cộng tri thu.* Nghe đâu hai hàng cây "nên thơ" ấy được trồng cùng lúc khi chư vị tiền hiền của làng lập chợ. Ngô đồng đã không còn và chợ làng từ lâu đã dời để khoảnh đất ấy mang địa danh chợ cũ.

Ông Luân không khỏi se lòng về một hình ảnh tình cảm đối với ông, của chính ông. Ấy là thời gian "cậu học trò Luân" ra Huế học tiếp bậc trung học tại Trường Khải Định. Cuối năm học đầu thì phụ thân Luân từ trần. Mẹ kiên quyết không cho Luân nghỉ học dù cảnh nhà đã lâm vòng khốn khó. Năm sau, vào cuối dịp về quê nghỉ hè, Luân thấy mẹ và chị hàng xóm lo xay, giã lúa, nếp nhiều hơn mọi ngày. Luân không suy nghĩ gì về sự kiện này. Buổi sáng cách một ngày trước khi trở ra Huế, Luân đi xuống thôn cuối làng để chào biệt vị thầy cũ dạy trường làng. Khi về qua khúc đường này, chợ đang đông, Luân gặp mẹ đứng dưới bóng cây ngô đồng bên gánh gạo, nếp. Thì ra mẹ đã xay, giã cật lực lúa, nếp để gánh xuống chợ bán lấy tiền cho Luân ra Huế học tiếp. Đồng tiền nơi làng quê thuần nông chỉ đánh đổi bằng cách ấy.

Ông Luân nhớ lại và ngậm ngùi. Mẹ đã không còn nữa. Nhiều người thuộc lứa tuổi mẹ ở quê nhà đã không còn nữa. Mọi thứ từ cảnh đến người đối với "trò Luân" của làng xưa và của "ông Luân" đang về tại thị trấn đã hoàn toàn đổi thay, xa lạ.

Chỉ còn một cảnh không hề thay đổi là thứ mưa dầm gây lụt, dù mưa với làng xưa hay với thị trấn bây giờ. ■

Nhớ sớm mùa đông

ĐOÀN ĐẠI TRÍ

Bữa nay Chủ nhật, tự cho phép mình ngủ dậy muộn hơn một chút, nấn ná mãi rồi mới uể oải bước xuống giường. Vừa vén tấm màn cửa màu hồng nhạt có những sọc xanh thẫm thì những cơn gió lạnh ở đâu lùa vào khiến mình bối rối một thoáng. Ngỡ ngàng. Ôi, gió mùa đông bắc. Có lẽ, ở Sài Gòn cái gió ấy là một thứ đặc sản hiếm hoi mà không phải bao giờ cũng có thể bắt gặp, nhất là với một người con phương Bắc xa quê lưu lạc như mình. Chợt nghe mơ hồ một nỗi niềm, vì gió lạnh hay điều gì đó lắng đọng xa xôi không biết nữa…

Bất chợt tôi thèm đến lịm người cái cảm giác lành lạnh của những cơn gió đầu đông dìu dịu luồn qua cửa sổ, nơi có giàn trầu không của nội trồng từ năm nảo năm nào. Mùa đông, lá trầu bắt đầu vàng, rụng tả tơi đầy gốc. Vậy nhưng những lá xanh vẫn khá nhiều, đủ cho nội và những người bạn già hàng xóm bỏm bẻm nhai trầu suốt ngày. Ngày đó, ngoài việc hái trầu cho nội vào mỗi tối (nội bảo đó là lúc cây sắp ngủ, không bị đau) tôi còn phải hái trầu cho cả ông Thuần và thím Nhinh nữa. Nhưng chả riêng gì ông Thuần với thím Nhinh, hễ ai đến nhà chơi là y như rằng nội niềm nở mời trầu. Và khi khách sắp về nội cố níu lại dúi vào tay mấy lá bảo đem về nhà mà têm, trầu của nhà đấy. Cái màu non xanh mỡ cùng dư vị hăng hắc đến giờ tôi vẫn nhớ, vẫn cay cay nơi đầu con mắt.

Tôi nhớ những ngày tháng Mười, trời se se lạnh, mẹ tôi dậy rất sớm, từ lúc tở mở tờ mờ sáng. Rồi mẹ lúi húi ở dưới bếp bao nhiêu là việc. Hồi đó nhà còn chật, làm việc gì mẹ cũng cố gắng thật nhẹ nhàng để cho anh em chúng tôi ngủ. Đến khi những tia nắng buổi sớm từ phía hàng xoan khẳng khiu những cành trơ trụi ló lên thì mẹ đi thả đàn gà rồi mới gọi anh em tôi dậy. Tôi dụi mắt, mở to nhìn những tia nắng hiếm hoi của mùa đông, cảm giác se se lạnh trong trẻo đến lạ lùng, giờ nghĩ lại vẫn thấy lâng lâng.

Hai anh em mỗi đứa bưng một bát cơm nếp đậu tằm thơm bùi ăn xong rồi đi học. Giờ mới thấy mình vô tâm quá đỗi, bởi chẳng bao giờ hỏi xem mẹ đã dậy từ bao giờ mà vừa nấu cơm vừa hái một gánh rau muống đầy. Mà có hỏi chắc gì đã kịp, vì tôi còn chưa buông đũa thì mẹ đã tất tả quảy gánh rau ra chợ rồi, chợ quê mà, họp nháo nhào tí buổi buổi sáng rồi tan. Mọi người còn phải đi làm đồng nữa chứ. Tối qua lúc đang ngồi khâu lại áo rét cho tôi, mẹ gióng giả là phải cố bán cho hết, chà[1] này rau quá lứa đến nơi rồi. Người ta mua về rau cứng quá không ăn được phải tội chết, hai trăm một mớ chứ ít gì.

Niềm ao ước lớn nhất của tôi là được theo mẹ đi chợ những buổi sớm đầu đông.

Đó là chợ Đình họp phiên năm mười[2] chứ không phải chợ quê đâu. Hồi đó, tôi luôn nghĩ rằng không một nơi nào trên thế giới này có nhiều người như chợ Đình. Tôi thì thấp bé, nghểnh cổ nhìn đâu cũng chỉ thấy người là người và cơ man hàng hóa. Thôi thì đủ cả. Từ hàng chiếu, hàng gà cho đến chỗ bán thúng mủng nong nia… nhưng nơi mà tôi muốn đến nhất là hàng bánh dầy. Bánh dầy quê tôi dẻo và mềm, trắng nõn như da con gái. Lần nào đi chợ mẹ cũng mua cho tôi một cặp bánh, tôi ít khi để dành mà tống táng ăn luôn.

Tuy vậy, tôi hay nán lại chỗ người ta bán tranh. Tôi đồ rằng phải là thần tiên mới vẽ được những bức tranh đẹp và sống động đến thế. Và nghĩ rằng không bao giờ mình có đủ tiền để mua những bức tranh to đẹp vẽ con cá chép vàng có cái râu thiệt là dài. Mẹ bảo bán lứa lợn này sẽ mua, mà mua một lúc hai bức luôn, cả con cá chép màu nâu kia nữa. Ông bán hàng bảo cá chép phải đi có đôi, như hai câu đối viết bên cạnh đó. Nhưng do hồi đó chưa đi học, tôi chả quan tâm đến những chữ viết hay câu đối đó gì đó, tôi chỉ thích con cá chép thôi.

Cái niềm ao ước về con đôi cá chép tuổi thơ đến giờ đôi khi vẫn quẫy đạp trong mênh mông mặt ao ký ức tưởng như phẳng lặng của mình.

Những buổi sớm mùa đông nghỉ học, cùng bọn thằng Hòa con cậu Tâm đi chăn bò ngoài Cánh Mỏm đã để lại vô vàn kỷ niệm đẹp đẽ trong tôi; đó là những nét khắc sâu đậm nhất trong bức phù điêu của năm tháng tuổi thơ ngọt ngào. Thường thì bọn tôi lùa bò ra ngoài đó rồi mặc kệ chúng. Chúng ăn theo đàn, chạy theo đàn. Mà kỳ thực chúng cũng chả chạy đâu xa, triền đê xanh mướt cỏ gà là thế giới mơ ước của chúng rồi. Ngay dưới chân đê là những nương dâu xanh ngút ngàn dài tưởng chừng mãi mãi không bao giờ lũ trẻ làng có thể đi hết. Làng tôi vốn nổi tiếng về nghề trồng dâu nuôi tằm của xứ Đoài mà.

Gần hai mươi năm trời với biết bao nhiêu những buổi sớm mùa đông cùng vô vàn lo toan trăn trở của gánh nặng nhân sinh không làm tôi quên buổi sớm mùa đông ở quê. Giờ nội đã mây trắng trời xanh, giàn trầu không cũng không còn. Mẹ đã già và lũ trẻ con ngày ấy theo nhiều cách khác nhau cũng lần lượt ra đi. Chỉ còn lại bên nương dâu xanh mút mát dù hai mươi năm trời vẫn nguyên vẹn những buổi sớm mùa đông trong trẻo trong tấm gương ký ức tháng năm nào.

Chú thích:

1. Chà, tiếng địa phương, đồng nghĩa với 'lứa'.

2. Ngày 5, ngày 10, ngày 15, ngày 20, ngày 25, ngày 30 hàng tháng theo âm lịch là có phiên chợ. ■

Chợp mắt giữa trưa

TRẦN BỈ NGẠN

Buổi trưa thức dậy
Đã bỏ một cuộc đời
Ngoài chân mây
Thức dậy
Như lần đầu mở mắt nhìn thế giới
Không còn gì sót lại
Những gì còn lại thì ở phía trước, ở tương lai
Những gì phía sau đã hỏa thiêu trong giấc ngủ.
Không cứ gì giấc ngủ mà một thời thiền
Cũng bỏ cuộc đời rơi mất đâu không biết
Trong khi ngủ thủy triều đã xóa sạch những ngấn cát
Như chưa từng sống lấy một ngày
Chưa từng nợ nần trách nhiệm
Đời sống là vô danh.
Mỗi lần đi vào giấc ngủ hay đi vào thiền định
Là một lần chết, trả lại hư không
Và thức dậy là một lần phục sinh
Sự phục sinh tự nhiên không là phép lạ.
Nếu không có cái chết, cuộc đời này cũ kỹ đến chừng nào
Có chết đi nhiều lần, rất nhiều lần
Mới biết cuộc đời này sạch làu không ô nhiễm
Như lá mới
Như đất nước lửa gió
Như buổi sáng buổi trưa buổi chiều
Không tàn héo.

Hiến dâng

TRẦN HƯƠNG GIANG

Gởi trong đêm thâu một đốm lửa nhỏ
Gởi giữa mùa hạ những giọt mưa hồng
Gởi vào ngày đông mặt trời bé tí
Gởi giữa dòng đời một chiếc thuyền yêu.
Gởi đám mây trắng giữa bầu trời xanh thẳm,
Một đóa hoa giữa biển khổ đau
Những nốt tơ đàn âm vang dìu dịu
Trái tim người rung nhẹ bậc thanh tao.
Gởi đời mình trong muôn ngàn lối
Đất đã sinh tôi ra
Nước cho tôi sức sống
Gió cho tôi mạnh mẽ
Lửa cho tôi cháy bỏng nhiệt tình.
Mà đời người thì mỏng manh dễ tan như gió
Dễ trôi như nước
Dế tắt như lửa
Tất cả rồi hòa lẫn với đất
Để tôi mất và tôi còn.

Tự tánh

TRẦN HƯƠNG GIANG

Có những lúc buồn vu vơ
Đời qua mấy thuở giấc mơ cũng tàn.
Tỉnh ra một chuyến đò ngang
Đưa người sông bạc thênh thang mưa nguồn
Đôi khi gối ngủ trên buồn
Đôi khi hoa nở hương ngàn vây quanh
Sáng lên núi chiều biển xanh
Đi về sớm tối khóc tranh với cười
Yêu thương, oán ghét cuộc đời
Chỉ là giấc mộng chơi vơi giữa dòng
Tiếng chuông vọng giữa không trung
Tâm người tỉnh thức, chân dung sáng ngời.

Giấc làng

PHAN THÀNH MINH

Tiếng sáo đưa nôi thiêm thiếp giấc làng
Xanh đến nõn bầu trời thu phơn phớt
Duyên dáng vẽ vòng quanh con chuồn ớt

Sen hạ cong nỗi buồn xa nhớ
Bầy sẻ nâu đánh thức sân đình
Hạt lúa mẹ phơi vàng ươm mồ hôi đất

Anh xa làng câu hò thành góa bụa
Luống cày phơi nước mắt cha
Áo rách vai làm sao che đời lam lũ

Em xa làng thúng quang thành tình phụ
Bếp rơm sôi tiếng thở dài
Mẹ bịn rịn nhìn hạt mưa ký ức

Bão giông nhấn chìm tiếng hát
Tôi thành người mưa nắng của quê
Bùn đất phân trâu đen nhẻm bước đi về

Trái phượng treo tiếc nuối ngày hè
Lá bàng đỏ cõng thu về với phố
Em có gặp bài thơ tình của tôi trong đó?

Vạm vỡ chảy qua đời sông
Gầy gò chảy qua đời suối
Biển mênh mông chứa biết bao nhiêu là tiếc nuối

Tiếng sáo đưa nôi thiêm thiếp giấc làng
Xanh đến nõn bầu trời thu phơn phớt
Ngọn gió thì thào quanh tôi.

Ngày xưa chưa xa

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Hà là tên quán cà phê nép mình dưới bóng xà cừ ấy và cũng là tên cô chủ quán tuổi ngoài đôi mươi. Quán chỉ kê được bốn cái bàn con nhưng đông khách. Chẳng hiểu vì thứ cà phê chính hiệu, ngon tuyệt hay vì cô chủ quán đẹp người mà đã hút bao chàng trai đến đây. Vừa uống cà phê, các chàng vừa trêu cô chủ đang thì khiến lắm kẻ mòn con mắt.

Bên những mái tóc xanh, chỉ duy nhất có một mái đầu trắng. Ông cụ đến quán Hà đã gần tuần, lặng lẽ ngồi trong góc nhìn ra đường. Sáng nào ông cũng đến tầm sáu giờ ngồi cùng chai nước khoáng đến bảy giờ; khi mọi người bắt đầu đi làm, ông uể oải ra về. Buổi chiều, cỡ bốn rưỡi, ông lại có mặt ở quán; độ năm giờ, ông đứng lên trả tiền kèm lời chào rồi dắt xe máy, quay lưng. Chiều nào Hà bận đón con, đã có bà bán tạp hóa bên cạnh giúp cô lấy nước cho ông.

Sự lặp lại như điệp khúc của ông khách khiến Hà để ý. Ngồi trong quán nhưng mắt ông mãi nhìn về ngôi nhà hai tầng bên kia đường. Hình như ông đến đây chẳng để uống nước mà chỉ để nhìn về nơi ấy, bằng chứng là lắm hôm chai nước gần như còn nguyên. Mỗi khi chủ nhân ngôi nhà đó, anh giám đốc sở trẻ nhất của thành phố này, xuất hiện nơi cổng, ông khách nhướng cổ nhìn không chớp mắt. Dường như lúc đó ông quên hết mọi thứ trên đời và đôi mắt buồn bỗng ánh lên niềm vui bất chợt. Ông sững người như bị thôi miên. Khi thấy anh giám đốc sở lên xe đi làm, ông bước vội ra cửa quán nhìn theo, nhìn cho đến khi khoảng bụi mù sau xe tan hẳn. Có hôm ông lập cập va vào ghế, rơi vỡ cả ly. Khi chủ nhân ngôi nhà kia đi khỏi, ông khách quay lại ghế với vẻ bần thần; cũng đột ngột như khi đến, niềm vui trong mắt ông chợt tắt. Vẻ khác thường của ông khách lặp lại đến ngày thứ năm thì Hà không thể nén được tò mò: "Hình như bác quen anh giám đốc sở?". Ông khách giật mình, bối rối: "Ừ... à... nhưng không". Ông nhìn lảng đi nơi khác như ông đã từng né tránh một sự thật gần bốn mươi năm trước.

... Ngày đó, nơi chiến khu Hòn Tàu ngút ngàn bom đạn, ông là một cán bộ tuyên huấn được nhiều người để ý. Đang hoạt động trong lòng địch, khi bị lộ, ông được rút lên căn cứ để lại người vợ cùng tuần trăng mật dang dở. Không chỉ có tài nói năng, ông còn có khiếu thơ ca. Những tờ báo tường do ông làm chủ biên, những buổi văn nghệ có ông đệm đàn… đã hút ánh nhìn ngưỡng mộ của bao người. Không có mốt nào khác ngoài chiếc mũ tai bèo cùng bộ đồ bà ba màu lá nhưng ông đẹp sang trọng hệt như chàng hoàng tử trong chuyện đời xưa tái thế. Ông bị, nói đúng hơn là được, "chiếu tướng" từ nhiều phía cũng là điều dễ hiểu. Trong số đó, cô văn thư cùng

ban tuyên huấn với ông được lợi thế cả cự ly lẫn cường độ. Cô bé vừa qua tuổi dậy thì không lâu, mũm mĩm, xinh tươi cứ như thách thức cả bom thù và sốt rét đã khiến ông xao lòng. Kết quả mối tình lén lút ấy là cái mầm sống đang lớn dần trong người con gái ông thương. Hoặc là dang tay đón nhận cô gái đang hoang mang đau khổ để chấp nhận kỷ luật hoặc ngoảnh mặt ngó lơ để rồi sẽ được thăng chức cao hơn mà ông đang ngấp nghé, kỳ vọng. Người ông như bị phân thân giữa hai chiều trái ngược. Thế rồi giữa khe hẹp của đôi bờ dũng cảm và hèn nhát, bao dung và ích kỷ, ông đã chọn lối mà những kẻ mặt mốc trên sân khấu tuồng xưa nay từng làm. Cô văn thư không hề oán thán, cam chịu kỷ luật một mình. Tấm thân nhỏ tưởng như không đứng được trước nỗi đau lớn lại phải san sẻ nuôi con còn trứng nước trong cảnh đói cơm lạt muối. Ngày lên đường về hậu cứ chờ sinh con, cô gái nói với ông không phải bằng giọng quan tòa dành cho tội phạm mà trầm lắng đến không ngờ: "Rồi anh sẽ hối hận!".

Ông đâu hay những tiếng xót xa ấy là lời tiên tri sớm linh nghiệm và đã ám ảnh suốt đời ông. Sau này, ông có quyền cao chức trọng, nhiều tiền bạc và được lắm người kính nể nhưng ông không thể yên lòng khi nhớ lại mối tình sớm kết trái oán hờn của một thời xa lắc. Và bão gió thật sự nổi lên trong ông khi vợ ông không thể có con do lần đầu sinh không tròn, lại bị tai biến hậu sản... Tuổi già đến, nỗi nhớ quay về những tháng năm xưa và kỷ niệm buồn như muối xát lòng ông. Không dám gặp lại đứa con bị cha chối từ khi còn trong bụng mẹ nhưng ông vẫn lặng lẽ dõi theo nó qua mỗi chặng đời. Ông biết, khi lên năm tuổi thì con ông đã có cha kế, có một gia đình đầm ấm, được học hành tử tế và thành đạt. Đã bao lần ông đứng trước cổng trường, không kể nắng trưa mưa chiều, chỉ mong được nhìn con trong thoáng chốc. Ông thấy tủi hổ tràn đầy nhưng không thể khác khi phải đứng xa nhìn con nơi cổng công sở hay nhà riêng. Cả khi con trai ông chuyển nhà đến gần quán cà phê Hà này, ông lại lẳng lặng lần theo. Đã bao lần ông tự sỉ vả sự khuất tất giống kẻ trộm của mình nhưng ông không thể thắng được trái tim đau khổ. Con ông đấy, đứa con duy nhất của ông đấy, giọt máu từng bị ông hắt hủi, giờ đã là giám đốc sở trẻ nhất thành phố biển này. Là người đứng đầu một ngành của thành phố, con ông từng nhiều lần lên ti-vi. Những lần ấy, ông căng mắt và xích sát lại màn hình, cứ như muốn ôm lấy hình bóng yêu thương, gần đấy nhưng xa đấy. Rồi những lúc ngồi cùng ly nước mát nơi quán Hà, lòng ông cay đắng khi phải giấu mặt trước cốt nhục của mình; chỉ cần bước qua năm mét đường là có thể chạm vào những gì gần gũi thiêng liêng nhất của con người nhưng ông không thể. Ý nghĩ ấy đeo đẳng, bóp nghẹt trái tim ông, khiến nước mắt luôn chực ứa ra.

Có lần ông ngẩn người nhìn anh giám đốc sở đẩy xe đưa người cha bị liệt nửa người đi dạo phố lúc sáng sớm. Vừa đẩy xe, anh vừa gập người xuống nói chuyện; đôi mắt mệt mỏi của người cha cứ ngước theo hướng tay anh chỉ. Chẳng nghe họ nói gì, chỉ thấy cả hai cùng cười rạng rỡ. Tiếng cười vọng lại nhỏ dần và nhọn mãi, khêu vào lòng ông đau nhói. Đi dạo xong, người con đẩy xe đưa cha vào sân. Vẫn để cha trên xe, anh ngồi bệt xuống tam cấp trước cửa, lần lượt gác đôi chân gầy của cha lên vai mình và cứ thế xoa bóp hồi lâu. Hạnh phúc bình dị của người kia, với ông sao mà xa vời, ngỡ như không tưởng. Ông rưng rưng, khóc không thành tiếng.

Sự day dứt xen lẫn xấu hổ như nhân lên khi ông nghe chuyện về cô chủ quán vào một chiều mưa. Cơn mưa vội vàng đã giữ ông lại quán Hà lâu hơn mọi bữa và cô chủ quán đang trên đường đón con chắc đã ghé vào mái hiên nào đó bên đường. Bà bán tạp hóa ở cạnh lại qua lấy nước cho ông. Vắng khách, bà nhẩn nha chuyện trò cùng ông. Chuyện lan man xa gần, cuối cùng bà dừng lại chuyện của chính cô chủ quán.

... Bốn năm trước, Hà rời làng, ngơ ngác và hồi hộp bước vào cổng trường đại học. Thoạt nhìn, ai cũng nhận ra cô quen với nắng mưa, đồng đất và không ai có thể nói khác - cô đẹp. Nét đẹp tự nhiên của cô trở thành tâm điểm nơi đám đông và thu hút vô số mắt đàn ông. Chẳng phải ngước cao kiêu hãnh mà cô cúi xuống, khép lòng, giữ cho tim mình thăng bằng trọn năm thứ nhất. Rồi khi gục đầu vào ngực chàng trai học trên mình hai khóa thổn thức những lời yêu thương, cô đâu ngờ đó cũng là lúc trang buồn đời cô hé mở. Dại khờ, cô chỉ biết mình có bầu khi thai nhi đã lớn. Nhăn mặt ép cô đến bệnh viện "giải quyết" không được, chàng trai ra đi không ngoảnh lại. Đường về quê bỗng nhiên xa, cổng trường đại học vẫn rộng mở nhưng Hà không thể bước qua. Người cô như tan trong đau đớn, mặc cảm. Hà tìm đến bờ sông, không sợ khi nhìn dòng nước cuồn cuộn xoáy dưới chân mình nhưng cô chợt tỉnh khi mơ hồ cảm thấy con ngọ nguậy. Ngoài ý muốn nhưng đâu ngoài tình mẫu tử, đứa con đã níu cô lại với đời này. Làm gia sư tiếng Anh, đánh máy thuê và khi đã khá hơn, cô thuê nhà, mở quán - ấy là nguồn sống của hai mẹ con cô.

Mưa tạnh, mẹ con Hà về. Con thùng thình trong chiếc áo mưa quá cỡ, mẹ ướt sướt mướt, nở nụ cười tê tái chào khách. Ông bối rối nhìn mẹ con cô chủ quán quấn quít bên nhau, chạnh lòng buồn cho chính mình.

Bầu trời, mặt đất nhẹ nhõm sau mưa. Mặt đường sạch như lau, vòm xà cừ bên đường thỏa chí vờn trong gió. Người hân hoan đổ ra đường, nối nhau tấp nập. Tự nhiên ông thấy choáng đầu, chạy xe như vô định. Ông lòng vòng một đỗi rồi ghé vào công viên Biển Đông. Những mong tìm yên tĩnh nhưng ông giật mình thấy mình lạc lõng giữa chốn này. Quanh ông, thanh niên đi từng đôi, trẻ nhỏ đã có đàn, người già vịn vào vai con cháu mà bước, còn ông...

Nhìn những đôi trẻ đang tự tình trên ghế đá, ông những muốn nói to nhưng không thể cất nên lời: "Các bạn trẻ ơi! Trong tình yêu, người ta có thể sai lầm nhưng đừng bao giờ là kẻ hèn nhát và ích kỷ...". ■

Thiên nhiên xanh

TRẦN HỮU LỤC

Thiên nhiên xanh là một phần đời của con người. Người xưa đã tìm về thiên nhiên xanh với nhiều cách chọn lựa. Xa lánh chốn phồn hoa, tìm lại bản ngã, lui về ở ẩn, vui thú điền viên…

Thiên nhiên xanh ở quê tôi cách đây hơn nửa thế kỷ còn giữ lại nếp xưa. Dấu ấn thiên nhiên như còn đằm sâu trong ký ức tuổi thơ. Chỉ với con gà đất được nặn bằng đất sét, vừa để chơi, vừa thổi thành tiếng ở chợ Tết Gia Lạc, là đã tràn ngập âm thanh và sắc màu. Chợ chỉ họp vào ba ngày đầu tháng Giêng xanh. Có thể đây là chợ xưa lâu đời nhất gần giống với một "hội chợ" khu vực ngày nay. Chợ Gia Lạc do Định Viễn công Nguyễn Phúc Bình, hoàng tử thứ tư của vua Gia Long, lập ra bên bờ sông Hương nước xanh trong, nằm gần thôn Vỹ Dạ xanh xanh những bờ trúc, những tàng lá "hàng cau nắng mới lên". Đến ngày họp phiên chợ, người ra, kẻ vào thật đông vui. Thuyền, ghe của giới thương hồ từ vùng đất Quảng, từ các làng biển phá Tam Giang, phá Cầu Hai… đổ về. Chợ có bày hàng bán thức ăn, sản vật các làng quê quanh vùng và các làng xa. Chợ còn tổ chức các trò chơi như đánh bài vụ, nhất lục, đánh bài Thai và có những gian hàng bán đồ chơi cho trẻ em làm bằng đất sét, bằng bột, bằng giấy, những chiếc lùng tung đủ màu sắc, những con gà đất "biết" gáy vang chợ, những chùm hoa giấy Thanh Tiên khoe sắc màu rất được bọn trẻ em ưa chuộng… giống như một "hội chợ" thu nhỏ ngày nay. Dấu ấn đó còn lại trong câu đồng dao "Thuyền giong đến bến xưa Gia Lạc" giữa một vùng quê thiên nhiên xanh. Con gà đất Gia Lạc vẫn còn lưu lại trong ký ức nhiều thế hệ. Mỗi khi nhớ quê, nhiều người xa xứ vẫn còn nghe vọng lại từ sâu thẳm tiếng con gà đất "gáy", tưởng như tiếng gọi quê nhà từ thuở xa xưa.

Thiên nhiên xanh vẫn hằng tĩnh tại dù cuộc sống đã đổi khác, đất nước đã phồn vinh, tiến bộ. Nhưng nhiều làng mạc, đồng lúa, nương dâu, vườn cây, thác nước, rừng cây… đã đổi dạng, thay hình, vơi bớt màu xanh. Những vùng đồi, cánh rừng đang kêu cứu, những cánh rừng, những thôn ấp bỗng nhiên biến mất! Mảng thiên nhiên xanh gần gũi với con người ngày càng bị thu hẹp lại. Ngày lại ngày, ngươi dân sống chen chúc trong nhiều đô thị chợt nhận ra họ đang mất dần thiên nhiên xanh, niềm hạnh phúc tuổi thơ của mình. Họ lại vội vã, có khi trở nên hốt hoảng, đi tìm thiên nhiên tự tạo để có đủ đầy hoa trái và màu xanh quanh mình. Tái hiện một chút thiên nhiên xanh ở một góc vườn nhỏ, trên một sân thượng lộng gió hay dọc theo hai bên đường dành cho người đi bộ hoặc trong các công viên… Biết đâu một hòn non bộ giả núi, một vùng cây xanh giả rừng… cũng có thể làm vơi đi nỗi nhớ đau đáu về thiên nhiên? Và ngay giữa lòng thành phố bao vây với những dãy nhà cao tầng chót vót có thể mọc lên một vùng quê xưa còn nguyên dáng vẻ thiên nhiên. Một dòng sông xanh nho nhỏ nhân tạo chảy giữa phố đông người và một bến sông quê hiền hòa dưới bóng tre xanh. Một vài chiếc thuyền ba lá nằm đợi khách qua sông và một đàn vịt tung tăng trên dòng nước trong xanh… Làng quê nhân tạo này hội tụ rất nhiều các loài cây xanh và nhiều loài kỳ hoa dị thảo. Và xa xa y như thật, một chiếc xe đạp nước cổ như đã có rất lâu đời ở quê xưa… Chỉ có khác và mới lạ hơn xưa là để khách vãng lai tham quan và chụp ảnh cảnh quê xưa, bến nước, sông nhà, vườn cũ, hoa trái thu nhỏ… cho đỡ "nhớ quê xưa". Có ai đã đến thăm làng quê giữa phố thị mà không khỏi chạnh lòng hoài hương? Và dù có nỗ lực tìm về với thiên nhiên xanh cũng không thể như thiên nhiên vốn tĩnh tại. Chính hình ảnh thiên nhiên xanh vốn có giữa núi sông, đất nước, trong tâm hồn của mỗi người mới thực sự là "bất sinh bất diệt".Thiên nhiên xanh sẽ mãi là nỗi ám ảnh thân thiết, vời vợi trong mỗi đời người. ■

Mùa thu vàng (1895)

Mùa thu của Levitan

HOÀNG HẠ

Levitan đã vượt qua mọi quy ước của các nhà vẽ tranh phong cảnh lãng mạn cổ điển trước mình để trở thành người sáng tạo một trường phái thể hiện mới, trường phái phong cảnh tâm trạng (mood landscape), hay có thể nói đúng hơn là trường phái tranh thiên nhiên, rất gần với trường phái ấn tượng (impressionism)

Tu viên yên tĩnh (1890)

Đầu những ngày thu tháng 8 năm 1900, Isaac Ilyich Levitan đã đi vào giấc ngủ vĩnh cửu. Nhà danh họa, bậc thầy về những bức tranh mùa thu đã ra đi đúng vào mùa thu bắt đầu trên xứ sở bạch dương.

Là người Nga gốc Do Thái, Levitan xuất thân và được đào tạo bài bản từ Trường Hội họa Điêu khắc và Kiến trúc Moskva từ tháng 9-1873. Nếu ở Ý, Leona De Vinci nổi tiếng với tác phẩm *Nụ cười của nàng Mona Lisa,* thì ở Nga, bức tranh thiên nhiên đã làm nên tên tuổi của Levitan chính là bức *Mùa thu vàng* (1879). Danh họa Levitan có lẽ là một trong số rất ít họa sĩ chuyên vẽ tranh thiên nhiên vào thế kỷ thứ XIX. Trong tất cả những bức tranh thiên nhiên (không phải phong cảnh) của Levitan

Rừng bạch dương (1885)

Sự yên tĩnh vĩnh hằng (1894)

Ngôi nhà dưới cây đồng hoang (1880)

tuyệt nhiên không có người, duy nhất chỉ có bức *Một ngày thu* là có một bóng dáng thiếu nữ đi giữa con đường yên tĩnh với hai bên là rừng thu. Người thiếu nữ đó chính do người bạn thân của Levitan là N.P. Tsêkhôp vẽ thêm vào (sau đó trở thành đại văn hào Nga).

Tranh thiên nhiên của Levitan độc đáo nhất là mây trời và sự lột tả của màu sắc ở các vỏ cây. Giới hội họa xem tài vẽ mây trời của Levitan đẹp như Claude Monet vẽ mây trời bằng màu nước.

Xem tranh thiên nhiên của Levitan, ta thấy tâm hồn của nhà danh họa thật mênh mông, phảng phất những nỗi buồn, sự hiu quạnh và cô độc. Bằng chứng là những bức họa hoàn toàn không có người. Ông đã tôn vinh nét đẹp thiên nhiên cũng như thể hiện sự nâng niu, quý trọng môi trường xanh và những tác phẩm của ông đã trở thành những thanh âm trữ tình, là những giai điệu mộc mạc, lãng mạn của đất, trời, cây cối và sông nước.

Còn một trong số những bức tranh thiên nhiên của Levitan, theo người viết thì cũng có thể liệt vào tuyệt tác bên cạnh sự nổi tiếng của *Mùa thu vàng*, đó là bức *Cái yên tĩnh của vĩnh hằng*. Đây là bức tranh của đất trời và đại dương. Hãy xem nhát vuốt từ bay của Levitan khi kéo một vệt mây ngang trên bầu trời tím than một cách phóng túng trong êm ả, như Beethoven gõ từng tiếng cô độc của sự khởi đầu ở *Symphony số 5 (Định mệnh)*.

Rừng, đất, nước là ba chủ thể chính trong tranh Levitan. Bố cục này thường ẩn hiện bàng bạc, xuyên suốt của trên 300 bức họa sơn dầu, di sản của Levitan để lại đang được lưu giữ tại Viện Hàn lâm Nghệ thuật Nga, nơi Levitan được bầu vào năm 1897. Trong các bức tranh rừng, tác phẩm *Rừng bạch dương* (1885-1889) thuộc vào hàng bất hủ.

Sinh ngày 30-8-1860, nhà danh họa đã về với *Cái yên tĩnh vĩnh hằng* vào ngày 4-8-1900. Lúc đó Levitan đang vẽ gần xong bức tranh Hồ. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Sáng thứ hai, bà xã tôi đi làm sớm mà đứa con trai mới 5 tuổi của chúng tôi lại dậy trễ, nên tôi phải chở cháu đến trường mẫu giáo. Vì cháu chưa ăn sáng, trên đường đến trường, tôi ghé mua cho cháu một cái bánh sandwich sữa, thứ nó vẫn thích. Có lẽ hoa mắt vì các mặt hàng được bày bán, thằng bé đổi ý mà chưa kịp phát biểu, lại vẫn còn giận bố vì bị mất giấc ngủ, khi tôi đưa bánh cho cháu, thằng bé thẳng tay quăng cái bánh xuống đất trong lúc tôi trả tiền. Quá đột ngột, tôi không phản ứng gì được. Đứng trước mặt bố con tôi là một thanh niên đã mua hàng xong, cũng đang chờ nhận lại tiền lẻ. Nhanh tay lẹ mắt, người ấy uốn người xuống chụp ngay được cái bánh. Tiếp theo, bằng một động tác duyên dáng và có phần khôi hài, người ấy đưa cái bánh lên trước mặt con tôi, bảo, "Cháu biết chú có tài làm xiếc nên thử tài chú phải không? Cái bánh này ngon lắm, chú bắt được thì cháu cho chú chứ?". Thằng nhóc con tôi đã cười khúc khích khi thấy người ấy bắt được cái bánh, vội giơ tay ra định lấy lại cái bánh; nhưng người thanh niên đã nói, "Không được. Chú thấy cháu phụng phịu rồi quăng cái bánh đi. Bây giờ cháu phải xin lỗi bố cháu đã". Thằng nhóc nhìn tôi, rồi quay lại trả giá, "Vậy cháu xin lỗi bố thì chú trả lại cháu nghe!". Người ấy không trả lời mà ra lệnh, "Cháu xin lỗi bố cháu đi". Bấy giờ con tôi lí nhí xin lỗi tôi rồi quay sang người ấy chờ đợi. Người ấy ra lệnh tiếp, "Cháu còn phải cảm ơn chú nữa". Sau khi thằng bé cảm ơn, người ấy đưa cái bánh cho nó. Tôi lên tiếng, "Em còn đi học hay đã đi làm?". Người ấy trả lời, "Dạ, em đang học năm cuối Đại học Sư phạm". Ngay lúc ấy, người bán hàng mang tiền lẻ ra trả cho tôi. Nhận tiền, đếm tiền và bỏ tiền vào ví xong, ngẩng lên, tôi thấy người thanh niên ấy đã đi khỏi. Tiếp tục chở con đến trường, tôi thầm phục cách xử sự của người sinh viên ấy, nhưng trên hết, tôi quý trọng sự bén nhạy và cái tâm giúp người của em. Xin báo VHPG giúp tôi gửi đến người sinh viên ấy lời cảm ơn muộn.

Phạm Hữu Khánh, *quận 12, TP.HCM*

Từ khi về hưu tôi mới nhận ra bạn bè và người quen, ở từ độ tuổi của mình trở lên, bệnh hoạn hơi nhiều. Hầu như tuần nào tôi cũng có một lần đi thăm bệnh. Ở xa thì đi chung có người chở bằng xe gắn máy; ở gần, tôi vẫn quen đi xe đạp. Tôi cũng nhận ra chiếc xe đạp và người đi xe đạp luôn bị những người quản lý bãi giữ xe coi thường. Trưa hôm ấy, tôi gửi xe đạp ở một bãi giữ bệnh viện, đã chú ý dựng xe tại chỗ trống để dễ lấy ra. Đến lúc trở ra bãi để lấy xe về nhà, tôi thấy chiếc xe của tôi đã bị chắn bởi gần một chục chiếc xe gắn máy, chẳng biết cách nào dời được số xe gắn máy ấy mà dẫn xe của mình ra khỏi bãi. Đang loay hoay thì tôi thấy một người thanh niên đeo ba-lô trông có nét là sinh viên dẫn xe vào bãi. Nhìn dáng vẻ khổ sở của tôi, người thanh niên ấy sốt sắng hỏi, "Cô có cần em giúp gì không?". Mừng quá, tôi trả lời, "Xe của tôi bị chắn như thế này, không lấy ra được". Thế là người thanh niên dựng xe rồi bước vào theo chỉ dẫn của tôi đến chỗ chiếc xe đạp được dựng ở sát tường, nhấc hẳn chiếc xe lên, mang nó ra khoảng trống để tôi có thể dẫn đi được. Một mặt là vì trời quá nắng; mặt khác, đòng người dẫn xe ra khỏi bãi cũng đang chen chúc nhau trước khe hẹp của lối ra, khi nhận chiếc xe từ tay em, tôi vội vàng hòa vào đòng người lấy xe ra khỏi bãi, quên cả việc nói với em một lời cảm ơn. Lúc đã đạp xe trên đường về nhà rồi, tôi mới nhận ra sự sơ ý của mình. Đành nhờ VHPG chuyển đến người thanh niên ấy một lời xin lỗi và cảm ơn muộn vậy.

Thân Thị Cẩm Tú, *quận 11, TP.HCM*

Bí ngô nấu canh
với đậu phụng và bột báng

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Bí ngô có tới 30 chất bổ, các nguyên tố vi lượng, phốt pho, sắt, kẽm và nhiều vitamin A… Đặc biệt bí ngô già có nhiều beta carotene, rất hợp để ăn trong mùa đông. Món ăn bí ngô giúp tăng cường trí nhớ và thị lực, có tác dụng giảm nguy cơ các bệnh huyết áp, tim mạch, ung thư, béo phì, tiểu đường…

Nguyên liệu:

- Bí ngô: 500gr
- Nấm hương khô: 10gr
- Đậu hủ: 1 bìa
- Đậu phụng: 100gr
- Thân boa-rô: 1 khúc
- Gia vị: muối, tiêu, đường, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

- Bí ngô: gọt vỏ, bỏ ruột, rửa sạch, cắt miếng
- Đậu phụng: ngâm nước cho mềm, bóc vỏ lụa, đâm nhỏ
- Bột báng: ngâm nước cho nở, rửa sạch, để ráo
- Nấm hương: ngâm nước một lúc cho nở, rửa sạch, vắt ráo
- Đậu hủ: chiên vàng, cắt miếng vuông

Ướp nấm và đậu hủ với chút muối, tiêu, nước tương và boa-rô băm nhỏ.

Bắc nồi lên bếp với 1 muỗng súp dầu ăn phi thơm với boa-rô băm nhỏ. Bỏ nấm, đậu hủ đã ướp vào xào thấm. Đổ nước đủ dùng và đậu phụng vào nấu một lúc, tiếp thả bí ngô vào. Khi đậu phụng và bí ngô chín mềm thả bột báng vào, khi bột báng hơi trong là chín. Nêm nếm lại cho vừa ăn, nếu thích có thể nêm thêm một ít đường để canh có vị mặn ngọt cũng thú vị.

Ảnh: **Võ Lộc**

CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE

CHÂN NGUYÊN®

Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHSAWA.

96H Võ Thị Sáu - P.Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659
184 Nguyễn Thiện Thuật, P.3, Q.3 - Tel. (08) 35377122
237 Trường Chinh, P. 12, Q. Tân Bình
C1 Đường số 4 Khu Dân cư Tấn Trường, Đường Gò Ô Môi, P. Phú Thuận, Q. 7

ĐỘT QUỴ - TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO

Tiền chứng đột quỵ não

PGS TS BS Vũ Quang Bích

Theo phân loại bệnh tật quốc tế lần thứ 10 (năm 1992), cơn thiếu máu não cục bộ tạm thời (CTMNCBTT), có đặc điểm xuất hiện đột ngột, có triệu chứng thần kinh khu trú, tồn tại trong thời gian ngắn không quá 24 giờ, phục hồi triệu chứng hoàn toàn và có xu hướng lặp lại nhiều lần (tái phát). CTMNCBTT có ý nghĩa rất quan trọng vì nó là tiền đề báo trước một đột quỵ nhồi máu não sẽ xảy ra.

Mạch máu bị chít hẹp gây nhồi máu não.

Trên cơ sở những đặc điểm trên lâm sàng CTMNCBTT, người ta phân ra hai loại CTMNCBTT: CTMNCBTT hệ động mạch cảnh và CTMNCBTT hệ động mạch sống - nền.

Cơn thiếu máu não cục bộ tạm thời của hệ động mạch cảnh

Trong cơn thiếu máu não này chủ yếu là do bít tắc ở động mạch cảnh chung và động mạch cảnh trong bởi vữa xơ động mạch tạo nên cục nghẽn tiểu cầu, fibrin hay cholesterol tích tụ lớp nội mạch thành động mạch tách ra các mảnh nhỏ gây vi nghẽn tắc mạch tại các nhánh động mạch nhỏ hoặc do cục tắc canxi từ van tim. Bình thường, đường kính của lòng động mạch cảnh trong có kích thước trung bình là 7,0mm. Khi đường kính này giảm do cục nghẽn tắc xuống từ 1-2mm sẽ dẫn tới sự biến đổi huyết động trong võng mạc và tuần hoàn não. Từ các khu vực thiếu máu nuôi dưỡng đó phát sinh ra các triệu chứng của cơn TMNTT, phần lớn ở vỏ não của bán cầu đại não trái và ở võng mạc. Do đó trên lâm sàng chủ yếu là các rối loạn chức năng về mắt (võng mạc) và những triệu chứng do tổn thương của bán cầu đại não.

Những triệu chứng về võng mạc mắt

Mù một mắt thoảng qua là triệu chứng đặc hiệu, phổ biến nhất. Thường gặp là đột ngột bệnh nhân thấy mắt nhìn mờ, như qua lớp sương mù, rồi mất thị lực một mắt hay một phần của thị trường, kéo dài từ vài giây đến vài phút, sau cơn mắt lại nhìn được bình thường. Mù thoảng qua thường xuất hiện trước, hiếm thấy xảy ra đồng thời với triệu chứng khu trú thần kinh.

Những triệu chứng về não

Tùy theo động mạch não nuôi dưỡng từng vùng bán cầu đại não bị thiếu máu mà có những biểu hiện lâm sàng đặc trưng khác nhau: nếu thiếu máu ở bán cầu não trái sẽ xuất hiện: rối loạn ngôn ngữ hoặc mất ngôn ngữ vận động (phát âm), loạn phối hợp từ ngữ hoặc mất ngôn ngữ một phần. Thời gian rối loạn ngôn ngữ thường kéo dài 1 - 6 giờ. Hiếm gặp mất ý thức; rối loạn tâm thần thường có biểu hiện trạng thái lo âu khi cơn TMNTT tái phát nhiều lần; liệt nửa người đối bên, không đồng đều giữa tay và chân, bàn tay, mặt thường nặng hơn chân. Có thể thấy tê ngón tay, tê mặt và môi. Đó là do thiếu máu ở khu vực não do động mạch não giữa nuôi dưỡng. Các triệu chứng trên có thể được hồi phục trở lại trong vài giờ, có khi tới 24 giờ sau mới hồi phục hoàn toàn; rối loạn cảm giác thường gặp là dị cảm nửa người kéo dài từ 1 - 6 giờ. Trường hợp liệt nửa người nặng thường kèm theo rối loạn cảm giác kết hợp cùng bên.

Cơn thiếu máu não cục bộ tạm thời ở hệ động mạch sống - nền

Biểu hiện lâm sàng của cơn TMNTT rất phức tạp, đa dạng, các biểu hiện lâm sàng của các vùng não bị thiếu máu sẽ xuất hiện, có khi đơn phương trước, lại có lúc xảy ra đồng thời, kết hợp hay xen kẽ nhau của các rối loạn huyết động, rối loạn thần kinh trung ương và cả hệ thần kinh thực vật.

Các triệu chứng chủ yếu:

Rối loạn tiền đình và rối loạn thăng bằng

- Chóng mặt: Bệnh nhân có cảm giác quay như bị đẩy sang một bên, bồng bềnh như ngồi thuyền. Các cơn này xuất hiện khi thay đổi tư thế đầu đột ngột, gập cổ, nghiêng đầu cổ về một bên, nhất là ngửa cổ quá mức. Đây là triệu chứng đặc hiệu quan trọng, thường gặp tới 80% trường hợp TMNTT.

- Đau đầu: Thường bệnh nhân có cảm giác căng, kéo, nảy như nhịp của mạch, khu trú ở vùng chẩm, hoặc chẩm - gáy. Trên 80% trường hợp TMNTT đau đầu xuất hiện sớm nhất.

- Rối loạn vận nhãn cầu và thị lực: Đây cũng là triệu chứng tương đối phổ biến, thường gặp tới khoảng 50% trường hợp. Bệnh nhân thấy nhìn mờ, như bóng tối, có khi mất thị lực hoàn toàn (mù vỏ não) trong một vài giờ. Nhìn đôi, lác mắt do tổn thương các dây thần kinh sọ não III, IV, VI. Trường hợp nặng có thể xuất hiện liệt nhìn sang một bên, liệt hội tụ nhãn cầu (hội chứng Parinaud). Còn có trường hợp bán manh, khuyết 1/4 thị trường.

- Rối loạn thính giác: Thường gặp là cảm giác có tiếng như ve kêu, ù ù như xay lúa, hay eng eng trong đầu. Có khi đột ngột ù cả hai tai, nghe tiếng động xa xăm, điếc hẳn một bên hay cả hai tai trong thời gian từ vài phút đến vài giờ.

- Cơn sụp đổ: Trong khi đứng hay đang đi, đột ngột thấy choáng váng hay chóng mặt, rồi rất nhanh sụp khuỵu gối xuống nhưng vẫn tỉnh táo nhận biết được những gì đã xảy ra. Sau đó lại vận động đi lại bình thường.

- Rối loạn vận động: Liệt nửa người ở các mức độ khác nhau, có kèm theo tổn thương dây thần kinh sọ não bên đối diện (hội chứng giao bên). Có thể liệt mặt (dây thần kinh sọ não số VII) trung ương và liệt nhẹ hai chân, có khi liệt tứ chi trong trường hợp tổn thương ở cầu não...

- Rối loạn cảm giác: Phần lớn là rối loạn cảm giác nông (đau, nóng, lạnh): giảm hoặc mất cảm giác nửa người (do tổn thương bó gai - thị). Rối loạn cảm giác chủ quan, biểu hiện cảm giác kim châm, kiến bò, nóng rát (dị cảm) ở một hay hai bên mặt (thiếu máu ở cầu não).

- Các triệu chứng hỗn hợp khác: Có một số trường hợp liệt họng - hầu, thanh quản kiểu trung ương, giảm sức co tứ chi (hội chứng giả hành não); giảm trí nhớ hiện tại, nhầm lẫn tạm thời, trầm cảm; giảm hoặc mất khả năng hoạt động sinh dục tạm thời, rối loạn nhịp tim do rối loạn thần kinh thực vật kiểu kết hợp; một số triệu chứng của rối loạn chức năng của tiểu não thường do cuống tiểu não dưới bị xâm phạm, như thiếu phối hợp vận động ở tay hoặc chân.

Nguồn: Tạp chí Sức Khỏe & Đời Sống

Kỳ sau: **ĐIỀU TRỊ TIỀN CHỨNG ĐỘT QUỴ NÃO**

Tham gia chuyên đề : Nguyễn Bồng, Nguyễn Duy Minh, Nguyễn Vinh và

INTERLOG YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
03 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 08.3943.5898-0906.362362
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"

Quý bạn đọc khi đến TP.HCM khám chữa bệnh có nhu cầu:
- Hướng dẫn đúng tuyến các bệnh viện chuyên sâu
- Hướng dẫn các quy trình khám bệnh nhanh theo yêu cầu
- Cung cấp thông tin các bác sĩ giỏi đầu ngành để trực tiếp theo điều trị
Vui lòng liên hệ: CÔNG TY CỔ PHẦN G.I (G.I Corp) – Phòng tư vấn trực tuyến:
WEBSITE: WWW.CAMNANGYKHOA.VN
HOTLINE: 0936.339.667 – 0933.200.080 gặp Mr. Nguyen Vinh

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HỒ CHÍ MINH

TỔ IN ẤN
& PHÁT HÀNH KINH SÁCH

KINH - LUẬT - LUẬN - SÁCH

PHÒNG PHÁT HÀNH TRỰC TIẾP
380/1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tel: 38 48 32 28 - 38 48 38 00

VĂN PHÒNG CHÍNH TẠNG TRỆT
THIỀN VIỆN QUANG ĐỨC
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tel: 38 46 97 21 - 38 48 32 18

Nhà hàng Chay
TÂY TẠNG
Vajra

711 Lê Hồng Phong, Q.10, TP.HCM
Đối diện **Việt Nam Quốc Tự**
Tel: 397 97 128 - 397 97 168

38 Lão Tử, P.11, Q.5 - Bên cạnh **"Chùa Bà Q.5"**
(Chùa Quan Âm - Hội Quán Ôn Lăng)
Tel: 385 38 329

PHÁP PHỤC
LAM HIỀN
HIỆN ĐỘC QUYỀN

MÃ SỐ	KIỂU ÁO	MÀU	GIÁ BÁN LẺ TÙY SIZE
LH01-VK	Vạt Khách	Lam, nâu	70 - 160.000
LH02-LH	La Hán	Lam, nâu	80 - 180.000
LH03-BLT	Bà Lai Thêu	Lam, nâu	150 - 170.000
LH04-CHT	Cổ Tròn Thêu	Lam, nâu	150 - 170.000
LH05-SG	Sám Hối	Lam, nâu	140 - 150.000
LH06-BLH	Bà Lai Hợp	Lam, nâu	150 - 175.000
LH07-VX	Vạt Xéo	Lam, nâu	150 - 175.000
LH08-BS	Bác Sĩ	Lam, nâu	135 - 145.000
LH09-MTS	Mãn Thiên Siêu	Lam, nâu	160 - 170.000
LH10-LT	Lãnh Tụ	Lam, nâu	85 - 180.000
LH11-XT	Xá Tội	Lam, nâu	150 - 175.000
LH12-CT	Cổ Tròn	Lam, nâu	145 - 170.000
LH13-TLD	Thanh Lịch Dài	Lam, nâu	145 - 170.000
LH14-LHT	La Hán Tăng	Lam, nâu	190 - 220.000
LH15-TKT	Trăng Kate	Lam, nâu	85 - 160.000
LH16-TS	Trăng Siêu	Lam, nâu	145 - 160.000
LH17-TDQT	Trăng Đế Quang Tăng	Nâu	265 - 280.000
LH18-TDQH	Trăng Đế Quang Hỉ	Nâu	240 - 255.000
LH19-HT	Hậu Tăng	Vàng, đồng	290.000
LH20-NL	Nhật Lễ	Lam	220 - 240.000
LH21-TPHKT	Trăng Phục Hóa Kate	Lam, nâu	160 - 170.000
LH22-TPHS	Trăng Phục Hóa Siêu	Lam	170 - 180.000
LH23-AC	Áo Choàng	Nâu	300 - 450.000

Khách hàng mua sỉ sẽ được **chiết khấu 20%**
và **chiết khấu đặc biệt** cho đơn hàng số lượng nhiều.

Hotline: 012345 80888

SHOP MAY & VĂN PHÒNG
CHÙA PHỔ QUANG - 94/3 Phổ Quang, Q. Tân Bình
XƯỞNG MAY tại Ấp An Hòa, Xã An Phú, Huyện Củ Chi

Vietpearl Corporation

Việt Chay
VĨNH NGHIỆM
Vegetarian Restaurant

Nuôi lớn mầm yêu thương
Nourish compassion

DU LỊCH TÂM LINH
NGỌC VIỆT TRAVEL

- VŨ TRỤ TÂM LINH TÂY TẠNG HUYỀN BÍ
- ĐẤT PHẬT ẤN ĐỘ - NEPAL
- VƯƠNG QUỐC PHẬT GIÁO BHUTAN
- TỨ ĐẠI PHẬT SƠN TRUNG QUỐC

CHÙA VĨNH NGHIỆM
339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM

Email: nhahangvietchay@yahoo.com | Email: ngocviet_travel@yahoo.com
Tel: (08) 38 48 33 99 | Tel: (08) 38 48 33 88

TRUNG TÂM PHẬT NGỌC

94 Phan Đình Phùng, P.2, Q. Phú Nhuận - Tel: (08) 3990 3888 - 012345 80888

NHÀ CUNG CẤP SỈ

CÁC LOẠI VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

Tranh tượng, đồ thờ cúng, kinh sách, băng đĩa, chuỗi hạt, pháp khí, pháp phục...

NGUỒN HÀNG:
ẤN ĐỘ, NEPAL, BHUTAN, TÂY TẠNG,
TRUNG QUỐC, HÀN QUỐC, THÁI LAN
CÁC NƯỚC SẢN XUẤT THEO NƯỚC
ĐỐI TÁC THÂN HỮU PHẬT GIÁO TP.HCM
PHÁP PHỤC LAM HIỀN

PHÁP PHỤC LAM HIỀN
Lam Hiền xin hiến cúng trong nghiêm

Chư Tôn Đức đến thăm Xưởng may pháp phục Lam Hiền ở Củ Chi

PHÂN PHỐI CÁC MỚI:

CÁC CHI NHÁNH PHẬT NGỌC

- 40 Cù Lao, P.2, Q.Phú Nhuận
  Đối diện QUÁN ÂM TỰ VIỆN
  Tel: (08) 3517 2828
- 711 Lê Hồng Phong, Q.10
  Đối diện VIỆT NAM QUỐC TỰ
  Tel: (08) 397 97 168
- 110 Sương Nguyệt Ánh, Q.1
  Email: phatngoc68@yahoo.com
  Tel: (08) 3926 1651
- 38 Lão Tử, P.11, Q.5
  Bên cạnh CHÙA BÀ Q.5 (Hội Quán Ôn Lăng)
  Tel: (08) 3863 9328

SIÊU THỊ
PHÁP HOA
www.vietnamphaphoa.vn

CHÙA PHỔ QUANG
94/3 Phổ Quang, P.2,
Q.Tân Bình
Tel: (08) 3845 1828

CÁC PHÒNG PHÁT HÀNH KHÁC

VINCOM
"Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động"
CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM
Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội
Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888
www.vincom.com.vn

❑ Kính mời

Quý độc giả đặt tạp chí Văn Hóa Phật Giáo dài hạn cho năm 2012, xin điền vào tờ rơi đính kèm trong tạp chí như hình mẫu dưới đây và gởi đến tòa soạn.

VĂN HÓA

PHIẾU ĐẶT BÁO DÀI HẠN

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Họ và tên:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Email:
Số tài khoản:

HƯỚNG DẪN THANH TOÁN

Bạn đọc vui lòng điền đầy đủ thông tin đăng ký và gởi phiếu đặt báo về Ban phát hành Tạp chí VHPG

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Tôi đồng ý đặt mua Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

☐ 12 số đầu năm 255.000 đ
☐ 12 số cuối năm 255.000 đ
☐ Nguyên năm 510.000 đ

Bắt đầu từ số đến số
Từ tháng /2012 đến tháng /2012

PHÁT HÀNH MỖI THÁNG 2 KỲ

Du cước phí bưu điện tăng khoảng 30% và giá giấy, giá in cũng cao hơn nên Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đành phải lỡ giá mới như trên.

Khu ẩm thực chay sân vườn
Thiên Ý

- ❑ Phục vụ các món ăn thuần chay ngon lạ, hấp dẫn
- ❑ Thứ Bảy & Chủ nhật hàng tuần có món bánh xèo rau rừng, bánh canh Trảng Bàng
- ❑ Buffet ngày Rằm và Mùng Một hàng tháng từ 10 giờ sáng đến 22 giờ

Đặc biệt có chương trình hòa tấu nhạc cụ dân tộc (từ 18h – 21h)

Nhận đặt tiệc

- ❍ Liên hoan – Sinh nhật – Hội nghị và phục vụ đón tận nơi theo yêu cầu
- ❍ Sân vườn thoáng mát, phong cảnh đẹp, không khí thiên nhiên trong lành, thanh tịnh

Diện tích lớn, bãi đậu xe ô tô thuận tiện tổ chức các buổi hội nghị lớn

PHÒNG PHÁT HÀNH VHP PHẬT GIÁO HƯƠNG SEN

❖ Phục vụ các ấn phẩm Phật giáo: Kinh sách, băng đĩa, pháp phục, vật dụng thờ cúng, tranh tượng Phật, v.v.

❖ Đặc biệt: **TRANG SỨC TÂM LINH** (trang sức vàng bạc có khắc câu thần chú của Bồ-tát Quán Thế Âm **Om Mani Padme Hum**)

36 Trần Quý Cáp, P.11, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 08.3516.7475 - 0913916036

Hương Thiền
Nhà hàng chay Thái Lan

- Thực đơn chay phong phú
- Không sử dụng bột ngọt, không hóa chất độc hại
- Nhận tổ chức tiệc chay theo yêu cầu...

ĐC: B10 Trường Sơn, P.15 Quận 10
Tel: 08 3970.547[illegible]

Web: www.huongthien.net
Email: info@huongthien.net

Ngọc Bích-Nephrite

Website: www.ngocbich-nephrite.com

Quý khách có nhu cầu thỉnh tượng Phật và Bồ tát bằng ngọc bích và ngọc trắng Miến Điện *(cửa hàng sẽ có giá ưu đãi)*

Nơi chuyên cung cấp nhiều loại mẫu mã, kiểu dáng đẹp về trang sức bằng ngọc bích và các tôn tượng ngọc trắng Miến Điện

- ❍ **Cửa hàng 1:** 10 Khu B, Trường Sơn, P.15, Q.10 - ĐT: (08) 3970.5471 - 39700354
- ❍ **Cửa hàng 2:** 359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3 - ĐT: (08) 5404.3752
- ❍ **Cửa hàng 3:** 237 Ông Ích Khiêm, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng - ĐT: (0511) 3692.799
- ❍ **Cửa hàng 4:** Siêu thị Hoàng Lan, 615 - 616 QL 1A, Trảng Bom, Đồng Nai

QUÁN CHAY
pháp uyển

Nơi thưởng thức ẩm thực chay tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35 035 579

HIỆU SÁCH NGỌC LINH

Số 380/3 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 3843 5550 – 0908 348 697 – 090 373 6262
Email: hsngoclinh@yahoo.com

Chuyên phát hành sỉ & lẻ:

- ❑ KINH SÁCH PHẬT GIÁO, SÁCH NGHIÊN CỨU
- ❑ BÁO CHÍ PHẬT GIÁO, TRANH TƯỢNG PHẬT
- ❑ CÁC MẶT HÀNG VĂN HOÁ PHẨM PHẬT GIÁO
- ❑ QUÀ TẶNG, HÀNG LƯU NIỆM, MÁY NIỆM PHẬT
- ❑ PHÁP PHỤC PHẬT GIÁO

Chi nhánh tại Tiền Giang:
Địa chỉ: 89B Ấp Bắc, phường 4, Mỹ Tho
ĐT: (073) 3877794 – 0908 766 441
Email: hoatamngoclinh@yahoo.com

❑ **Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO**
❍ *Xin vui lòng liên hệ:* ***Cô Thu Sương***
❍ *ĐTDĐ:* **0918 032 040**
Email: thusuong69@gmail.com

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHE CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DĐ: 0989 183 398

❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý
ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506
Fax: (08) 3865.6506
Email: *quangnghecandle@yahoo.com.vn*
Website: *www.quangnghecandle.com*

Đang phát hành

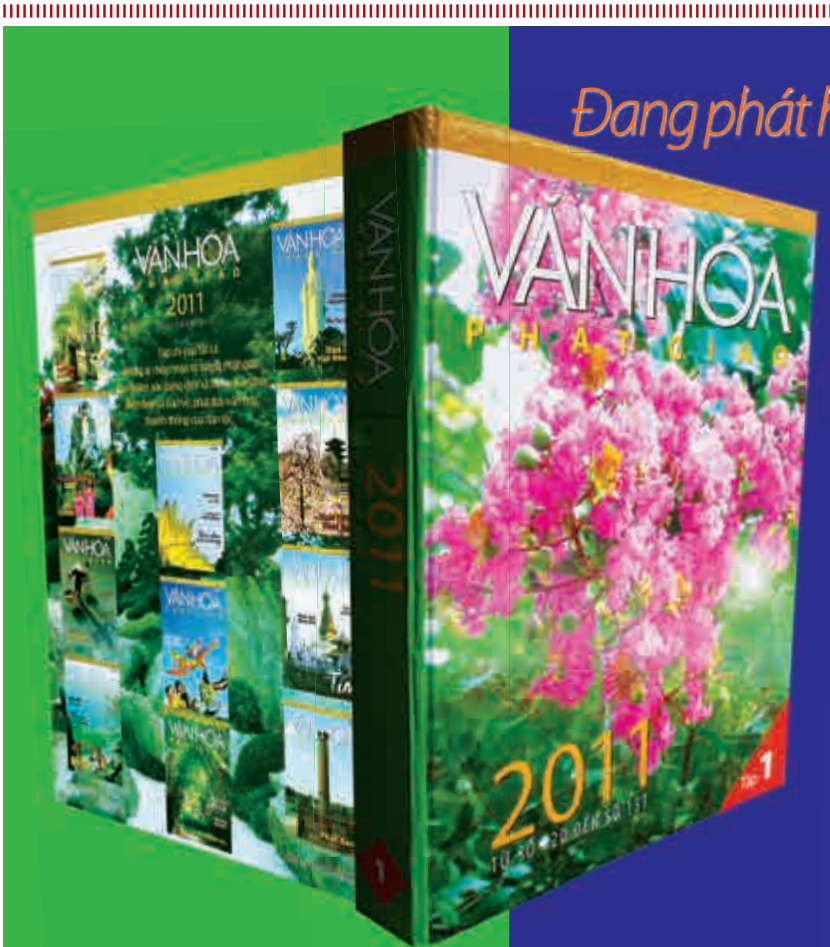

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 1** năm 2011,
từ số 120 đến số 131
giá: 210.000đ/cuốn

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ :
Tòa soạn tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8,
quận 3, TP. HCM.

Đón đọc

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Số 143

Phát hành ngày 15 - 12 - 2011

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI
Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH
Cô Nguyên Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QB
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ
Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG
Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113565021
(Chị Ty)

QUẢNG NGÃI
Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH
Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiển Nam
3 Trần Thị Kỷ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA
Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 – 0168 2552 374

NINH THUẬN
Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK
Thầy Thích Nguyên Huấn,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 – 0913 434 138

LÂM ĐỒNG
Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hường)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành ,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG
Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ
Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 – 07103827685

TIỀN GIANG
Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 – 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG
Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 – 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH
Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG